

TRUNG TÂM THÔNG TIN TƯ LIỆU KH&CN QUỐC GIA

KỸ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC KINH TẾ TRI THỨC

TẬP I

VDC Media – 2001

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	2
LỜI GIỚI THIỆU CỦA BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO	4
PHÁT BIỂU KHAI MẠC	9
PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG.....	12
BÁO CÁO ĐỀ DẪN “KINH TẾ TRI THỨC VỚI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM”.....	15
NỀN KINH TẾ TRI THỨC - MỘT CƠ HỘI MỚI CHO NƯỚC TA SAU HAI THẾ KỶ.....	35
XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TRI THỨC VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ.....	41
TRI THỨC VÀ PHÁT TRIỂN TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY.....	52
GÓP PHẦN TÌM HIỂU KINH TẾ TRI THỨC	65
KINH TẾ TRI THỨC KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC PHÁT TRIỂN	74
KINH TẾ TRI THỨC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VIỆT NAM.....	91
MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ KINH TẾ TRI THỨC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỚI VIỆT NAM.....	98
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ VÀ NỀN KINH TẾ DỰA TRÊN TRI THỨC	102
NỀN KINH TẾ TRI THỨC VÀ MỤC TIÊU CÔNG NGHIỆP HOÁ-HIỆN ĐẠI HOÁ CỦA VIỆT NAM TRONG TẦM NHÌN 2020	108
KINH TẾ TRI THỨC VÀ VẤN ĐỀ LỰA CHỌN MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM (Các luận đề)... ..	115
VỀ CON ĐƯỜNG XÂY DỰNG KINH TẾ TRI THỨC Ở NƯỚC TA	131
XÂY DỰNG MỘT NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ Ở VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ.....	142

LỜI NÓI ĐẦU

Để thiết thực phục vụ việc chuẩn bị các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Ngoại giao đã phối hợp tổ chức Hội thảo "Kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam" trong hai ngày 21 và 22 tháng 6 năm 2000 tại Hà Nội. Tham gia Hội thảo có 153 đại biểu từ 20 Bộ, Ban, ngành Trung ương, 13 Viện nghiên cứu chiến lược, chính sách và khoa học công nghệ, 5 doanh nghiệp trong các lĩnh vực công nghệ cao.

Đồng chí Lê Xuân Tùng, ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm và nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước đã đến dự.

Hội thảo tập trung nhấn mạnh về sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, sự bùng nổ các công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học... "đang tạo ra những biến đổi về chất chưa từng có trong lực lượng sản xuất, đưa nhân loại từng bước quá độ sang một trình độ văn minh mới - văn minh trí tuệ", mà nội dung chủ yếu của nó là nền kinh tế tri thức. Đó là xu thế tất yếu của quá trình phát triển sức sản xuất, là thành tựu quan trọng của loài người mà chủ nghĩa xã hội phải nắm lấy và tiếp thu. Nhiều nước trên thế giới đang tích cực hình thành chiến lược để đi vào kinh tế tri thức, xã hội thông tin.*

Đối với nước ta, sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức là cơ hội lớn để đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển lực lượng sản xuất đi lên chủ nghĩa xã hội. Nếu không biết tận dụng cơ hội này để đổi mới cách nghĩ, cách làm, nâng cao năng lực nội sinh, bắt kịp tri thức mới của thời đại, thì không thể đi tắt đón đầu và sẽ tiếp tục tụt hậu rất xa.

Vì vậy, việc tìm hiểu và làm rõ khái niệm, bản chất và xu hướng phát triển của kinh tế tri thức, các tác động về kinh tế, xã

hội, thời cơ, thách thức và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trước xu thế phát triển của kinh tế tri thức, trên cơ sở đó đề xuất những vấn đề về chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn tới, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Hội thảo lần này là bước khai phá để thực hiện mục đích đó.

Các tham luận trong Hội thảo rất phong phú, với những cách nhìn từ nhiều góc độ khác nhau trong việc phân tích, lý giải một vấn đề còn rất mới mẻ đối với nước ta. Hầu hết các tham luận đều có những đề xuất về chủ trương, giải pháp, nhằm đưa nước ta nhanh chóng tiếp cận nền kinh tế tri thức.

Xin trân trọng giới thiệu bản Kỷ yếu Hội thảo để các đồng chí tham khảo.

Ban Tổ chức Hội thảo chân thành cảm ơn các tác giả đã tham gia nhiệt tình và có trách nhiệm cao, đóng góp những bản tham luận có nhiều giá trị lý luận và thực tiễn cho bản Kỷ yếu và mong được tiếp tục cộng tác trong thời gian tới.

Ban Tổ chức Hội thảo

LỜI GIỚI THIỆU CỦA BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước,

Kính thưa các quý vị đại biểu,

Kính thưa tất cả các đồng chí, các bạn đồng nghiệp.

Hôm nay, được sự quan tâm của lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước ta, với sự chỉ đạo sát sao của các đồng chí lãnh đạo các cơ quan hữu quan, cùng sự ủng hộ nhiệt tình và hợp tác chặt chẽ của các bộ, ngành và các nhà nghiên cứu, Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cùng Bộ Ngoại giao đồng tổ chức cuộc Hội thảo khoa học mang chủ đề "Nền Kinh tế Tri thức và các vấn đề đặt ra đối với Việt Nam". Có thể nói, đây là cuộc hội thảo khoa học đầu tiên được tiến hành tại Việt Nam về chủ đề quan trọng này, được phối hợp tổ chức chặt chẽ, mang tính liên bộ, với sự tham gia đông đảo ở cấp cao, đại diện cho các cơ quan quan trọng của Đảng và Chính phủ, cùng sự có mặt của đại diện một số doanh nghiệp.

Như các đồng chí đã biết, mục đích của cuộc Hội thảo lần này là nhằm bước đầu đẩy lên trong xã hội, trước hết là trong giới nghiên cứu và những người tham gia vào công tác hoạch định chính sách, cuộc thảo luận về một xu hướng phát triển mới của kinh tế thế giới, qua đó góp phần nâng cao hiểu biết và nhận thức chung trong các giới về vấn đề kinh tế tri thức và từng bước đi tới sự thống nhất trong nhận định về xu hướng này.

Cuộc hội thảo cũng sẽ đồng thời xem xét một số vấn đề chủ yếu đặt ra đối với Việt Nam trong điều kiện thế giới hiện nay đang ngày càng chuyển mạnh sang nền kinh tế dựa trên tri thức, thông qua việc xem xét những tác động của xu thế xã hội hoá nền kinh tế thế giới để nhận định khả năng phát triển nền kinh tế tri thức ở nước

ta và từ đó đề xuất những khuyến nghị đóng góp vào việc xây dựng chiến lược phát triển đất nước trong thế kỷ 21.

Kính thưa các đồng chí,

Có thể nói, chưa bao giờ như hiện nay, khi chúng ta đi đến bất cứ đâu, tham dự bất cứ một hội nghị quốc tế lớn nào có liên quan đến phát triển và hợp tác kinh tế quốc tế mà không được nghe tới một thuật ngữ mới, thuật ngữ này có thể có những biến thiên nhất định như: "kinh tế tri thức" (knowledge economy) hay "nền kinh tế dựa trên tri thức" (knowledge-based economy), "nền kinh tế mới" (new economy), hay "nền kinh tế số hoá" (digital economy), v.v.. và v.v.. Nhưng tựu chung lại, tất cả những thuật ngữ trên, về thực chất, đều đang đề cập tới một xu thế phát triển mới, một xu thế mang tính bước ngoặt, sẽ ảnh hưởng ngày càng lớn tới đời sống chính trị và kinh tế thế giới, được dự đoán có khả năng làm cho văn minh thế giới có những biến đổi với những tốc độ bất thường, dẫn tới sự thay đổi tạo giai đoạn phát triển lịch sử mới. Nền kinh tế này, với việc lấy tri thức và sáng tạo kỹ thuật mới làm cơ sở, lấy toàn cầu làm thị trường, có thể sẽ làm thay đổi sâu sắc mô hình tăng trưởng kinh tế, kết cấu ngành nghề, thể chế kinh tế, kết cấu xã hội, chế độ giáo dục, hướng đi của nền văn hoá các nước. Đồng thời, nó cũng sẽ đặt ra nhiều vấn đề mới, những cơ hội mới cùng những thách thức mới cho việc hoạch định và thực thi chính sách đối nội, đối ngoại của mỗi quốc gia.

Ý thức được những tác động to lớn có thể có của loại hình kinh tế mới này đối với sự phát triển của nhân loại, sự phồn vinh và tăng trưởng bền vững của mỗi quốc gia, những cơ hội và thách thức mà nó đặt ra đối với Việt Nam, Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, trong phát biểu của mình nhân dịp kỷ niệm lần thứ 110 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã khẳng định: "Để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm cho khoa học và công nghệ thật sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và động lực chủ yếu trong phát triển kinh tế-xã hội, khắc phục nguy cơ tụt hậu về khoa học và công nghệ. Trong thời đại cách mạng thông tin hiện nay, chúng ta không có sự lựa chọn nào khác là phải tiếp cận nhanh chóng với tri thức và công nghệ mới nhất của thời đại để hiện đại hoá nền kinh tế, tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng từng bước hình thành nền

kinh tế tri thức, có năng lực cạnh tranh với giá trị gia tăng ngày càng cao". Và ngày hôm nay, sự quan tâm đó của Đảng và Chính phủ cũng tiếp tục được thể hiện bằng sự có mặt đông đảo của nhiều đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Chính phủ, cho dù công việc bận bịu vẫn đến đây tham gia cuộc Hội thảo khoa học này. Ngày hôm nay, chúng ta rất vinh dự và hân hạnh được chào mừng sự có mặt của:

Đồng chí Lê Xuân Tùng, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, phụ trách công tác tư tưởng văn hoá và khoa giáo;

Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

Đồng chí Vũ Đình Cự, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội.

Chúng tôi cũng rất vinh dự được nhiệt liệt chào mừng sự tham gia của nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp khác của các cơ quan Đảng và Nhà nước ta, như Ban Khoa giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Hội đồng thẩm định nhà nước, Trung tâm KHXH và NV quốc gia, Ban Tổ chức và cán bộ của Chính phủ, cùng các đồng chí Lãnh đạo, đại diện các bộ, ngành của Chính phủ như: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công nghiệp, Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giao thông Vận tải, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục Bưu chính Viễn thông, Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam, Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình, Ủy ban Thể dục Thể thao.

Chúng tôi xin nhiệt liệt chào mừng sự tham gia của các đồng chí lãnh đạo, các cán bộ nghiên cứu hàng đầu thuộc các cơ quan nghiên cứu quan trọng của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Viện Kinh tế thế giới, Viện Văn học, Viện Kinh tế học, Trung tâm Thông tin thuộc Trung tâm KHXH và NVQG; Viện Toán học thuộc Trung tâm KHTN & CN Quốc gia; Trường Đại học Quốc gia Hà nội, Trường Đại học Bách khoa, Học viện Quan hệ Quốc tế, cùng

toàn thể các đồng chí đại diện nhiều Cục, Vụ, Viện thuộc các cơ quan trung ương Đảng và các Bộ ngành của Chính phủ.

Kính thưa các đồng chí,

Trong hai ngày tới, chúng ta sẽ tập trung vào thảo luận về hai vấn đề lớn: (1) những khái niệm chung về nền kinh tế tri thức và, (2) những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam. Chúng ta sẽ được nghe nhiều tham luận của đại diện một số bộ, ngành, doanh nghiệp và các học giả. Tiếp đó, chúng ta sẽ cùng nhau thảo luận về các vấn đề được nêu hoặc thấy cần nêu thêm. Ban Tổ chức đã chuẩn bị một số tài liệu trong đó chủ yếu bao gồm những tham luận của các báo cáo viên cùng lịch trình làm việc trong hai ngày và danh sách đại biểu. Chúng tôi cũng chuẩn bị một phiếu tham khảo ý kiến trong đó mong muốn tất cả mọi thành viên tham gia cuộc Hội thảo này nêu những câu hỏi hoặc những khuyến nghị có liên quan đến các vấn đề cụ thể mà chúng ta sẽ thảo luận để Ban tổ chức tổng hợp, nhằm giải đáp hoặc đưa vào phần khuyến nghị khi kết thúc Hội thảo.

Thay mặt Ban Tổ chức Hội thảo, chúng tôi bày tỏ sự mong mỏi rằng, tuy hai ngày có thể là quá ngắn ngủi cho một hội thảo bàn về một chủ đề lớn và rất mới như thế này, với sự chuẩn bị có thể còn có những khiếm khuyết, trang thiết bị và hội trường phục vụ có thể còn chưa thực đầy đủ, khang trang, nhưng với sự động viên cổ vũ của nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, sự tham gia nhiệt tình của tất cả các đồng chí có mặt tại đây, Hội thảo của chúng ta sẽ thành công tốt đẹp. Chúng tôi mong muốn chúng ta chia sẻ cùng nhau một ước nguyện rằng, Hội thảo này sẽ là bước khởi đầu có ý nghĩa tạo đà cho những bước tiếp theo nhằm đóng góp một cách hữu ích vào công tác hoạch định chính sách phát triển đất nước của Đảng và Nhà nước ta, góp phần quan trọng và thiết thực vào việc đạt tới mục tiêu nhanh chóng thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Chúng tôi tin tưởng rằng, dân tộc Việt Nam, vốn được thế giới biết tới không chỉ bởi lòng yêu nước, ý chí quật cường không bao giờ cam tâm làm nô lệ, mà còn nổi tiếng bởi tính cần cù, trí thông minh và khả năng sáng tạo, sẽ cương quyết không thể chịu thua trong trận chiến mới mang tính toàn cầu này, vì những lý tưởng cao đẹp của CNXH, vì mục tiêu cao đẹp mà Đảng đã vạch ra, vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng,

văn minh, vì một Việt Nam hùng cường, tự hào ngẩng cao đầu sánh vai cùng cường quốc năm châu.

Sau đây, để chính thức bắt đầu làm việc, chúng tôi xin trân trọng kính mời Đồng chí Đặng Hữu, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương; Đồng chí Chu Hảo, Thứ trưởng thường trực Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Đồng chí Nguyễn Đức Hùng, Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao, lên bàn chủ tịch đồng chủ tọa cuộc Hội thảo.

Xin chân thành cảm ơn sự chú ý của tất cả các đồng chí./.

PHÁT BIỂU KHAI MẠC

GS.TS CHU TUẤN NHẠ

Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Cùng với nhân loại, chúng ta đang tiến vào thế kỷ mới, thế kỷ của những thay đổi sâu sắc, mãnh liệt và có tính phổ biến trên phạm vi toàn thế giới. ở khắp mọi nơi, từ các diễn đàn Liên Hợp Quốc, các Hội nghị thượng đỉnh tới các cuộc tiếp xúc song phương, các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia, đều có thể bắt gặp ngày càng thường xuyên những khái niệm rất mới về giai đoạn phát triển hiện nay. Đó là các khái niệm: toàn cầu hoá, xã hội thông tin, kinh tế học hỏi, kinh tế tri thức. Nội dung của các khái niệm này còn đang được hiểu khác nhau, tùy thuộc vào trình độ phát triển, trình độ khoa học và công nghệ của mỗi khu vực, mỗi quốc gia. Mặc dù chưa đạt tới sự nhất quán đầy đủ, chính xác về nội dung của từng khái niệm, song đã có một sự đồng thuận rất lớn là hầu hết các chính khách, các nhà khoa học, các giới kinh doanh đều nhận thức ngày một rõ nét hơn những thời cơ to lớn cũng như những thách thức nghiệt ngã ở đằng sau mỗi khái niệm, mỗi xu thế phát triển nói trên.

Trong số những khái niệm trên đây, khái niệm "kinh tế tri thức" được nhiều người quan tâm hơn cả. Tuy các nhà khoa học còn có những quan niệm khác nhau về kinh tế tri thức, nhưng đã có thể thống nhất với nhau về một số đặc điểm cơ bản, đó là:

- Trong nền kinh tế tri thức, cơ cấu sản xuất và nền tảng của sự tăng trưởng kinh tế ngày càng dựa vào việc ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, nhất là các công nghệ cao;

- Tỷ trọng GDP hoặc tỷ trọng ngành nghề đều có sự dịch chuyển dần từ sản xuất vật chất sang hoạt động xử lý thông tin là chủ đạo;

- Sản xuất ra công nghệ trở thành loại hình sản xuất quan trọng nhất, tiêu biểu nhất;
- Từ tổ chức sản xuất theo quy mô lớn, nhất thể hoá chuyển dần sang tổ chức sản xuất phân tán theo cấu trúc mạng và linh hoạt theo yêu cầu của khách hàng;
- Xu thế toàn cầu hoá, nhất thể hoá các nền kinh tế quốc gia và khu vực tăng nhanh kèm theo hai mặt: cạnh tranh khốc liệt và hợp tác hiệu quả;
- Quá trình tin học hoá các khâu sản xuất, dịch vụ và quản lý là cốt lõi của quá trình chuyển sang nền kinh tế tri thức;
- Tri thức là vốn quý nhất; quyền sở hữu trí tuệ trở thành quan trọng nhất và sáng tạo là động lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển;
- Học tập, học tập thường xuyên, học tập suốt đời là đặc điểm nổi bật của xã hội và nền kinh tế tri thức.

Với cách hiểu như vậy, kinh tế tri thức sẽ làm cho diện mạo và cơ cấu kinh tế thế giới thay đổi một cách căn bản và sâu sắc trong thế kỷ tới. Các siêu cường, đặc biệt là Hoa Kỳ, với tiềm lực kinh tế, đặc biệt là tiềm lực khoa học và công nghệ hùng hậu của mình đang ráo riết tập trung phát triển nền kinh tế tri thức như một chiến lược đảm bảo vị thế lãnh đạo, chi phối trật tự thế giới. Các nước công nghiệp mới đang tìm thấy trong kinh tế tri thức một sung lực mới, động lực quyết định để đuổi kịp các nước công nghiệp phát triển. Các nước phương Nam nhìn nhận kinh tế tri thức với các nguy cơ và thách thức lớn lao. Song cũng có nhiều nước vừa ý thức được rất rõ những thách thức thực sự, đồng thời vừa nhận thấy kinh tế tri thức là một thời cơ chiến lược giúp họ thoát khỏi sự nghèo đói, lạc hậu và chậm phát triển. Với quan niệm: kinh tế tri thức là sản phẩm của sự phát triển chung của toàn nhân loại, xu hướng phát triển dựa trên tri thức - cái tinh túy nhất của Con người, của nhân loại, nguồn lực có khả năng tái sinh mạnh mẽ nhất - là một xu hướng tất yếu.

Khoa học là hệ thống tri thức về các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy. Công nghệ là tập hợp các phương pháp, quy trình, kỹ năng, bí quyết, công cụ, phương tiện dùng để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm. Với ý nghĩa như vậy, khoa học và công nghệ vừa là tri thức có hệ thống đã được tích lũy, vừa là nguồn sản sinh ra tri thức mới.

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm tới phát triển khoa học và công nghệ. Khoa học và công nghệ ở nước ta đã được coi là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là nền tảng và động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nhanh, bền vững đất nước, như đã được ghi nhận ngay trong những dòng đầu tiên của Luật Khoa học và Công nghệ mới được Quốc hội thông qua ngày 1/6 vừa qua. Đây không những là một đường lối đúng đắn, sáng suốt, hợp lòng dân của Đảng đã được nêu lên thành luật mà còn phản ánh xu thế phát triển tất yếu của nhân loại trong điều kiện cụ thể của nước ta.

Hiện nay, chúng ta tự thấy còn những bất cập, còn những khó khăn trước mắt trên con đường xây dựng một nền kinh tế tri thức. Song chúng ta cũng có cơ sở để tin tưởng rằng: Việt Nam có thể đón nhận kinh tế tri thức như một thời cơ phát triển nhanh, bền vững của dân tộc. Nếu biết tận dụng xu thế có tính toàn cầu này cùng với việc phát huy năng lực nội sinh của mình, chúng ta có thể từng bước phát triển nền kinh tế tri thức với sắc thái Việt Nam trong thế kỷ mới.

Kinh tế tri thức là một khái niệm mới mẻ. Việc làm rõ những cơ sở khoa học và thực tiễn về kinh tế tri thức như một xu thế phát triển toàn cầu, đặc biệt là xác định đầy đủ thời cơ và thách thức đối với nước ta là một việc làm hết sức cần thiết. Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Ngoại giao và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã nhất trí cho rằng việc sớm có nhận thức đầy đủ về kinh tế tri thức không những có thể giúp chúng ta hoạch định được các đường lối, chính sách phát triển lâu dài của đất nước mà còn có thể giúp chúng ta chủ động trong việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ mới với ý thức tự tin và thực tế hơn./.

PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG

ĐC. LÊ XUÂN TÙNG

Ủy viên Bộ Chính trị

Phụ trách công tác tư tưởng - văn hoá và khoa giáo

Trước hết tôi xin thân ái chào mừng các đồng chí về đây tham dự Hội thảo do ba cơ quan: Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Ngoại giao tổ chức. Cuộc hội thảo hôm nay thật có ý nghĩa, đã quy tụ được nhiều diễn giả có uy tín, có tâm huyết tham gia.

Chúng ta đang đứng trước thềm của thế kỷ 21, đang chứng kiến một quá trình biến đổi mạnh mẽ, sâu sắc, làm thay đổi mọi lĩnh vực trong đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội, đưa loài người chuyển từ nền kinh tế công nghiệp truyền thống sang nền kinh tế tri thức hiện đại trên phạm vi toàn cầu.

Người ta thường nói nền kinh tế tri thức khi hàm lượng tri thức trong hàng hoá và dịch vụ tăng cao, khi tri thức khoa học trở thành công nghệ hiện đại, khi công nghệ thông tin và viễn thông là phương tiện có ý nghĩa quyết định cho nghiên cứu và sản xuất, kinh doanh, v.v.. Thế giới đang nói nhiều đến nền kinh tế tri thức, đến vấn đề hội nhập và toàn cầu hoá, nhiều quốc gia đã xây dựng những chiến lược phát triển nhằm tạo những tiền đề quan trọng để tận dụng thời cơ đưa đất nước đi vào nền kinh tế tri thức, sẵn sàng tham gia vào quá trình hội nhập.

Tuy nhiên, cho tới nay hình như vẫn chưa đủ thực tiễn để có một hệ thống lý thuyết đầy đủ, trọn vẹn, nêu rõ được quy luật của quá trình hình thành, vận động cũng như cơ chế hoạt động tối ưu của nền kinh tế tri thức. Hàng loạt câu hỏi vẫn chưa có câu trả lời xác đáng. Đối với nước ta lại càng mới mẻ. Vì vậy, tôi hoan nghênh cuộc Hội thảo này như là bước đột phá có quy mô đầu tiên để tìm

hiểu vấn đề này. Và quan trọng hơn là để ứng dụng nó. Đây là thành tựu quan trọng của loài người mà CNXH phải nắm lấy và tiếp thu. Nền kinh tế tri thức tạo ra tiền đề thuận lợi cho các nước có quan hệ sản xuất tiên tiến theo hướng xã hội chủ nghĩa nắm bắt thời cơ nhằm tạo ra một nửa đời sống kinh tế mà chúng ta còn thiếu, đó là lực lượng sản xuất tiên tiến. Một quan hệ sản xuất tốt hay xấu nếu phân tích tách rời lực lượng sản xuất thì thật là vô nghĩa. Vì vậy đây là vấn đề lớn, quan trọng, cần dành thời gian, tập trung nghiên cứu và làm rõ hơn không chỉ trong mà cả sau Hội thảo này.

Thư các đồng chí,

Toàn Đảng, toàn dân đang tập trung chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, đây là một sự kiện hết sức quan trọng. Nội dung của Đại hội Đảng toàn quốc lần này là nhằm tập trung sức mạnh đoàn kết, ý chí cách mạng của toàn Đảng, toàn dân để xây dựng đất nước, tạo ra lợi thế của giai đoạn cách mạng mới, tạo khả năng cho đất nước "đi tắt, đón đầu", thực hiện thành công chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn 2001-2010.

Trong bối cảnh đó, việc các đồng chí tổ chức cuộc Hội thảo về nền kinh tế tri thức như thế này là cần thiết và có ích. Thay mặt Bộ Chính trị tôi hoan nghênh những cố gắng của các đồng chí, đặc biệt là các cơ quan đã có sáng kiến phối hợp tổ chức cuộc Hội thảo này.

Bên cạnh những vấn đề như khái niệm, xu thế, nội dung kinh tế tri thức như đã viết trong chương trình Hội thảo, các đồng chí cần tập trung trao đổi làm rõ một số vấn đề đáng quan tâm khác, chẳng hạn như:

- Cần phải thay đổi tư duy, nhận thức như thế nào để bắt kịp với xu thế thời đại: vừa từng bước tạo ra được nền kinh tế tri thức, vừa thích ứng với nó, đặc biệt trong điều kiện toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.
- Tầm nhìn, chiến lược phát triển của đất nước trong giai đoạn tới phải gắn với nền kinh tế tri thức như thế nào?
- Những khó khăn thuận lợi nào, những thời cơ thách thức gì của nền kinh tế tri thức đang đặt ra trước dân tộc ta?

- Vấn đề gì còn đang nổi cộm, và phải làm gì để thực sự tạo được những bước đột phá, đi tắt, đón đầu cho đất nước?
- Có phải khoa học và công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghệ viễn thông với Internet, với thương mại điện tử, v.v.. đóng vai trò động lực quan trọng trong quá trình phát triển đất nước?
- Có phải đầu tư phát triển nguồn nhân lực, trong đó vai trò của giáo dục đào tạo, của học tập suốt đời, của trọng dụng nhân tài• có ý nghĩa then chốt cho sự thành công của quá trình xây dựng nền kinh tế tri thức, cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?
- Có phải vai trò của Nhà nước trong việc tạo ra môi trường thực sự giải phóng tiềm năng lao động trí tuệ, xây dựng các khu công nghệ cao, khu công nghiệp phần mềm, quỹ hỗ trợ phát triển, v.v.. có ý nghĩa như một chất xúc tác quan trọng để phát huy mọi tiềm năng, sức mạnh trí tuệ của đất nước? v.v.. và v.v..

Các đồng chí cần trao đổi để đề xuất được những kiến nghị cụ thể đối với Đảng và Nhà nước, trước mắt là góp phần xây dựng và thực hiện chiến lược công nghiệp hoá 2001 - 2010.

Thưa các đồng chí,

Dù sao thì cũng không thể để đất nước rơi vào tình trạng tụt hậu, một nguy cơ mà Đảng ta đã cảnh báo. Trái lại, phải đưa đất nước ta dần dần đuổi kịp các nước tiên tiến trong khu vực, tiến lên bắt kịp với xu thế chung của thời đại. ý nghĩa của cuộc Hội thảo là ở chỗ đó.

Chúc Hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp, chúc các đồng chí mạnh khỏe, đóng góp được nhiều ý kiến quý báu, phong phú trong Hội thảo.

Xin cảm ơn các đồng chí./.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

“Kinh tế tri thức với chiến lược phát triển của Việt Nam”

GS. VS. ĐẶNG HỮU
Ủy viên Trung ương Đảng
Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương

Từ thập kỷ 80 đến nay do tác động của cuộc cách mạng KHCN hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, công nghệ năng lượng..., nền kinh tế thế giới đang biến đổi rất sâu sắc, mạnh mẽ về cơ cấu, chức năng và phương thức hoạt động. Đây không phải là một sự biến đổi bình thường mà là một bước ngoặt lịch sử có ý nghĩa trọng đại: nền kinh tế chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức, nền văn minh loài người chuyển từ văn minh công nghiệp sang văn minh trí tuệ.

Những năm gần đây trong nhiều công trình nghiên cứu, nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế và trong nhiều văn bản chiến lược phát triển của các quốc gia người ta đã dùng nhiều tên gọi khác nhau cho giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế như:

"kinh tế thông tin – *information economy*", "kinh tế mạng – *network economy*", "kinh tế số – *digital economy*" (nói lên vai trò quyết định của công nghệ thông tin trong phát triển kinh tế);

"kinh tế học hỏi – *learning economy*" (nói lên động lực chủ yếu của nền kinh tế là sự học tập suốt đời của mọi người);

"kinh tế dựa vào tri thức – *knowledge based economy*", "kinh tế dẫn dắt bởi tri thức – *knowledge driven economy*", "kinh tế tri thức – *knowledge economy*" (nói lên vai trò quyết định của tri thức và công nghệ đối với phát triển kinh tế);

"kinh tế mới – *new economy*" (là tên gọi chung, không xác định nội dung).

Kinh tế tri thức là tên gọi thường dùng nhất. Tổ chức OECD chính thức dùng từ năm 1995. Tên gọi này nói lên được nội dung cốt lõi của nền kinh tế mới, còn kinh tế thông tin, kinh tế số chỉ mới nói về công nghệ thông tin, mặc dù công nghệ thông tin là nội dung chủ yếu nhất nhưng không bao gồm được các yếu tố tri thức và công nghệ khác.

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NỀN KINH TẾ TRI THỨC

1. Vai trò của tri thức đối với phát triển

Tri thức, thông tin, công nghệ luôn luôn có vai trò thúc đẩy phát triển sản xuất, vai trò ấy tăng dần cùng với quá trình phát triển. Trong nền kinh tế nông nghiệp vốn tri thức con người còn quá ít, công nghệ hầu như không đổi mới, tác động của tri thức, công nghệ chưa rõ rệt. Nền kinh tế nông nghiệp kéo dài sáu bảy nghìn năm, tiến bộ hết sức chậm chạp.

Những thành tựu khoa học thế kỷ 17 dẫn tới cuộc *cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất* (cuối thế kỷ 18) thúc đẩy sự chuyển biến từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp. Kinh tế công nghiệp đã phát triển nhanh trong hơn hai trăm năm qua, của cải của loài người đã tăng lên hàng trăm lần; khoa học và công nghệ ngày càng đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế xã hội và ngày càng có điều kiện để phát triển nhanh hơn.

Những thành tựu nổi bật của khoa học đầu thế kỷ 20 với vai trò dẫn đầu của thuyết tương đối và thuyết lượng tử là tiền đề cho cuộc *cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại* ra đời và phát triển bắt đầu từ giữa thế kỷ 20; và trong một phần tư cuối cùng của thế kỷ đã bước sang giai đoạn mới – giai đoạn *bùng nổ thông tin, tri thức, bùng nổ công nghệ*; đặc biệt là các công nghệ cao như công nghệ thông tin (nhất là siêu xa lộ thông tin, internet, multimedia tương tác, thực tế ảo...) công nghệ sinh học (đặc biệt là công nghệ gen, công nghệ tế bào), công nghệ vật liệu mới, công nghệ năng lượng... làm tăng nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, dịch chuyển mạnh cơ cấu kinh tế, tạo sự nhảy vọt trong lực lượng sản xuất, lực lượng sản xuất bước sang giai đoạn mới về chất, *trong đó tri thức, thông tin trở thành yếu tố hàng đầu của sản xuất, khoa học và công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp*; đây không chỉ là cách mạng trong khoa học công nghệ, trong phát triển lực lượng sản

xuất, mà còn là cách mạng trong các quan niệm, các cách tiếp cận, nó đòi hỏi con người phải đổi mới cách nghĩ, cách làm để thích nghi và làm chủ sự phát triển.

Chưa bao giờ vai trò động lực của tri thức, của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế xã hội trở nên rõ ràng, nổi bật như ngày nay.

Trước kia người ta thường coi các yếu tố của sản xuất chỉ bao gồm lao động và vốn, còn tri thức, công nghệ, giáo dục... là các yếu tố bên ngoài của sản xuất có ảnh hưởng tới sản xuất. Gần đây các nhà nghiên cứu kinh tế (như Romer, Schumpeter, R. Solow ...) đều thừa nhận tri thức, công nghệ là yếu tố bên trong của hệ thống kinh tế. Romer coi tri thức và công nghệ là yếu tố thứ ba của sản xuất, bên cạnh vốn và lao động. Lập luận này đã được các nhà nghiên cứu chấp nhận.

Tri thức ngày càng trở thành nhân tố trực tiếp của chức năng sản xuất. Đầu tư vào tri thức trở thành yếu tố then chốt cho sự tăng trưởng kinh tế dài hạn. Trong các nước phát triển đầu tư vô hình (vào giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, văn hoá, phát triển con người...) tăng nhanh hơn đầu tư hữu hình, ở Mỹ đầu tư vô hình đã cao hơn đầu tư hữu hình.

Chính K. Marx đã coi tri thức là nhân tố trực tiếp của chức năng sản xuất, người khẳng định khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Ngày nay luận điểm ấy đã được chứng minh; khoa học không những tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất bằng việc tạo ra công nghệ, tạo ra phương pháp tổ chức quản lý sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả của sản xuất, đổi mới sản phẩm, mà còn có thể trực tiếp làm ra sản phẩm (như sản xuất phần mềm, các ngành công nghiệp công nghệ cao...). Khoa học đã thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và quan trọng hàng đầu.

Engels cũng đã viết: "*trong một chế độ hợp lý vượt lên trên sự chia rẽ về lợi ích, thì đương nhiên yếu tố tinh thần sẽ được liệt kê là một trong số các yếu tố của sản xuất và sẽ tìm được vị trí của nó trong các hạng mục chi phí sản xuất của chính trị kinh tế học. Đến lúc ấy đương nhiên chúng ta sẽ vui mừng thấy rằng chỉ một thành quả khoa học như máy hơi nước của James Watt, trong 50 năm đầu tồn tại của nó, đã đem lại cho thế giới lợi ích nhiều hơn so với*

những giá phải trả cho công cuộc phát triển khoa học kể từ lúc bắt đầu" (Toàn tập Marx-Engels, Tập 1, tr. 607).

Tri thức là một yếu tố của sản xuất, nhưng nó khác biệt về cơ bản với các yếu tố vốn hay lao động ở chỗ người có kiến thức nếu trao kiến thức cho người khác thì kiến thức của anh ta không mất đi mà lại được sử dụng tốt hơn, càng trao cho nhiều người thì khả năng sử dụng nó để tạo ra của cải, lợi ích càng nhiều; mặt khác chi phí cho việc phổ biến tri thức ra công chúng để làm tăng số người sử dụng là gần bằng không.

2. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, nhất là cách mạng về thông tin thúc đẩy sự ra đời nền kinh tế tri thức

Quá trình phát triển lực lượng sản xuất của loài người có thể chia ra làm ba thời kỳ: Thứ nhất là nền *kinh tế nông nghiệp*, cũng có thể gọi là kinh tế sức lao động, đặc trưng chủ yếu là sản xuất bằng lao động thủ công, năng suất rất thấp; đất đai là tài nguyên chủ yếu. Thứ hai là *nền kinh tế công nghiệp*, cũng được gọi là *kinh tế tài nguyên*, dựa chủ yếu vào máy móc và tài nguyên thiên nhiên. Hiện nay khi thiên niên kỷ mới sắp bắt đầu, loài người đang bước vào nền *kinh tế tri thức*, nền kinh tế chủ yếu dựa vào *tri thức và thông tin*; *tri thức và thông tin trở thành yếu tố sản xuất quan trọng hơn cả vốn và lao động*.

So với sự chuyển biến từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp, sự chuyển biến từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức có ý nghĩa sâu sắc và trọng đại hơn: *trước hết* đó là sự chuyển đổi từ một nền sản xuất dựa vào tài nguyên, lao động là chính sang nền sản xuất dựa vào trí tuệ con người là chính, cũng tức là từ lực lượng sản xuất vật chất là chủ yếu sang lực lượng sản xuất tinh thần là chủ yếu; *thứ hai* là sự thay đổi trên mọi lĩnh vực, mà trước hết là công nghệ, và các hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra hết sức nhanh chóng, dồn dập, thập kỷ sau nhanh hơn thập kỷ trước, năm sau nhanh hơn năm trước, những thành tựu kỳ diệu nhất của loài người trong thế kỷ 20 tập trung chủ yếu trong thập kỷ 90 mà nhất là trong những năm cuối; cuối thập kỷ 80 người ta vẫn chưa dự báo được sự phát triển internet, thương mại điện tử như ngày nay, và hiện nay khó dự báo được những thành tựu mới sẽ đạt được trong 5-10 năm tới; phần lớn các chiến lược, qui hoạch phát triển của các quốc gia đều phải thường xuyên điều chỉnh (phần lớn là điều chỉnh

cho nhanh hơn); Chưa có thời kỳ nào trong lịch sử mà sự thay đổi, đảo lộn trong xã hội diễn ra nhanh chóng, to lớn, sâu sắc và toàn diện như hiện nay. Nhiều khái niệm, cũng như phương thức, qui tắc hoạt động, ứng xử bị đảo lộn; buộc người ta phải đổi mới tư duy, phải hành động nhanh, "*làm việc theo tốc độ của tư duy*" (Bill Gates).

Các công nghệ cao, trước hết là công nghệ thông tin, là nguồn gốc của sự biến đổi lớn lao hiện nay. Máy hơi nước, động cơ điện mở đầu cuộc cách mạng công nghiệp, thúc đẩy sự ra đời nền kinh tế công nghiệp, nội dung chủ yếu là thay thế lao động chân tay bằng máy móc. Đó là cuộc cách mạng sâu sắc nhưng diễn ra chậm chạp trong thời gian rất dài. *Còn ngày nay máy tính và mạng máy tính có chức năng kỳ diệu là có thể thay thế một phần lao động trí óc con người, nâng cao tri thức, giúp con người nâng cao khả năng tư duy, khả năng sáng tạo; từ đó đẩy nhanh, mạnh sự đổi mới công nghệ, đổi mới tổ chức quản lý, cải thiện điều kiện lao động, rút ngắn khoảng cách, tạo thuận lợi cho quốc tế hoá sản xuất, thương mại, lưu thông tiền tệ...* làm cho quá trình toàn cầu hoá gia tăng mạnh mẽ trong những năm gần đây. Máy tính phát triển rất nhanh, không có công nghệ nào khác sánh kịp. Chúng nhanh chóng đi vào cuộc sống, có mặt ở mọi nơi, trong mọi lĩnh vực hoạt động. Sở dĩ như thế là vì ngoài chức năng kỳ diệu của nó, còn một đặc điểm nữa là năng lực của máy tính tăng rất nhanh, cứ 18 tháng tăng gấp đôi, còn giá cả thì mỗi năm giảm đi khoảng 30% - 40%, kích thước nhỏ đi nhanh chóng, phần mềm phát triển rất mạnh, sử dụng máy ngày càng đơn giản, xu thế ấy trong vài chục năm nay không thay đổi, đến nay vẫn chưa thấy có triệu chứng thay đổi. Chẳng bao lâu nữa mạng máy tính tốc độ nhanh sẽ nối với các hộ gia đình, các trường học, cơ quan, doanh nghiệp, nhà máy, trang trại, hộ gia đình và đến từng người, từng thiết bị, dụng cụ... xã hội thông tin rồi xã hội tự động hoá sẽ hình thành.

II. NỀN KINH TẾ TRI THỨC

1. Nền kinh tế tri thức là gì?

Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Trong nền kinh tế tri thức vẫn còn nông nghiệp và công nghiệp nhưng hai ngành này chiếm tỷ lệ thấp. Cũng như trong nền kinh tế công nghiệp vẫn còn nông nghiệp nhưng nông nghiệp nhỏ bé. *Trong nền kinh tế tri thức chiếm đa số là các ngành kinh tế dựa vào tri thức, dựa vào các thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ.*

Đó có thể là những ngành mới như công nghiệp thông tin (công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm), các ngành công nghiệp, dịch vụ mới dựa vào công nghệ cao, và cũng có thể là những ngành truyền thống (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ) được cải tạo bằng khoa học, công nghệ cao. Ví dụ, sản xuất ô tô là một ngành công nghiệp truyền thống, nhưng nếu sản xuất ra những loại ô tô có độ an toàn cao, những *ô tô thông minh* không cần người lái, thì ngành sản xuất ô tô có thể coi là ngành kinh tế tri thức. Thuộc các ngành kinh tế tri thức cũng có thể là: những nhà máy sử dụng công nghệ chế tạo có sự trợ giúp của máy tính (CAM) hạ đáng kể giá thành, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm thiểu phế thải; những trang trại sản xuất nông nghiệp dựa vào công nghệ sinh học, tự động điều khiển, hầu như không có người lao động; những nhà máy dệt may sử dụng internet để sản xuất và cung cấp hàng may mặc theo yêu cầu của từng khách hàng trên khắp thế giới v.v...

Kinh tế tri thức xuất hiện trong mọi lĩnh vực, trong toàn bộ cơ cấu nền kinh tế quốc dân. ở Bắc Mỹ và một số nước Tây Âu, *nền kinh tế tri thức đã bắt đầu hình thành*. Hiện nay ở những nước này riêng về kinh tế thông tin (những ngành kinh tế dựa chủ yếu vào công nghệ thông tin), trong đó kinh tế tri thức là chủ yếu, đã chiếm khoảng 45%-50% GDP. Trong các nước OECD kinh tế tri thức đã chiếm hơn 50% GDP, công nhân tri thức chiếm trên 60% lực lượng lao động. Nhiều người ước tính vào khoảng năm 2030 các nước phát triển đều trở thành các nền kinh tế tri thức.

So sánh khái quát các thời đại kinh tế

	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế công nghiệp	Kinh tế tri thức
Đầu vào của sản xuất	lao động, đất đai, vốn	lao động, đất đai, vốn, công nghệ, thiết bị	lao động, đất đai, vốn, công nghệ, thiết bị, tri thức, thông tin

Các quá trình chủ yếu	trồng trọt, chăn nuôi	chế tạo, gia công	thao tác, điều khiển, kiểm soát, xử lý thông tin
Đầu ra của sản xuất	lương thực	của cải, hàng hoá tiêu dùng, các xí nghiệp, nền công nghiệp	sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của cuộc sống, công nghiệp tri thức, vốn tri thức
Cơ cấu kinh tế	nông nghiệp là chủ yếu	công nghiệp và dịch vụ là chủ yếu	các ngành kinh tế tri thức thống trị
Công nghệ chủ yếu thúc đẩy phát triển	Sử dụng sức vật, cơ giới hóa đơn giản	cơ giới hoá, hoá học hoá, điện khí hoá, chuyên môn hoá	công nghệ cao, điện tử hoá, tin học hoá, siêu xa lộ thông tin, thực tế ảo...
Cơ cấu xã hội	nông dân	công nhân	công nhân tri thức
Đầu tư cho R&D	< 0,3% GDP	1-2% GDP	> 3% GDP
Tỷ lệ đóng góp của KHCN cho tăng trưởng kinh tế	< 10%	> 30%	> 80%
Đầu tư cho giáo dục	<1% GDP	2 - 4% GDP	> 6% GDP
Tầm quan trọng của giáo dục	nhỏ	Lớn	rất lớn
Trình độ văn hoá trung bình	tỷ lệ mù chữ cao	trung học	sau trung học
Vai trò của truyền thông	không lớn	lớn	rất lớn

2. Những đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế tri thức:

Thứ nhất, là sự *chuyển đổi cơ cấu kinh tế*:

Trong 15 năm qua các nền kinh tế phát triển trên thế giới đã có những chuyển đổi to lớn, sâu sắc về cơ cấu kinh tế, về cách thức hoạt động và các qui tắc hoạt động; đang phát triển nhanh các ngành kinh tế dựa vào tri thức; các ý tưởng đổi mới và công nghệ là chìa khoá cho việc tạo ra việc làm mới và nâng cao chất lượng cuộc sống. Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, dịch chuyển nhanh cơ cấu. Nhưng đây cũng là nền kinh tế mang tính rủi ro, và không ngừng thay đổi, luôn đặt ra nhiều thách thức mới (vì vậy có người gọi là xã hội rủi ro – risk society).

Trong khi nền kinh tế công nghiệp dựa vào sự tổ chức sản xuất hàng loạt, qui chuẩn hoá, thì nền kinh tế tri thức được tổ chức trên cơ sở sự sản xuất linh hoạt hàng hoá và dịch vụ dựa vào công nghệ cao, đây cũng là *kinh tế văn phòng* (người trực tiếp sản xuất ra sản phẩm trong các nhà máy ít đi, người làm việc ở văn phòng nhiều lên). Nói như thế không có nghĩa là sự chế tạo hàng loạt là không quan trọng, cũng không phải là sản phẩm chế tạo hoặc thực phẩm ít đi; mà đó là do nhịp độ tăng năng suất trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp rất cao. Hiện nay ở Mỹ 93 triệu người lao động (80% lực lượng lao động) không phải dành thời gian để làm ra các vật phẩm, mà họ chuyển sang làm các công việc khác như di chuyển các vật phẩm, xử lý thông tin, cung cấp các dịch vụ cho người dân. Trong các nước OECD hiện nay 60-70% lực lượng lao động là công nhân tri thức.

Tỷ lệ giá trị gia tăng công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế tạo đang tăng nhanh. Hiện nay ở Mỹ và nhiều nước phát triển tỷ lệ đó đã đạt khoảng 25-30 %. Việc làm và thu nhập do khu vực công nghệ cao tạo ra là rất quan trọng: chính sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao giúp cho sự cải tạo, hiện đại hoá tất cả các lĩnh vực khác của nền kinh tế. Việc làm trong sản xuất và phân phối hàng hoá giảm đi rất nhiều và được thay thế bằng việc làm trong văn phòng. Từ 1980 đến 1998 riêng ở Mỹ sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế đã làm mất đi 44 triệu việc làm, nhưng đồng thời tạo ra 73 triệu chỗ làm việc mới, tức là đã tăng thêm 29 triệu việc làm. Phần Lan là một nước mà rừng và đầm lầy chiếm đại bộ phận diện tích, trước đây 50 năm là một nước nông lâm nghiệp, dân số nông nghiệp

chiếm trên 70%, nay chỉ còn 6%; rừng trước đây giữ vai trò chủ yếu trong kinh tế nay chỉ chiếm không đến 3% GDP. Nước này từ kinh tế nông nghiệp đi nhanh vào kinh tế tri thức, hiện nay đang đứng đầu thế giới về tỷ lệ số người sử dụng internet và điện thoại di động.

Thứ hai, là sản xuất công nghệ trở thành loại hình sản xuất quan trọng nhất, tiên tiến nhất, tiêu biểu nhất của nền sản xuất tương lai. Các ngành kinh tế tri thức đều phải dựa vào công nghệ mới để đổi mới và phát triển. Các doanh nghiệp đều có sản xuất công nghệ, đồng thời có nhiều doanh nghiệp chuyên sản xuất công nghệ, có thể gọi là *doanh nghiệp tri thức*, trong đó khoa học và sản xuất được nhất thể hoá, không còn phân biệt phòng thí nghiệm với công xưởng, những người làm việc trong đó là *công nhân tri thức*, họ vừa nghiên cứu vừa sản xuất.

Hiện nay trên lĩnh vực công nghệ thông tin các doanh nghiệp tri thức phát triển rất nhanh, chỉ trong khoảng 5-10 năm từ chỗ tay không trở thành những tài sản khổng lồ hàng chục tỷ USD, như Netscape, Yahoo, Dell, Cisco... vượt xa những doanh nghiệp truyền thống có tên tuổi, có lịch sử lâu đời. Microsoft của Bill Gates cũng chỉ mới hơn hai mươi năm. Trong số các doanh nghiệp lớn nhất thế giới các doanh nghiệp công nghệ thông tin đã chiếm đa số.

Vì sản xuất công nghệ có ý nghĩa quyết định như thế nên người ta chạy đua vào *đầu tư mạo hiểm*, tức đầu tư cho nghiên cứu triển khai nhằm tạo ra công nghệ mới. Năm 1998 ở Mỹ đầu tư mạo hiểm cho phát triển internet hơn 3,5 tỷ USD, (năm 1997 là 2,1 tỷ, năm 1996 là 1,1 tỷ), và riêng quý II năm 1999 đã đầu tư 3,8 tỷ! Và đó là nguồn gốc của sự làm giàu lên rất nhanh chóng của các doanh nghiệp tri thức.

Sự hình thành và phát triển các khu công nghệ (technology park) là yếu tố rất quan trọng thúc đẩy phát triển nhanh sự ra đời các công nghệ mới. Đây là những vườn ươm công nghệ; ở đây có các điều kiện thuận lợi để nhất thể hoá quá trình nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, triển khai công nghệ và sản xuất, nhờ đó các ý tưởng khoa học nhanh chóng trở thành công nghệ và đưa ra sản xuất.

Khu công nghệ tiêu biểu nhất là thung lũng Silicon. Nó là cái nôi của công nghệ cao của thế giới, cái nôi của Internet. Bắt đầu từ

những năm của thập kỷ 50, sau chiến tranh Triều Tiên, Mỹ chủ trương tăng cường đào tạo cán bộ khoa học và khuyến khích các doanh nghiệp đi vào các công nghệ mới, nhất là sử dụng các công nghệ đã sử dụng trong chiến tranh. Lúc bấy giờ Trường đại học Stanford là một trường đại học lớn ở thung lũng Silicon muốn phát triển mạnh nhưng tài chính không cho phép, nên phải bán (cho thuê 99 năm) mấy trăm ha đất cho các công ty lập xí nghiệp kinh doanh công nghệ. Nếu là công nghệ mới thì được thuê với giá rất rẻ. Phần lớn là các thầy giáo (các nhà khoa học có công trình) của trường Stanford đứng ra lập công ty. Từ đó các công ty công nghệ cao, nhất là về công nghệ thông tin phát triển rất nhanh, rất nhiều công nghệ cao của thế giới và internet ra đời từ đó. Bây giờ đã lên tới hàng ngàn công ty với doanh số tại chỗ năm 1997 là 267 tỷ đôla.

Những thập kỷ gần đây trên thế giới các khu công nghệ phát triển rất nhanh, đó là một cách tổ chức để đi nhanh vào kinh tế tri thức.

Vì nền sản xuất dựa vào công nghệ cao, tiêu hao ít nguyên liệu, năng lượng, thải ra ít phế thải, cho nên trong nền kinh tế tri thức có thể thực hiện được *sản xuất sạch, không gây ô nhiễm môi trường. Kinh tế tri thức là nền kinh tế phát triển bền vững.*

Trong xã hội mạng lại có điều kiện giải quyết tốt mối *quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng*; nhờ có mạng có thể sản xuất theo nhu cầu của khách hàng, theo đơn đặt hàng, không để ứ đọng trong kho khối lượng lớn hàng hoá. Giữa sản xuất và tiêu dùng có thể đạt được sự hài hoà.

Thứ ba, là việc *ứng dụng CNTT rộng rãi* trong mọi lĩnh vực và thiết lập mạng thông tin đa phương tiện phủ khắp nước, nối với hầu hết các tổ chức, các gia đình. *Thông tin trở thành tài nguyên quan trọng nhất*. Mọi người đều có nhu cầu thông tin và được truy nhập vào các kho thông tin cần thiết cho mình. Mọi lĩnh vực hoạt động trong xã hội đều có tác động của CNTT để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, cũng chính vì vậy nhiều người gọi nền kinh tế tri thức là *nền kinh tế số* hay *kinh tế mạng*.

Thương mại điện tử, thị trường ảo, tổ chức ảo, xí nghiệp ảo, làm việc từ xa... được thiết lập làm cho các hoạt động sản xuất kinh doanh rất nhanh nhạy, linh hoạt, khoảng cách bị xoá dần, ý nghĩa của vị trí địa lý giảm đi.

Thứ tư, là các doanh nghiệp vừa *cạnh tranh* vừa *hợp tác* để phát triển. Trong cùng một lĩnh vực khi một công ty thành công hơn, lớn mạnh hơn, thì công ty khác tìm cách sáp nhập vào hoặc chuyển hướng khác ngay, nếu không muốn bị phá sản. Trong nền kinh tế tri thức vì nảy sinh nhiều công nghệ mới nên luôn luôn xuất hiện nhiều công ty mới; sự ra đời của công ty gắn với sự ra đời của một công nghệ mới, một sáng chế mới. Các công ty phải luôn đổi mới và phải kịp thời chuyển hướng theo sự phát triển của công nghệ. Để tăng sức mạnh các công ty phải hợp tác với nhau, phải "mua" nhau để thành công ty lớn. Gần đây ta thấy rất nhiều các công ty khổng lồ hàng chục, hàng trăm tỷ USD "mua" nhau, trở thành những tập đoàn chi phối cả thế giới. Người ta lo ngại sự tập trung này dẫn tới độc quyền và thủ tiêu cạnh tranh. Mặt khác các công ty khổng lồ chia ra các công ty con trên khắp thế giới, và các công ty con được quyền chủ động nhiều hơn để có thể linh hoạt, thích nghi với sự đổi mới. Cho nên mua bán để hợp nhất thành những công ty khổng lồ mà thực tế thì lại là sự chia nhỏ.

Thứ năm, xã hội thông tin thúc đẩy sự *dân chủ hoá*. Thông tin đến với mọi người. Mọi người đều dễ dàng truy cập đến các thông tin cần thiết. Dân chủ hoá các hoạt động và tổ chức điều hành trong xã hội được mở rộng. Người dân nào cũng có thể được thông tin kịp thời về các quyết định của cơ quan nhà nước hoặc tổ chức có liên quan đến họ và họ có thể có ý kiến ngay nếu thấy không phù hợp. Do đó phải tạo không khí dân chủ, cách làm việc dân chủ. Khi chuẩn bị các quyết định, các chính sách, luật pháp cơ quan nhà nước rất dễ dàng đưa ra lấy ý kiến nhân dân. Việc tập hợp ý kiến, nguyện vọng của nhân dân cũng rất dễ dàng, thuận tiện. Nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân kiểm tra" sẽ được thực hiện đầy đủ nhất. Cho nên CNTT thúc đẩy sự phát triển dân chủ. Có dân chủ mới phát huy được khả năng sáng tạo của mọi người.

Cách *tổ chức quản lý* cũng sẽ thay đổi nhiều. Trong thời đại thông tin, mô hình chỉ huy tập trung, có đẳng cấp là không phù hợp. Xu thế là theo *mô hình phi đẳng cấp, phi tập trung, mô hình mạng*, trong đó tận dụng các quan hệ ngang; vì thông tin đến được một cách thuận lợi nhanh chóng tất cả mọi nơi, không cần đi qua các nút xử lý trung gian. Đó là mô hình tổ chức dân chủ, nó linh hoạt trong điều hành, dễ thích nghi với đổi mới, khơi dậy sự năng động sáng tạo của mọi người.

Thứ sáu, xã hội thông tin là một *xã hội học tập*. Giáo dục rất phát triển. Mọi người đều học tập, học thường xuyên, học ở trường và học trên mạng, để không ngừng trau dồi kỹ năng, phát triển trí sáng tạo. Không học tập thường xuyên thì không phát triển được nền kinh tế tri thức. Mọi người thường xuyên được bổ túc, cập nhật kiến thức, chủ động theo kịp sự đổi mới và có khả năng thúc đẩy sự đổi mới. Với sự bùng nổ thông tin và sự luôn đổi mới kiến thức, mô hình giáo dục truyền thống: đào tạo xong rồi ra làm việc là không còn phù hợp, mà phải đào tạo cơ bản, ra làm việc và tiếp tục đào tạo, vừa đào tạo vừa làm việc. Con người phải học tập suốt đời, vừa học vừa làm việc. Hệ thống giáo dục phải đảm bảo cho mọi người bất cứ lúc nào bất cứ ở đâu cũng có thể học tập được. Mạng thông tin có ý nghĩa rất quan trọng cho việc học tập suốt đời.

Đầu tư cho giáo dục và cho khoa học chiếm tỷ lệ rất cao. Nói chung đầu tư vô hình (cho con người, cho giáo dục, khoa học, văn hoá xã hội...) cao hơn đầu tư hữu hình (đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật). Phát triển con người trở thành nhiệm vụ trung tâm của xã hội.

Vốn con người là yếu tố then chốt nhất tạo ra giá trị cho doanh nghiệp tri thức.

Thứ bảy, *vốn quý nhất trong nền kinh tế tri thức là tri thức*. Tri thức là nguồn lực hàng đầu tạo sự tăng trưởng. Không phải như các nguồn lực khác bị mất đi khi sử dụng, tri thức và thông tin có thể được chia sẻ, và trên thực tế lại tăng lên khi sử dụng. *Nền kinh tế tri thức do đó là một nền kinh tế dư dật chứ không phải khan hiếm*.

Sản phẩm và dịch vụ có hàm lượng tri thức càng cao thì càng quý giá. Giá cả và giá trị của sản phẩm tri thức thay đổi rất nhiều tùy thuộc vào người sử dụng ở các thời điểm khác nhau.

Quyền sở hữu đối với tri thức trở thành quan trọng nhất, hơn cả vốn, tài nguyên, đất đai. Ai chiếm hữu được nhiều tài sản trí tuệ hơn, người ấy thắng. Pháp luật về sở hữu trí tuệ trở thành nội dung chủ yếu trong quan hệ dân sự cũng như trong thương mại quốc tế.

Rất nhiều vấn đề về sở hữu trí tuệ được đặt ra, sở hữu vật chất không quan trọng bằng. Nhiều ông chủ của các công ty công nghệ thông tin hiện nay thoát đầu không có vốn liếng gì, làm ra được tài

sản khổng lồ là nhờ tri thức. Nếu không được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì họ không thể có được tài sản hàng trăm tỷ USD như thế.

Luật pháp, thuế và các rào cản khó áp dụng đơn độc trong khuôn khổ quốc gia. *Tri thức và thông tin luôn luôn đi tới những nơi có nhu cầu cao nhất và rào cản ít nhất.*

Thứ tám, *sự sáng tạo, đổi mới thường xuyên là động lực chủ yếu nhất thúc đẩy sự phát triển.* Công nghệ đổi mới rất nhanh, vòng đời công nghệ rút ngắn; quá trình từ lúc ra đời, phát triển rồi tiêu vong của một lĩnh vực sản xuất, hay một công nghệ chỉ mấy năm, thậm chí mấy tháng. Các doanh nghiệp muốn trụ được và phát triển thì phải luôn đổi mới công nghệ và sản phẩm. *Sáng tạo là linh hồn của sự đổi mới.* Trước đây người ta hay chọn những công nghệ đã chín muồi, còn bây giờ thì *phải tìm chọn các công nghệ mới nảy sinh*; cái chín muồi là cái sắp sửa tiêu vong.

Trong nền kinh tế tri thức có nhiều điều tưởng như nghịch lý: Trước hết, *của cải làm ra là dựa chủ yếu vào cái chưa biết*; cái đã biết không còn giá trị nữa; tìm ra cái chưa biết đó là tạo ra giá trị. Thứ hai: *môi trường để tìm ra cái chưa biết là mạng thông tin.* Mạng thông tin, thực tế ảo... gọi ra các ý tưởng mới, những giải pháp mới đáp ứng các nhu cầu mới. Thứ ba là khi *phát hiện ra cái chưa biết thì cũng tức là loại trừ cái đã biết.* Cái cũ mất đi thay thế bằng cái mới; nền kinh tế, xã hội luôn đổi mới, cái mới càng ngày càng nhiều. Đó là đặc trưng của sự phát triển, sự tiến hoá của xã hội sắp tới, phát triển từ cái mới chứ không phải từ số lượng lớn dần lên. Thứ tư là *sản phẩm giá trị sử dụng càng cao thì giá bán càng rẻ*, thậm chí nhiều phần mềm cơ bản được cho không, (để rồi sau đó nâng cao hơn một ít thì bán rất đắt); sản phẩm càng nhiều người dùng thì giá trị sử dụng càng cao. Hiện nay vàng bạc hiếm thì quý, *song ở thời đại thông tin cái được dùng nhiều nhất là cái có giá trị cao.* Ví dụ máy Fax, nếu có ít thì không có tác dụng nhưng khi có đến hàng nghìn máy để liên lạc với nhau thì lúc đó mới có giá trị. Mạng cũng vậy, có nhiều người vào cùng sử dụng thì lúc ấy nó mới có giá trị.

Thứ chín, nền kinh tế tri thức là *nền kinh tế toàn cầu hoá.* Thị trường và sản phẩm mang tính toàn cầu, một sản phẩm sản xuất ở bất kỳ nơi nào cũng có thể nhanh chóng có mặt khắp nơi trên thế giới; rất ít sản phẩm do một nước làm ra, mà phần lớn là kết quả

của sự tập hợp các phần việc được thực hiện từ nhiều nơi trên thế giới, kết quả của công ty ảo, xí nghiệp ảo, làm việc từ xa... Quá trình toàn cầu hoá cũng là quá trình chuyển sang nền kinh tế tri thức, toàn cầu hoá và kinh tế tri thức thúc đẩy nhau, gắn quện với nhau, là hai anh em sinh đôi của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại. Toàn cầu hoá một mặt tạo thuận lợi cho sự phát triển nhanh kinh tế tri thức ở các nước, nhưng đồng thời cũng đặt nhiều thách thức rủi ro. Cho tới nay thì khoảng cách giàu nghèo đang tăng nhanh, do chênh lệch nhiều về tri thức, nếu rút ngắn được khoảng cách về tri thức thì sẽ thu hẹp được khoảng cách giàu nghèo.

Thứ mười, là *sự thách thức đối với văn hoá*. Trong nền kinh tế tri thức - xã hội thông tin, văn hoá có điều kiện phát triển nhanh và văn hoá là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Do thông tin, tri thức bùng nổ, trình độ nền văn hoá nâng cao, nội dung và hình thức các hoạt động văn hoá phong phú đa dạng. Nhu cầu thưởng thức văn hoá của người dân lên cao. Nhờ các phương tiện truyền thông tức thời, nhất là internet, một sáng tác ra đời tức thời lan truyền đến mọi nơi trên thế giới. Giao lưu văn hoá hết sức thuận lợi, tạo điều kiện cho các nền văn hoá có thể tiếp thu các tinh hoa của nhân loại để phát triển nền văn hoá của mình. Nhưng mặt khác các nền văn hoá đứng trước những rủi ro rất lớn: bị pha tạp, dễ mất bản sắc, dễ bị các sản phẩm văn hoá độc hại tấn công phá hoại, mà rất khó ngăn chặn được. Nền văn hoá bị pha tạp lai căng không còn là chính mình nữa thì sẽ suy thoái, tiêu tan. Nhiệm vụ gìn giữ, phát huy bản sắc văn hoá mỗi dân tộc trở nên rất nặng nề. Cái chính là phải giáo dục truyền thống, phát huy các giá trị truyền thống, xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, có đủ sức mạnh nội sinh.

III. NỀN KINH TẾ TRI THỨC VÀ CÔNG CUỘC CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NƯỚC TA

1. Thời cơ và thách thức

Đại hội Đảng lần thứ VIII đã quyết định phải đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá để đến khoảng năm 2020 nước ta về cơ bản trở thành nước công nghiệp. Trong thời gian hai thập kỷ ấy, kinh tế thế giới sẽ có những biến động to lớn không lường trước được, theo chiều hướng chuyển mạnh sang nền kinh tế tri thức, tốc

độ tăng trưởng kinh tế rất cao, khoảng cách giữa các nước giàu và các nước nghèo có thể sẽ còn tiếp tục gia tăng. Đó là thách thức gay gắt đối với các nước đang phát triển nói chung, cũng như đối với nước ta. Nếu không biết tận dụng cơ hội, nâng cao năng lực nội sinh, đổi mới cách nghĩ, cách làm, bắt kịp tri thức mới của thời đại, đi thẳng vào những ngành kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ cao, thực sự đi tắt đón đầu, thì sẽ tụt hậu rất xa.

Chúng ta không thể rập khuôn theo mô hình công nghiệp hoá mà các nước đi trước đã đi. Cũng không nên hiểu công nghiệp hoá chủ yếu là xây dựng công nghiệp, mà phải hiểu đây là sự chuyển nền kinh tế từ tình trạng lạc hậu, năng suất chất lượng hiệu quả thấp, dựa vào phương pháp sản xuất nông nghiệp, lao động thủ công là chính sang nền kinh tế có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, theo phương pháp sản xuất công nghiệp, dựa vào tiến bộ khoa học và công nghệ mới nhất; vì vậy công nghiệp hoá phải đi đôi với hiện đại hoá. *Như vậy kinh tế tri thức là vận hội ngàn vàng để ta đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.*

Nước ta không thể chần chừ, bỏ lỡ cơ hội lớn, mà phải đi thẳng vào nền kinh tế tri thức để rút ngắn khoảng cách với các nước; cho nên công nghiệp hoá ở nước ta phải đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ cực kỳ lớn lao: chuyển biến từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức. Hai nhiệm vụ ấy phải thực hiện đồng thời, lồng ghép vào nhau, hỗ trợ nhau, bổ sung cho nhau; điều đó có nghĩa là phải nắm bắt các tri thức và công nghệ mới nhất của thời đại để hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, đồng thời phát triển nhanh các ngành công nghiệp và dịch vụ dựa vào tri thức, vào khoa học và công nghệ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành kinh tế tri thức. Không thể chờ công nghiệp hoá hoàn thành cơ bản rồi mới chuyển sang kinh tế tri thức như các nước đi trước đã phải trải qua. Đây là lợi thế các nước đi sau.

Để có thể làm được việc đó, cần phải có đủ năng lực trí tuệ, có khả năng sáng tạo, nắm bắt và làm chủ các tri thức mới nhất, và phải chủ động hội nhập quốc tế, phát huy lợi thế so sánh của mình. Khoảng cách giữa các nước giàu và nghèo chính là khoảng cách về tri thức. Đuổi kịp các nước chủ yếu là bằng cách rút ngắn khoảng cách về tri thức.

2. Chiến lược phát triển của ta là chiến lược dựa vào tri thức, nội dung công nghiệp hoá nước ta là vận dụng các yếu tố của kinh tế tri thức

Nước ta hiện nay, GDP bình quân đầu người chỉ bằng 1/12 bình quân của thế giới, xếp thứ 180 trong 210 nước, (nếu theo PPP thì thứ 164), thuộc nhóm những nước nghèo nhất, không có cách nào để đuổi kịp các nước về GDP, nhưng phải phấn đấu để nâng cao nhanh chóng trình độ tri thức, tăng cường năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, nắm bắt và vận dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ mới nhất để hoàn thành thắng lợi công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Chúng ta có thế mạnh về tiềm năng con người, chỉ số phát triển con người (HDI) nước ta đứng thứ 110 và thuộc nhóm nước trung bình của thế giới. Thực tế đã chứng minh người Việt Nam nắm bắt và làm chủ nhanh các tri thức mới và các công nghệ hiện đại. Nhiều ngành mới xây dựng nhờ sử dụng các công nghệ mới, đã theo kịp trình độ các nước trong khu vực (bưu chính viễn thông, năng lượng, dầu khí, cầu đường....). Cho nên chúng ta cần thực hiện một chính sách phát triển bằng và dựa vào con người và khoa học và công nghệ, như Nghị quyết TƯ2 (khoá 8) đã chỉ ra. *Chiến lược phát triển đất nước ta là chiến lược dựa vào tri thức và thông tin, chiến lược đi tắt, đón đầu với mũi nhọn là công nghệ thông tin.*

Về công nghệ thông tin, ngành đang là động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin, thì người Việt Nam có nhiều khả năng. Những học sinh Việt Nam thi tin học quốc tế đoạt giải rất cao, lực lượng người Việt Nam ở nước ngoài làm tin học khá đông và giữ nhiều vị trí quan trọng. Riêng tại thung lũng Silicon hiện có hơn mười nghìn người làm công nghệ thông tin. Việt Nam cần tập trung phát triển công nghệ thông tin để thúc đẩy phát triển và hiện đại hoá các ngành, các lĩnh vực sản xuất dịch vụ, nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý, đồng thời để phát triển các ngành công nghiệp thông tin là những ngành có giá trị gia tăng cao nhất, những ngành trụ cột trong xã hội tương lai. *Công nghệ thông tin trở thành ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển nước ta.*

Nền kinh tế nước ta phải phát triển theo *mô hình hai tốc độ*: một mặt phải lo phát triển nông nghiệp, nâng cao năng lực sản xuất những ngành công nghiệp cơ bản, lo giải quyết những nhu cầu cơ bản và bức xúc của người dân; mặt khác đồng thời phải phát triển nhanh những ngành kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin để hiện đại hoá và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo ngành nghề mới, việc làm mới, đạt tốc độ tăng trưởng cao, hội nhập có hiệu quả với nền kinh tế thế giới. Không thể làm đồng loạt, dàn hàng ngang cùng tiến.

Trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế chúng ta còn sử dụng các công nghệ truyền thống nhưng được cải tiến bằng các tri thức mới để tạo nhiều việc làm, tận dụng lao động, đất đai tài nguyên, đẩy mạnh công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn, xoá đói giảm nghèo.

Trong khi đó phải dành lực lượng thích đáng phát triển các ngành kinh tế sử dụng tri thức và công nghệ tiên tiến nhất. Đã đầu tư xây dựng mới là phải sử dụng công nghệ tiên tiến nhất. *Phải nhanh chóng xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin*, hình thành mạng xa lộ thông tin quốc gia, ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực, *phát triển công nghiệp thông tin*, nhất là công nghiệp phần mềm, như thế sẽ thúc đẩy phát triển nhanh tất cả các lĩnh vực, dịch chuyển nhanh cơ cấu kinh tế, nâng cao tốc độ tăng trưởng, hiệu quả và chất lượng nền kinh tế. Phát triển các ngành *công nghiệp sinh học* (các ngành nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp dược phẩm, công nghiệp môi trường), *các ngành vật liệu mới* v.v.. Sử dụng các công nghệ cao để phát triển một số ngành công nghiệp then chốt: chế tạo máy (sử dụng CAD, CAM, tự động hoá),... Các ngành xây dựng, giao thông, năng lượng phải sử dụng công nghệ tiên tiến nhất và đảm bảo hiệu quả đầu tư cao nhất.

Trong từng ngành, từng lĩnh vực kinh tế cũng cần chọn những khâu, những đơn vị đi trước, đi thẳng vào công nghệ mới nhất để thúc đẩy sự đổi mới của toàn ngành, toàn lĩnh vực, đã đầu tư mới là phải sử dụng công nghệ mới nhất.

Có thể phấn đấu để sau một thập kỷ (đến khoảng 2010) nước ta xây dựng được mạng xa lộ thông tin quốc gia, kết nối với tất cả các trường học, các cơ quan, các xí nghiệp và phần lớn các hộ gia đình,

ngành công nghiệp thông tin trở thành một ngành công nghiệp chính, các ngành công nghiệp, dịch vụ tri thức có bước phát triển mạnh, thì đó là bước tiến quan trọng vào nền kinh tế tri thức.

Ta đã chủ trương *hội nhập vào nền kinh tế thế giới*, chủ trương *phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* là rất đúng, như vậy phải nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, trên cơ sở phát huy năng lực nội sinh về khoa học công nghệ của Việt Nam, bắt kịp và làm chủ công nghệ hiện đại, đi nhanh đi tắt vào kinh tế tri thức. Không có đủ tri thức, không có khả năng vận dụng những công nghệ mới nhất thì không thể cạnh tranh được, hội nhập chỉ bị thua thiệt và dễ sẽ trở thành bãi thải công nghệ của các nước khác. Ta phải tận dụng cơ sở vật chất hiện có, tận dụng lao động, nhưng đã đầu tư mới thì phải dùng công nghệ mới, tiên tiến nhất; sử dụng cơ sở vật chất hiện có cũng phải với tri thức mới, đến lúc rõ ràng là không có hiệu quả nữa thì phải chuyển sang làm việc khác hoặc bỏ đi. Không thể chọn "công nghệ trung gian"; việc phát triển mía đường, xi măng không hiệu quả như vừa qua đã cho ta bài học.

Nhiều nước đã có sẵn một cơ sở vật chất lớn, bây giờ bỏ đi thì rất tiếc. Song nhiều nước cũng đã bỏ hẳn, không thương tiếc. Nước ta cơ sở vật chất không đáng kể, không có gì để luyến tiếc. Nên đi thẳng vào *công nghệ mới, qui mô nhỏ, vốn đầu tư không nhiều; đã đầu tư mới là phải công nghệ mới*.

3. Giải pháp chủ yếu cho một chiến lược kinh tế dựa vào tri thức

Thứ nhất, phải *đổi mới cơ chế quản lý, phát huy mọi khả năng sáng tạo của người dân*, tạo điều kiện cho mọi người dân, mọi thành phần kinh tế phát huy hết khả năng của mình đóng góp vào phát triển sản xuất.

Nhà nước quản lý bằng luật pháp, bằng cơ chế chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho sự cạnh tranh lành mạnh; chăm lo phúc lợi xã hội, giáo dục, khoa học... mà không nên can thiệp vào sản xuất kinh doanh; để cho mỗi doanh nghiệp, mỗi người dân phát huy hết quyền chủ động sáng tạo của mình.

Vai trò của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với phát triển khoa học và công nghệ, hướng

tới nền kinh tế tri thức. Phải tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, chống độc quyền. Phát huy tối đa quyền chủ động sáng tạo của các doanh nghiệp. Hiện nay trong kinh tế nhà nước *chế độ trách nhiệm* không rõ, mất mát thua lỗ không ai chịu trách nhiệm. Nếu giao trách nhiệm cho một công ty tự bỏ vốn ra xây dựng rồi khai thác để thu hồi lại vốn thì tình hình sẽ khác hẳn, không hiệu quả thì họ không làm.

Phải thực sự *giải phóng mọi lực lượng sản xuất*, phát huy mọi thành phần kinh tế như các nghị quyết của Đảng đã đề ra. Hiện nay còn nhiều vướng mắc lúng túng trong chính sách, mà chủ yếu là do nhận thức về mối quan hệ giữa cơ chế thị trường và sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được sáng tỏ. Nhiệm vụ trung tâm hiện nay là phát triển lực lượng sản xuất; phải xây dựng và phát triển quan hệ sản xuất sao cho thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất. Mọi người ai có khả năng góp phần vào sự phát triển sản xuất thì phải được khuyến khích, phải thực sự *khuyến khích mọi người làm giàu*; nhà nước có chính sách điều tiết thu nhập, chăm lo phúc lợi xã hội, tạo công bằng xã hội, bảo vệ quyền lợi những người yếu thế.

Thứ hai, là chăm lo *phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài*. Trong những năm tới phải tăng mạnh đầu tư để phát triển giáo dục và phải tiến hành một cuộc *cải cách giáo dục mới*. Đây là yếu tố quyết định nhất thúc đẩy nước ta đi nhanh vào kinh tế tri thức. Phải xây dựng những thế hệ người Việt Nam có bản lĩnh, có lý tưởng, có khả năng sáng tạo, làm chủ được tri thức hiện đại, quyết tâm đưa nước ta lên trình độ phát triển sánh kịp các nước. Khoảng cách với các nước phát triển chủ yếu là khoảng cách về tri thức. Ta có thể rút ngắn được bằng xây dựng và phát triển mạnh nền giáo dục tiên tiến phù hợp xu thế phát triển của thời đại. Trong một thời gian ngắn (khoảng 5 năm) phải phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong toàn quốc, phổ cập trung học phổ thông trong các thành thị, khu công nghiệp và vùng đồng bằng đông dân, tăng nhanh đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề, đội ngũ cán bộ quản lý, các doanh gia. Mở rộng quan hệ hợp tác giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ với nước ngoài; tuyển chọn đưa đi đào tạo ở các nước tiên tiến số lượng lớn cán bộ khoa học kỹ thuật thuộc các lĩnh vực ưu tiên chiến lược.

Thứ ba, là *tăng cường năng lực khoa học và công nghệ quốc gia*, thực hiện tốt các chính sách, chủ trương đã nêu trong Nghị quyết TƯ2 về khoa học, công nghệ, mà nhất là:

- Phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài,
- Phát huy sức sáng tạo trong khoa học: các chính sách đãi ngộ, tạo điều kiện cho cán bộ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, mở rộng dân chủ trong khoa học,
- Các chính sách khuyến khích và bắt buộc các doanh nghiệp phải ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, cơ chế quản lý kinh tế phải buộc các doanh nghiệp phải cạnh tranh bình đẳng, phải lấy hiệu quả làm đầu, đồng thời có chính sách khuyến khích thích đáng các doanh nghiệp trong các ngành công nghệ cao,
- Tăng đầu tư cho KH-CN (nhà nước và doanh nghiệp) đạt 2% GDP, tăng đầu tư mạo hiểm,
- Phát triển nhanh các khu công nghệ, tổ chức lại chương trình kinh tế kỹ thuật, đặc biệt là cần có tổ chức có hiệu lực chỉ đạo phát triển công nghệ thông tin.

Thứ tư là *cải cách hành chính và tạo lập một khuôn khổ pháp lý mới* có khả năng thúc đẩy mọi khả năng sáng tạo, làm cho sản xuất "bung ra", đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh các doanh nghiệp mới, doanh nghiệp tri thức, phù hợp với xu thế toàn cầu hoá mà nước ta đang trong quá trình hội nhập. Điều này được thực hiện trên cơ sở xác định đúng đắn vai trò quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước không trực tiếp làm kinh tế nhưng vai trò của nhà nước trong việc định hướng, tạo môi trường, tạo điều kiện và thúc đẩy sự phát triển, thể hiện trong chính sách của nhà nước, trong hệ thống luật pháp là yếu tố quyết định nhất đối với việc tiến nhanh vào kinh tế tri thức./.

NỀN KINH TẾ TRI THỨC - MỘT CƠ HỘI MỚI CHO NƯỚC TA SAU HAI THẾ KỶ

GS. TS. CHU HẢO

Thứ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nền kinh tế tri thức đang hình thành ở các nước phát triển hiện nay sẽ trở thành xu thế quốc tế trong một vài thập kỷ tới. Hai thế kỷ trước đây, nước ta đã bỏ lỡ một cơ hội khi có điều kiện phấn đấu để trở thành nước công nghiệp vào cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19. Vào thời điểm lịch sử này, lại có một cơ hội lớn xuất hiện, liệu chúng ta có bỏ lỡ một lần nữa? Sau đây là ý kiến của tác giả về vấn đề này, đã được trình bày tại Hội thảo "Kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam".

1. Hai thời điểm lịch sử - Hai cơ hội lớn

Vào cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, khi nhà Nguyễn đã dần dần xây dựng được một quốc gia hoàn chỉnh, cũng là lúc làn sóng kinh tế công nghiệp từ phương Tây tràn sang phương Đông. Vào thời điểm lịch sử ấy, nước ta đã có một cơ hội làm một cuộc cách mạng phát triển, chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp. Phạm Phú Thứ (1863) và Nguyễn Trường Tộ (1866), tuy đã hơi muộn, nhưng cũng đã làm những bản tấu trình đầy nhiệt huyết lên Vua Tự Đức xin được mở mang công nghiệp. Tiếc thay triều đình nhà Nguyễn với tầm nhìn hạn hẹp và cổ hủ của mình đã bỏ qua một cơ hội lớn. Triều đình nhà Thanh ở Trung Quốc cũng đã mắc một sai lầm tương tự. Kết quả là cả hai nước Việt Nam và Trung Quốc đã tụt lại rất xa, so với nước láng giềng Nhật Bản, nơi có một minh quân sáng suốt và quyết đoán là Minh Trị Thiên Hoàng. Chính Ông đã có công đầu trong việc đưa Nhật Bản vào con

đường công nghiệp hoá, để đến những thập kỷ đầu của thế kỷ 19 họ đã trở thành một nước công nghiệp mạnh.

Bây giờ, vào lúc giao thời giữa hai thiên niên kỷ, khi một nền kinh tế mới, được tạm gọi là *Nền kinh tế tri thức* đang hình thành, đây có thể là một cơ hội mới cho nước ta sau hai thế kỷ để làm một cuộc cách mạng phát triển, đi tắt, đón đầu tiến thẳng sang *Nền kinh tế tri thức*. Nhật Bản đang nắm chắc thời cơ và đang ở vị trí các nước ở tốp đầu; Trung Quốc đang rất chủ động đương đầu với thách thức. Còn nước ta, liệu chúng ta có bỏ lỡ cơ hội một lần nữa ?

	Cuối thế kỷ 18 - đầu thế kỷ 19 Kinh tế nông nghiệp Kinh tế công nghiệp	Cuối thế kỷ 20 - đầu thế kỷ 21 Kinh tế công nghiệp Kinh tế thông tin
Nhật Bản	Minh trị Thiên hoàng Nắm bắt, mở cửa	Tận dụng cơ hội; đứng ở tốp đầu
Trung Quốc	Nhà Thanh Bỏ qua, đóng cửa	Chủ động đương đầu thách thức
Việt Nam	Nhà Nguyễn Không chấp nhận, đổ kỵ	Liệu có bỏ lỡ cơ hội một lần nữa ???

2. Tên gọi của nền kinh tế mới

Nền kinh tế mới có nhiều tên gọi khác nhau nhưng đều nhằm diễn đạt một nội dung cơ bản: ngày nay sản xuất và truyền tải thông tin - tri thức trở nên quan trọng hơn nhiều so với sản xuất và phân phối hàng hoá công nghiệp. Những người quan tâm nhiều đến khía cạnh kỹ thuật của vấn đề thì thích dùng khái niệm *Nền kinh tế số hoá* (Digital Economy) hoặc Nền kinh tế mạng. Những ai muốn nhấn mạnh rằng ngày nay tài nguyên quan trọng nhất không phải là tài nguyên vật thể (đất đai, khoáng sản, ...) mà là thông tin - tri thức thì coi đó là *Nền kinh tế thông tin*. Một số khác muốn khẳng định rằng khoa học và công nghệ đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp quan trọng nhất như Mác đã từng tiên đoán từ

giữa thế kỷ 19, thì thích dùng khái niệm *Nền kinh tế tri thức* (Knowledge Economy) hoặc *Nền kinh tế dựa trên tri thức* (Knowledge - based Economy). Còn các nhà nghiên cứu của khối EU thì đề nghị dùng tên *Nền kinh tế học hỏi* (Learning Economy) để khuyến cáo rằng phải học hỏi liên tục suốt đời, mà chủ yếu là tự học hỏi, để đổi mới liên tục và trước hết là đổi mới chính mình đối với từng cá nhân, từng tổ chức và từng quốc gia.

Nền kinh tế thông tin	Tài nguyên thông tin - tri thức là quan trọng.
Nền kinh tế số (mạng, internet)	Kỹ thuật số hoá mở ra khả năng mới
Nền kinh tế tri thức (dựa trên tri thức)	Khoa học và công nghệ là lực lượng sản xuất trực tiếp.
Nền kinh tế học hỏi (learning):	Học hỏi suốt đời để đổi mới không ngừng.

3. Sản phẩm của nền kinh tế

Chúng ta thực sự đang sống trong giai đoạn chuyển tiếp từ thời đại "Atom" (vật thể) sang thời đại "Bit" (phi vật thể). *Nền kinh tế tri thức* của thời đại "Bit" chủ yếu do lao động trí óc dựng xây. Trong cơ cấu GDP, giá trị gia tăng, lao động và tư bản, hơn 70% sẽ do các lĩnh vực hoạt động của con người có hàm lượng trí tuệ cao quyết định. Khác với nền kinh tế công nghiệp, ở đó hàng hoá vật thể được sản xuất hàng loạt là chủ yếu, của cải vật chất là sở hữu của một số ít người và nhu cầu của mỗi cá nhân là có giới hạn; trong *Nền kinh tế tri thức*, sản phẩm thông tin - tri thức đóng vai trò quan trọng nhất, chúng là sở hữu của rất nhiều người và nhu cầu của mỗi cá nhân sẽ là vô hạn. ở đây có một nghịch lý quan trọng: càng nhiều người dùng thì giá trị của cải vật chất càng thấp; trong khi đó giá trị của thông tin - tri thức sẽ càng cao khi càng có nhiều người sử dụng.

Kinh tế Công nghiệp	Kinh tế tri thức
1. Hàng hoá công nghiệp (vật thể)	1. Sản phẩm tri thức (hàm lượng trí tuệ cao); thông tin - tri thức
2. Là sở hữu của ít người	2. Là sở hữu của rất nhiều người
3. Nhu cầu của mỗi cá nhân là giới hạn	3. Nhu cầu của mỗi cá nhân là vô hạn
4. Càng nhiều người dùng giá trị càng thấp	4. Càng nhiều người dùng giá trị càng cao

4. Vì sao chúng ta phải đi thẳng vào Nền kinh tế tri thức?

Đoàn tàu *Nền kinh tế tri thức* cứ sẽ băng băng về phía trước. Ai không vội vàng nắm lấy cơ hội để leo lên tàu thì sẽ bị bỏ rơi. Hai trăm năm trước ta đã bỏ lỡ đoàn tàu *Nền kinh tế công nghiệp*. Bây giờ chúng ta không có quyền được lặp lại sai lầm của triều đại nhà Nguyễn. Trong thời đại mới, khi tri thức hoá và toàn cầu hoá đã trở thành một xu thế không cưỡng lại được, thì mỗi quốc gia phải tìm mọi cách để mở rộng không gian kinh tế của mình. Trong không gian kinh tế này thị trường quốc tế mới chỉ là một chiều (dimension). Còn những chiều khác nữa cũng không kém phần quan trọng, chẳng hạn lợi thế so sánh, dịch vụ "kinh tế ảo" v.v ... ở một chừng mực nào đó, *Nền kinh tế tri thức* tạo cơ hội tương đối bình đẳng cho mọi quốc gia: sức cạnh tranh của nền kinh tế chủ yếu được tạo nên bởi trí thông minh và sự sáng tạo, cái mà dân tộc nào cũng có thể phát huy được. Đi thẳng vào *Nền kinh tế tri thức* không có nghĩa là bỏ qua các ngành sản xuất truyền thống như nông nghiệp và công nghiệp. Ngược lại trong *Nền kinh tế tri thức*, những ngành đó sẽ trở nên thông minh hơn và do đó có hiệu quả hơn. Nền kinh tế tri thức có thể tạm thời làm mất việc làm ở một số ngành truyền thống, nhưng nó lại tạo ra nhiều việc làm hơn rất nhiều ở những ngành nghề mới. Tuy nhiên không phải nước nào cũng tận dụng được cơ hội mới này một cách có hiệu quả. Chẳng hạn, từ năm 1973 đến 1997 Hệ thống đổi mới công nghệ quốc gia của Mỹ đã tạo ra được 43 triệu việc làm mới, trong khi đó ở Pháp chỉ tạo ra được 1 triệu.

1. Để tạo cơ hội mở rộng không gian kinh tế.
2. Để tạo sức cạnh tranh của nền kinh tế.
3. Để hiện đại hoá các ngành sản xuất truyền thống.
4. Để tạo ra ngành nghề mới và nhiều việc làm.

5. Làm gì để nắm bắt cơ hội?

Chúng tôi xin đề xuất bốn biện pháp, như đã được tóm tắt trong một bảng kèm theo, nhưng biện pháp số 1 là quan trọng nhất. Không có thời đại nào lại cần nhiều nhân tài như thời đại Nền kinh tế tri thức này. Trong số các nhân tài ấy, nhân tài lãnh đạo ở các cấp bậc khác nhau là then chốt. *Nền kinh tế tri thức* này chỉ là cơ hội cho dân tộc nào chọn được các nhà lãnh đạo sáng suốt và quyết đoán, như Lãnh đạo của Đảng ta đã từng thể hiện trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước vừa qua. Ngoài ra chúng ta cũng còn cần rất nhiều các nhà khoa học - công nghệ và các nhà doanh nghiệp có ý chí tự cường dân tộc cao, có tính sáng tạo và dám mạo hiểm. Franklin Roosevelt đã từng nói một câu nổi tiếng: "*Điều đáng sợ nhất không phải là thất bại. Điều đáng sợ hơn là không dám làm gì*".

Chúng ta hãy cùng nhau thiết tha hy vọng rằng Hiền tài sẽ luôn luôn là Nguyên khí của Đất nước Lạc Hồng như lời dạy của Người xưa.

1. Tuyển chọn và trọng dụng nhân tài:	* Nền kinh tế tri thức chỉ là cơ hội cho dân tộc nào có các nhà lãnh đạo sáng suốt và quyết đoán; có nhiều nhà KHCN và nhiều nhà doanh nghiệp
2. Chấn hưng nền giáo dục quốc dân:	giàu tính sáng tạo, dám mạo hiểm và có tinh thần dân tộc tự cường cao.
3. Xây dựng tiềm lực Khoa học & Công nghệ quốc gia:	* Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài với yêu cầu mới, nội dung mới và phương pháp mới để thích ứng với xu <u>thế tri thức hoá</u> và <u>toàn cầu hoá</u> .
4. Xây dựng hệ thống đổi mới	

công nghệ quốc gia (National Innovation System):	<p>* Củng cố và lập nên các đơn vị R & D đủ khả năng nắm bắt và làm chủ các công nghệ nền (cơ sở) mới và cao, làm chỗ dựa cho sự phát triển các công nghệ sản phẩm ở khu vực doanh nghiệp.</p> <p>* Thiết lập hệ thống cung cấp các dịch vụ hỗ trợ các doanh nghiệp khả năng luôn luôn đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đổi mới mặt hàng.</p>
--------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TRI THỨC VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ

ĐC. NGUYỄN ĐỨC HÙNG
Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao

Trong cuốn sách xuất bản năm 1985 với nhan đề "*Cách mạng giá trị tri thức - sự kết thúc của xã hội công nghiệp và sự mở đầu của xã hội giá trị tri thức*", nhà tương lai học Nhật Bản Kaiokutai đã tiên đoán rằng tri thức sẽ trở thành cội nguồn chủ yếu để phát triển kinh tế và tích lũy tư bản, nền kinh tế dựa trên tri thức đang được thai nghén trong lòng xã hội hiện nay sẽ thay thế mô hình kinh tế công nghiệp theo phương thức truyền thống. Mười lăm năm đã qua, với những phát triển rất nhanh và rất mới trong các hoạt động kinh tế, những tiến bộ mang tính cách mạng trong cách tổ chức và hoạt động của các doanh nghiệp, sự tăng trưởng của năng suất và hiệu suất lao động của nhiều nền kinh tế trên thế giới mà nền tảng của nó chính là ứng dụng những thành tựu của tri thức vào phát triển lực lượng sản xuất và thay đổi các phương thức quản lý kinh doanh thì tiên đoán đó dường như đang ngày càng trở thành sự thật. Trên cơ sở những hiện tượng phát triển mới này, từ góc độ ngoại giao, bài viết này thử phân tích và xin đưa ra một số suy nghĩ về *xu hướng* phát triển mới của nền kinh tế thế giới cùng *những tác động của nó* đối với quan hệ kinh tế quốc tế.

I. SỰ XUẤT HIỆN NỀN KINH TẾ TRI THỨC TRÊN THẾ GIỚI?

Những tiến bộ có tính bùng nổ của lực lượng sản xuất do tác động của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ hiện đại những năm gần đây, đặc biệt là ở các nước phát triển và các nước công nghiệp mới (NICs), đang làm xuất hiện một hình thái kinh tế mới dựa chủ

yếu vào việc sản xuất, phân bổ và sử dụng tri thức. Nhiều người gọi đó là "Kinh tế tri thức" (*knowledge economy* hoặc *knowledge-based economy*) hoặc "Kinh tế mới", hay "Kinh tế hậu công nghiệp" ... Dù cho tên gọi thế nào đi nữa, đây là một vấn đề mới, một cách tiếp cận mới đối với xu hướng phát triển của kinh tế thế giới. Do đó chúng ta cần nghiên cứu sớm. Có thể nói trước rằng, khái niệm kinh tế tri thức ra đời phản ánh một quan điểm phát triển mới về chất của nền kinh tế thế giới khi mà tri thức trở thành vừa là nội dung vừa là động lực của sản xuất.

Không ít nhà phân tích cho rằng dưới tác động của cách mạng khoa học công nghệ và toàn cầu hoá, kinh tế tri thức đang hình thành ở nhiều nước phát triển và sẽ trở thành một xu thế quốc tế lớn trong một hoặc hai thập kỷ tới. Tuy nhiên, bao giờ thì *Nền kinh tế tri thức* sẽ hiện hình một cách hoàn chỉnh và lan toả ra toàn thế giới thì còn có nhiều ý kiến khác nhau: những người lạc quan nhất cho rằng điều đó sẽ xảy ra vào khoảng nửa cuối thập kỷ thứ 2 của thế kỷ 21; Liên Hợp quốc thì dự báo vào thập kỷ thứ 3; một số người khác lại cho rằng giai đoạn quá độ sang kinh tế tri thức sẽ kéo dài suốt thế kỷ 21 và đối với Việt Nam quan trọng là thời gian dự báo này trùng với giai đoạn chúng ta đang xây dựng chiến lược phát triển, công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Bất luận thế nào thì cũng đang diễn ra trên thực tế sự quá độ sang một nền kinh tế khác với nền kinh tế tồn tại cho tới nay. Quá trình chuyển giao này đã và đang diễn ra mạnh mẽ trong các nền kinh tế đã phát triển, đặc biệt là ở Mỹ, Canada, Tây Âu, Nhật, Singapore, Hồng Kông, Úc. Các nước công nghiệp mới (NICs) từ một số năm gần đây cũng đã hướng mạnh vào kinh tế tri thức. Quá trình quá độ sang kinh tế tri thức không hoàn toàn loại bỏ các nước đang phát triển. Không ít nước trong số này (như Trung Quốc, Ấn Độ, Ma-lai-xi-a, Thái Lan...) đã tập trung nỗ lực phát triển một số ngành kinh tế tri thức. Do tính quá độ đó nên sẽ có sự đan xen giữa các nhân tố của nền kinh tế cũ và những nhân tố của nền kinh tế mới; ngay trong từng lĩnh vực sản xuất cụ thể dù là nông nghiệp hay công nghiệp, những yếu tố truyền thống để tạo nên các sản phẩm vẫn tiếp tục tham gia vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của chúng trong cấu thành sản phẩm ngày càng giảm đi, và ngược lại giá trị của phần chất xám (vốn con người, công nghệ cao và thông tin) ngày càng chiếm vị trí áp đảo. Đồng thời, công nghệ

thông tin/Internet, công nghệ viễn thông, công nghệ gen... đã và đang tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ và kỹ nghệ mới. Những phương tiện này cũng đã dần thay đổi nếp sống, nếp nghĩ cũng như cách làm việc và giải trí của xã hội.

Nhiều nghiên cứu trên thế giới, đặc biệt là nghiên cứu của Nhóm đặc trách thuộc APEC về kinh tế tri thức vừa mới công bố, cho thấy ở hầu hết các nước thuộc Tổ chức Hợp tác kinh tế và Phát triển (OECD), một số nền kinh tế phát triển trong APEC như Mỹ, Canada, Nhật, Singapore, Úc, các yếu tố của kinh tế tri thức đã phát triển ở mức khá cao. Trong các nước thuộc OECD, các ngành công nghiệp dựa trên tri thức (knowledge based industries: công nghệ cao và tương đối cao, thông tin, tài chính, bảo hiểm, dịch vụ cộng đồng, xã hội và chăm sóc sức khỏe) đã đóng góp trên 40% GDP. Tỷ lệ này là 57,3% ở Singapore, 55,3% ở Mỹ, 53% ở Nhật, 51% ở Canada và 48% ở Úc. Các cơ sở hạ tầng thông tin (ITC) được đặc biệt quan tâm đầu tư và phát triển mạnh ở những nước này đảm bảo tốt các nhu cầu thông tin với giá cả ngày càng giảm. Đây là một trong một số lĩnh vực có mức tăng trưởng cao nhất: Úc và Canada có tới 50% số người sử dụng điện thoại di động, 40% có máy computer, 30% sử dụng mạng internet. Thương mại điện tử, một lĩnh vực quan trọng của kinh tế tri thức, phát triển hết sức nhanh chóng, đặc biệt là ở Mỹ, Canada, Úc. Mức tăng trong lĩnh vực này trong vài năm qua đạt tới vài trăm %/năm. Nhiều nước phát triển đã thay đổi rõ rệt chính sách, chuyển hẳn ưu tiên cao cho việc tăng đầu tư vào phát triển khoa học, công nghệ và giáo dục. Năm 1995, tổng đầu tư của nhà nước cho nghiên cứu khoa học, công nghệ mới và phát triển giáo dục chiếm 8,8% GDP ở Canada, 8,4% ở Mỹ, 6,8 % ở Úc và 6,6% ở Nhật. Tính từ giữa thập niên 80 trở lại đây, mức tăng bình quân đầu tư vào lĩnh vực này của các nước trên đạt 2,8 %/năm. Việc phát triển các ngành kinh tế tri thức kéo theo đòi hỏi có một đội ngũ công nhân tri thức (những người lao động được đào tạo có kiến thức và trình độ nghề nghiệp cao). Đội ngũ này trong các nước phát triển tăng lên nhanh chóng: hiện nay tỷ lệ công nhân tri thức chiếm gần 40% lực lượng lao động trong các nước nói trên; dự kiến đến năm 2010 sẽ tăng lên đến 80%. Riêng ở Mỹ, chỉ riêng trong lĩnh vực công nghệ thông tin vốn chỉ chiếm khoảng 8,3% tổng sản phẩm quốc nội nhưng đã đóng góp gần một phần ba sự tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ và một nửa sự tăng trưởng về năng suất của nước này từ

1995 đến 1999. Số người làm việc liên quan đến lĩnh vực Internet tăng gấp đôi trong năm 1999 và thu nhập hàng năm của ngành này tăng 74%. Theo nhận định của sách "Kinh tế tri thức" do Trung Quốc xuất bản, thì kinh tế tri thức có khả năng đóng góp tốt vào việc giải quyết công ăn việc làm và nhận định: "dù ở bất kỳ nước phát triển hay đang phát triển, công nghệ kỹ thuật cao đều tạo ra cơ hội việc làm. Công nghệ phần mềm ấn Độ tạo ra 50 vạn cơ hội việc làm có lương cao cho người ấn cả ở trong và ngoài nước. Các khu khai thác kỹ thuật cao của Trung Quốc cũng đã tạo được hơn 2 triệu việc làm cho công nhân. Người ta cũng dự đoán rằng, nếu phát triển toàn diện các ngành kỹ thuật cao khác thì việc tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn nữa là hoàn toàn khả quan.

Đối với các nước chậm phát triển hơn trong APEC, nghiên cứu của Nhóm đặc trách nói trên cũng chỉ ra rằng hầu hết các nền kinh tế thuộc loại công nghiệp mới như Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông cũng đã chuyển mạnh theo hướng phát triển kinh tế tri thức và đã đạt được nhiều tiến bộ. Một số nước khác như Trung Quốc, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Chi-lê cũng đã tích cực chuẩn bị các cơ sở cơ bản cho phát triển kinh tế tri thức, đặc biệt là đã tập trung xây dựng và phát triển những ngành kinh tế dựa trên tri thức như thông tin, công nghệ phần mềm, nghiên cứu và ứng dụng một số công nghệ hiện đại, dịch vụ, đào tạo-giáo dục... Trước tình hình đó, APEC đang tích cực nghiên cứu và xây dựng chương trình hợp tác giữa các thành viên nhằm cùng nhau phát triển kinh tế tri thức. Vấn đề này đang dần dần trở thành một chủ đề và nội dung quan trọng trong hợp tác APEC.

Như vậy, có thể thấy phát triển kinh tế tri thức đang trở thành xu hướng của thế giới, trước hết là trong các nước phát triển và các nước công nghiệp mới và là vấn đề mới trong hợp tác quốc tế. Nó phản ánh một quan điểm phát triển chiều sâu mới của nền kinh tế thế giới. Động lực chủ yếu của xu hướng này là sự bùng nổ của tiến bộ khoa học công nghệ trong nhiều lĩnh vực, trong đó đặc biệt là trong lĩnh vực thông tin-tin học, quản lý và sinh học, và do xu thế toàn cầu hoá.

II. TÁC ĐỘNG CỦA XU THẾ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC TỚI QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ

Quá trình chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức có tác động mạnh mẽ tới toàn bộ quan hệ kinh tế quốc tế, từ phương

thức hoạt động kinh tế quốc tế đến nội dung, cấu trúc của các mối quan hệ này. Sơ bộ xin hình dung một số tác động chủ yếu của quá trình này như sau:

1. Kinh tế tri thức góp phần đẩy nhanh quá trình toàn cầu hoá, một xu thế tác động sâu rộng đối với các quan hệ quốc tế hiện đại

Về mặt lý thuyết, do kinh tế tri thức dựa chủ yếu trên việc tạo ra và sử dụng tri thức vốn mang bản chất năng động, lan toả không biên giới - trong đó trước hết là khoa học-công nghệ, đặc biệt là trong lĩnh vực thông tin, một lĩnh vực có tính thông quan rất cao, lực lượng sản xuất thế giới và các hoạt động kinh tế của con người ngày càng được quốc tế hoá và đa phương hoá trên phạm vi toàn cầu.

Về mặt thực tiễn, toàn cầu hoá hay là quá trình xã hội hóa sản xuất trên quy mô toàn cầu ngày nay đã là một xu thế khách quan được thúc đẩy chủ yếu bởi những tiến bộ của khoa học-công nghệ (mặc dù có mặt các nước phát triển và tập đoàn tư bản ra sức thúc đẩy và lợi dụng toàn cầu hóa vì lợi ích của riêng họ). Quả vậy, trong gần một thập kỷ qua, tổng giá trị thương mại thế giới đã tăng lên gần gấp 2 lần (đạt mức tăng hàng năm trên 7%, cao hơn 2 lần so với mức tăng GDP); tổng FDI tăng gần 3 lần, đạt trên 4400 tỷ USD vào 1999 với mức tăng bình quân hàng năm là trên 12% (tính trong vòng 2 thập kỷ qua); hiện nay, mỗi ngày tổng giá trị các giao dịch tài chính quốc tế lên tới 3500 tỷ USD. Trên 50.000 công ty xuyên quốc gia với khoảng 300.000 công ty con nằm khắp các nước trên thế giới kiểm soát gần 50% GDP, 60% tổng mậu dịch, 80-90% danh mục các sản phẩm công nghệ cao và 90% tổng FDI của toàn thế giới.

Để tận dụng mặt tích cực và giành vị trí trong phân công lao động quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá, ở nhiều nước, nhất là các nước phát triển, Nhà nước đặc biệt khuyến khích việc phát triển và sử dụng các khoa học-công nghệ cao trong sản xuất. Các công ty cũng ra sức nắm bắt và ứng dụng những tiến bộ mới về khoa học công nghệ để tăng sức cạnh tranh và mở rộng thị trường của mình không phải chỉ ở trong nước mà cả ở nước ngoài. Trong thập kỷ qua, người ta tính rằng khoa học và công nghệ đã đóng góp tới trên 60% vào mức tăng GDP trong các nước phát triển, đặc biệt ở Mỹ tới trên 70%. Bên cạnh đó, trên phương diện vĩ mô, các nước đều tìm cách

tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế để tận dụng tối đa các cơ hội và hạn chế các bất lợi của quá trình toàn cầu hoá. Trong 50 năm qua, hơn 100 định chế kinh tế quốc tế (toàn cầu và khu vực) đã ra đời, chỉ riêng trong thập kỷ 90, số lượng các định chế mới thành lập tăng gấp 3 lần thập kỷ 80.

2. Kinh tế tri thức phát triển sẽ làm cho phân công lao động trở nên sâu sắc và rộng khắp toàn cầu

Cùng với quá trình chuyển từ xã hội công nghiệp sang xã hội tri thức, tri thức mà trước hết là khoa học-công nghệ sẽ phát triển hết sức nhanh chóng, làm cho phân công lao động quốc tế phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, bởi vì trong thời đại kinh tế tri thức, thay vì đất đai, tài nguyên và vốn trước đây, tri thức ngày càng làm nên giá trị áp đảo trong mỗi sản phẩm. Các nước có thế mạnh về khoa học-công nghệ ra sức đầu tư, phát triển những ngành kinh tế dựa trên tri thức. Trong những năm qua, Mỹ ráo riết chuyển nhanh sang nền kinh tế tri thức, đặc biệt đầu tư phát triển những ngành như thông tin, vũ trụ, sinh học, dịch vụ cao cấp... Nhật nỗ lực nâng cấp các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ, đầu tư sâu vào chương trình nghiên cứu nano. Trung Quốc đưa ra "Kế hoạch 863" với 15 lĩnh vực khoa học công nghệ cần tập trung phát triển nhằm sớm đuổi kịp trình độ thế giới. Singapore tập trung ưu tiên phát triển công nghệ điện tử, tin học và tự động. Đối lập với xu thế các nước phát triển nắm giữ ưu thế tri thức - khoa học công nghệ hướng mạnh vào phát triển các ngành dựa trên tri thức, các nước đang và kém phát triển, do trình độ khoa học - công nghệ thấp, thiếu đội ngũ công nhân tri thức, nhìn chung càng bị yếu thế, và ở vào vị trí sản xuất, cung cấp cho thị trường quốc tế các sản phẩm, dịch vụ thuộc loại vừa và thấp cấp hơn về công nghệ và chất lượng hoặc ít hàm lượng tri thức hơn và các sản phẩm ở dạng nguyên nhiên liệu hoặc sơ chế. Nếu có tham gia được vào một số ngành kỹ thuật cao thì cũng không tiếp cận được những bí mật công nghệ có tính quyết định đối với quá trình sản xuất, quản lý và thường bị các công ty xuyên quốc gia chi phối.

Bên cạnh xu thế trên của phân công lao động quốc tế, với sự phát triển của tri thức - khoa học và công nghệ, sự phân công chuyên sâu trong hợp tác quốc tế cũng được tăng cường theo hướng ngày càng có nhiều những công ty trong các nước đi chuyên vào sản

xuất một mặt hàng, một chi tiết cụ thể nào đó của một sản phẩm hoặc chỉ cung cấp một dịch vụ chuyên môn nhất định. Tuy nhiên, trong hình thức phân công này, khuynh hướng phân công theo trình độ của trình tự công nghệ trong sản xuất của nội bộ ngành sẽ tiếp tục phát triển mạnh. Loại phân công này dựa trên ưu thế tương đối khác nhau về nguồn lực giữa các nước để chuyên môn hoá đối với các khâu của trình tự công nghệ gia công. Theo đó, các nước phát triển chuyển một số công đoạn sản xuất sang các nước đang phát triển (có thể là một số chi tiết hoặc lắp ráp) nhằm tận dụng nhân công rẻ và nguồn tài nguyên của các nước này.

Tác động chung của những chiều hướng trên đưa đến các hiện tượng: vừa có siêu sáp nhập (để có sức mạnh, đầu tư công nghệ hiện đại tốn tiền...) vừa có sự ra đời càng nhiều công ty vừa và nhỏ. Trong mấy năm trở lại đây chúng ta đã chứng kiến một làn sóng mua bán và sáp nhập khổng lồ giữa các công ty trong nhiều nước trên thế giới với tổng trị giá giao dịch lên tới hàng chục nghìn tỷ USD. Ngược lại với xu hướng mua bán, sáp nhập giữa các công ty, cũng đồng thời diễn ra một xu hướng thành lập, duy trì nhiều công ty có quy mô nhỏ, hoạt động rất linh hoạt nhờ vào hệ thống thông tin thuận lợi (đặc biệt là mạng internet), hoặc chia các công ty lớn thành nhiều công ty nhỏ trong một số lĩnh vực để tăng khả năng thích nghi và hoạt động hiệu quả hơn trong điều kiện toàn cầu hoá và chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức. ở Mỹ hiện có trên 20 triệu công ty, trong đó trên 90% là công ty nhỏ; hàng năm số lượng các công ty nhỏ tăng lên rất nhanh: ví dụ năm 1993 toàn nước Mỹ có 666.800 công ty nhỏ, năm 1994 tăng lên 706.000 cái. Việc tăng số lượng các công ty nhỏ vừa do lập mới nhưng cũng vừa là kết quả của quá trình chia nhỏ các công ty lớn. Công ty điện báo điện thoại Mỹ bị chia thành 8 công ty nhánh và 22 công ty cháu, công ty IBM bị chia thành 13 công ty nhỏ.

3. Phát triển kinh tế tri thức sẽ làm thay đổi sâu sắc cơ cấu kinh tế thế giới và cấu trúc của quan hệ kinh tế quốc tế

Với sự xuất hiện của kinh tế tri thức, cơ cấu kinh tế thế giới đứng trước một sự thay đổi sâu sắc và bất ngờ nhất kể từ khi thế giới chuyển từ xã hội nông nghiệp sang công nghiệp vào thế kỷ 18 và 19. Trong những năm 60, ngành nông-lâm-ngư nghiệp chiếm 10,4% cơ cấu sản phẩm thế giới, ngành công nghiệp chiếm 28,4%,

dịch vụ 50,4%; đến những năm 90, với sự phát triển của khoa học-công nghệ, cơ cấu trước đây đã thay đổi mạnh mẽ với các tỷ lệ tương ứng là 4,4%, 21%, 62,4%. Trong các nước phát triển, các ngành dịch vụ đặc biệt phát triển và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tổng sản phẩm xã hội: Năm 1997, tỷ lệ tham gia của khu vực dịch vụ vào GDP và tạo công ăn việc làm ở Mỹ theo thứ tự là 76% và 73%, Canada là 79,7 % và 80%, EU là 64 % và 60%. Như vậy, các ngành dựa trên tri thức đã chiếm vị trí ngày càng quan trọng hơn và trong tương lai với sự phát triển kinh tế tri thức, các ngành dựa trên tri thức sẽ chiếm vị trí áp đảo trong cơ cấu kinh tế thế giới. Sự thay đổi trong cơ cấu của kinh tế các nước và kinh tế thế giới kéo theo sự thay đổi trong cấu trúc của quan hệ kinh tế quốc tế, thể hiện chủ yếu trên các khía cạnh sau:

Một là, những hàng hoá, dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao (bao gồm cả thông tin và tri thức, trong đó đặc biệt là tri thức về kỹ thuật và công nghệ) ngày càng chiếm vị trí chủ chốt trong thương mại quốc tế. Chiều hướng này đã được thể hiện tương đối rõ trong thực tiễn thương mại hàng hoá thế giới. Năm 1950 tỷ lệ hàng nông sản chiếm 47%, hàng công nghiệp chiếm 38% đến năm 1996 các tỷ lệ tương ứng là 12% và 77%; tỷ lệ các hàng hoá có kỹ thuật cao được trao đổi quốc tế tăng nhanh và hiện nay chiếm 70% trong tổng các sản phẩm buôn bán giữa các nước phát triển. Trao đổi kỹ thuật và công nghệ giữa các nước đạt 100 tỷ USD năm 1990, 250 tỷ USD năm 1995 và ước đạt trên 500 tỷ USD năm 2000. Thương mại dịch vụ cũng tăng nhanh và chiếm phần ngày càng quan trọng trong thương mại quốc tế. Trong thập niên 90 thương mại dịch vụ tăng cao hơn mức tăng của thương mại hàng hoá 1,5 lần và hiện chiếm trên 20% tổng kim ngạch thương mại thế giới.

Hai là, thương mại điện tử là lĩnh vực phát triển nhanh nhất và sẽ đóng vai trò hàng đầu trong thương mại quốc tế. Thực tế trong những năm qua cho thấy, mặc dù là một lĩnh vực còn rất mới, nhưng thương mại điện tử đã phát triển với một tốc độ ghê gớm từ tổng trị giá 17 tỷ USD năm 1997 lên trên 70 tỷ năm 1999 và dự kiến sẽ đạt 1000 tỷ vào năm 2002.

Ba là, quá trình chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức và xu thế toàn cầu hoá đã và đang làm thay đổi các lợi thế so

sánh của các quốc gia trong thương mại quốc tế theo hướng giảm dần các lợi thế truyền thống như đất đai, tài nguyên, nhân công rẻ, vị trí địa lý... và tăng vai trò, giá trị của các yếu tố tri thức. Nước nào khai thác, phát triển tốt nguồn tri thức sẽ có cơ hội phát triển và ngày càng có vị trí cao trên thương trường quốc tế cũng như vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế. Nhìn chung, các nước phát triển có điều kiện và lợi thế hơn các nước đang phát triển vì nền kinh tế của họ phát triển cao, đặc biệt là đã có nhiều ngành kinh tế dựa trên tri thức khá phát triển, làm chủ được khoa học công nghệ hiện đại, nắm giữ hầu hết các nguồn vốn và có đội ngũ nhân công tri thức đông đảo. Do vậy, quá trình toàn cầu hoá và chuyển sang kinh tế tri thức đang và có thể sẽ làm gia tăng sự phân cực về trình độ phát triển và khoảng cách giàu-nghèo giữa các nước trên thế giới. Tuy nhiên, quá trình này không hoàn toàn tác động một cách tiêu cực hoặc bất lợi đối với các nước đang phát triển. Trái lại, nó mở ra nhiều cơ hội mà các nước đang phát triển có thể tận dụng để "đi tắt, đón đầu", trên con đường phát triển kinh tế và thu hẹp dần khoảng cách với các nước đã đi trước. Thực tế đã chứng minh không ít nước trước đây thuộc loại đang phát triển, sau 2-3 thập kỷ đã bứt lên đứng vào hàng các nước công nghiệp mới.

4. Theo một số nhà kinh tế, nền kinh tế tri thức mang đặc tính tăng trưởng bền vững và thoát được sự phát triển theo chu kỳ (tăng trưởng-suy thoái). Nếu điều này đúng thì quan hệ kinh tế quốc tế cũng sẽ phát triển một cách ổn định, nguy cơ về khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới không còn là bóng đen kinh hoàng trùm lên quan hệ kinh tế quốc tế nữa. Đây sẽ là một sự biến đổi lớn về chất của quan hệ kinh tế quốc tế.

5. Với nền kinh tế tri thức trong một thế giới toàn cầu hoá, vai trò của các chủ thể quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ kinh tế quốc tế nói riêng có những biến đổi lớn

Vai trò của các chủ thể truyền thống là các Nhà nước-quốc gia sẽ có những thay đổi. Học giả Richard Rosecrance nhận định trong cuốn *"Sự nổi lên của các nhà nước ảo"* như sau: "Do ngày càng có nhiều hãng chuyển sản xuất ra nước ngoài và đất đai trở nên kém giá trị hơn công nghệ, kiến thức và đầu tư trực tiếp, chức năng của Nhà nước đang được xem xét lại. Các Nhà nước phát triển đang gạt dần các tham vọng về quân sự, chính trị và lãnh thổ để cố gắng

giành lấy một phần lớn hơn trong tổng sản lượng toàn cầu. Theo ông, các Nhà nước đang dần phải điều chỉnh lại chức năng nhưng thẩm quyền về qui mô địa lý sẽ không có biến động. Về kinh tế - thương mại, thay vì tập trung vào chức năng điều khiển các nguồn lực như thời kỳ trọng thương trước đây; chức năng của Nhà nước sẽ ngày càng được chú trọng vào việc đàm phán với các nguồn vốn và lao động nước ngoài và trong nước để thu hút chúng về vùng kinh tế của mình và thúc đẩy sự tăng trưởng".

Bên cạnh sự thay đổi vai trò của Nhà nước, các chủ thể mới như các tổ chức quốc tế, các định chế liên kết kinh tế toàn cầu và khu vực, các công ty xuyên quốc gia (TNC) cũng ngày càng có tiếng nói và vai trò quan trọng hơn trong sinh hoạt quốc tế.

6. Quá trình phát triển kinh tế tri thức trong một thế giới toàn cầu hoá làm thay đổi so sánh lực lượng và sự tập hợp lực lượng theo trật tự cũ

Sau sự tan rã của Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự tập hợp lực lượng trong quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ kinh tế quốc tế nói riêng dựa trên ý thức hệ đã không trở thành yếu tố quan trọng mang tính quyết định. Dưới tác động của toàn cầu hoá và quá trình phát triển kinh tế tri thức, tư duy truyền thống về độc lập chủ quyền về an ninh quốc gia cũng có những thay đổi; an ninh kinh tế ngày càng trở thành trung tâm của các chính sách an ninh quốc gia và lợi ích kinh tế trở thành động lực chủ yếu của các tập hợp lực lượng trên phạm vi toàn cầu và khu vực. Thế giới hai cực đã nhường chỗ cho một thế giới mới đang trong quá trình đa cực hoá với nhiều trung tâm quyền lực chính trị-kinh tế có những mối quan hệ đan xen nhiều chiều và có tác động qua lại lẫn nhau. Trong một số thập kỷ tới, khoảng cách về phát triển và chênh lệch giàu-nghèo giữa nhóm các nước phát triển và nhóm các nước đang phát triển sẽ tăng thêm nhiều nhưng điều đó không hẳn có nghĩa rằng chỉ các nước giàu sẽ ngày càng giàu lên trong khi những nước nghèo sẽ ngày càng nghèo đi. Sự phân hoá tất yếu sẽ diễn ra nhưng tôi tin rằng, trong tương lai gần ngày càng có nhiều nước thuộc nhóm các nước đang phát triển, do tận dụng được các cơ hội do toàn cầu hoá và phát triển kinh tế tri thức mang lại, bứt lên và gia nhập vào nhóm các nước phát triển.

Quá trình phát triển kinh tế tri thức sẽ góp phần làm cho các quan hệ quốc tế ngày càng trở nên bình đẳng hơn và nhân bản hơn. Thế giới ngày càng trở thành "ngôi nhà chung" trong đó các cộng đồng dân tộc sống trong sự thống nhất về mô hình kinh tế và quản lý xã hội nhưng lại rất đa dạng về văn hoá và thậm chí chế độ chính trị.

III. KẾT LUẬN

Mặc dù có thể còn nhiều ý kiến khác nhau về thời điểm xuất hiện, và lan toả của một nền kinh tế hậu công nghiệp, cũng như còn phải tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn về bản chất và tác động của nó, đã đến lúc cần phải có một khái niệm mới, một tên gọi mới cho nền kinh tế lấy tri thức, trước hết là khoa học-công nghệ cao và thông tin làm động lực và nội dung chủ yếu của sự phát triển và thịnh vượng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế và xã hội. Dùng thuật ngữ "kinh tế dựa trên tri thức" cho một nền kinh tế như vậy có lẽ cũng là hợp lý. Dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và xu thế toàn cầu hoá, xu hướng chuyển sang kinh tế tri thức đã và đang là một thực tế và ngày càng được khẳng định trước hết là trong các nước phát triển và các nước mới công nghiệp hoá.

Cùng với xu thế toàn cầu hoá, quá trình phát triển kinh tế tri thức phản ánh những sự thay đổi sâu rộng về kinh tế từ bản thân các yếu tố sản xuất đến phương thức sản xuất và các sản phẩm làm ra... Mặt khác, kinh tế tri thức sẽ tác động hết sức to lớn tới cấu trúc kinh tế, phương thức hoạt động và tổ chức quản lý về kinh tế và xã hội trong mỗi quốc gia cũng như diện mạo, cấu trúc và bản chất của các mối quan hệ quốc tế, đặc biệt là quan hệ kinh tế quốc tế.

Những sự thay đổi rất đa dạng đó đang đặt ra nhiều cơ hội và thách thức cho mỗi quốc gia, mỗi doanh nghiệp. Do đó càng nói lên tính cấp thiết của việc nghiên cứu sâu và kịp thời vấn đề này để định ra những chính sách phát triển phù hợp, xác định được các ưu tiên đối với quốc gia trong thời gian tới. Đối với các nước đang phát triển như ta đó là vấn đề chống nguy cơ tụt hậu.

Trên đây là một số suy nghĩ bước đầu và còn rất sơ lược mà chúng tôi xin nêu ra để chúng ta cùng tham khảo./.

TRI THỨC VÀ PHÁT TRIỂN TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

TS. LÊ ĐÌNH TIẾN

TS. HOÀNG XUÂN LONG

Viện Nghiên cứu chiến lược

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

I. GIỚI THIỆU:

Ngày nay, các nước phát triển trên thế giới đang bước sang một giai đoạn phát triển mới về chất, chuyển từ nền kinh tế dựa chủ yếu vào các nguồn lực vật chất sang nền kinh tế dựa vào tri thức. Đặc trưng cơ bản của nền kinh tế mới này là tri thức đã trở thành nhân tố quan trọng nhất quyết định mức sống - hơn cả các nguồn lực khác như đất đai, công cụ, hơn cả lao động. Tuy nhiên, có những khoảng cách tri thức giữa các nước khác nhau và khoảng cách tri thức ngay trong mỗi nước này.

Các nền kinh tế tiên tiến nhất về công nghệ hiện nay đã thực sự dựa vào tri thức. Và khi các nền kinh tế sản sinh ra những của cải mới từ những đổi mới mà chúng thực hiện, chúng đang tạo ra hàng triệu những việc làm có liên hệ đến tri thức: những kỹ sư tri thức, những nhà quản lý tri thức, những nhà phối hợp tri thức.

Đối với các nước đang phát triển, nhu cầu để tăng năng lực sử dụng tri thức của họ cũng khác nhau. Một số nước có trình độ phát triển cao hơn đang nỗ lực xây dựng và triển khai những chiến lược quốc gia về tri thức nhằm đuổi kịp các nước phát triển. Nhưng phần lớn các nước đang phát triển cần phải làm nhiều hơn nữa để tăng cơ sở tri thức của họ, để đầu tư vào giáo dục nhân dân họ và để khai thác lợi thế của những công nghệ mới cho việc tiếp thu và phổ cập

tri thức. Các nước trì hoãn những nhiệm vụ này sẽ tụt lại phía sau, và những hậu quả đáng buồn cho triển vọng phát triển của họ sẽ khó khắc phục.

Trong bài này, chúng tôi tập trung vào phân tích vai trò của tri thức cho phát triển, nêu lên những xu hướng, đặc điểm của tri thức đối với phát triển trong thời đại ngày nay, phân tích những cơ hội và thách thức đối với các nước đang phát triển trong việc thu hẹp những khoảng cách về tri thức. Đồng thời, phân tích vai trò nhà nước của các nước đang phát triển trong việc hoạch định chính sách nhằm từng bước thu hẹp những khoảng cách tri thức, cả khoảng cách đối với các nước phát triển trên thế giới và khoảng cách trong phạm vi nội bộ của nước mình. Những giải pháp này có thể gợi suy cho Việt Nam trong việc hoạch định một chiến lược phát triển tri thức phục vụ mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong những thập kỷ tới.

II. VAI TRÒ CỦA TRI THỨC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN:

1. Đặc điểm của tri thức và xu hướng phát triển dựa trên tri thức

Tri thức như là sự hiểu biết của con người về thế giới vật chất xung quanh. Có rất nhiều loại tri thức khác nhau, chẳng hạn, gắn với mức độ phổ biến tri thức người ta phân ra tri thức tiềm ẩn và tri thức được hệ thống hoá, gắn với quá trình sản xuất là tri thức công nghệ. Tri thức về những thuộc tính như chất lượng của sản phẩm, chất lượng của người lao động, độ tin cậy của doanh nghiệp, là những tri thức phục vụ cho sự hoạt động có hiệu quả của thị trường.

Phân biệt tri thức tiềm ẩn với tri thức hệ thống hoá là điều quan trọng vì rằng nếu tri thức vẫn ở dạng tiềm ẩn thì khó có khả năng chuyển được ra khỏi ranh giới và phạm vi tổ chức (doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu triển khai). Nếu như toàn bộ tri thức đều chuyển thành thông tin để tất cả mọi người dễ dàng tiếp cận tới, thì khoảng cách tri thức, khoảng cách công nghệ giữa các khu vực và quốc gia sẽ được thu hẹp và chỉ có tính tạm thời, nhưng điều này lại làm giảm sự khuyến khích đối với các doanh nghiệp và quốc gia đầu tư vào nghiên cứu và triển khai (R&D). Về cơ bản, tri thức vẫn giữ ở dạng tiềm ẩn nếu như nó phức hợp, hoặc khác nhau về

chất lượng, chẳng hạn, trong những tình huống khi cần sử dụng đến một số giác quan khác nhau của con người cùng một lúc; khi sự khéo léo, lành nghề dự phần vào; và khi sự hiểu biết các quan hệ xã hội được coi là trọng yếu. Điều này đặc biệt khó khắc phục khi hoàn cảnh thay đổi nhanh.

Trong khi thông tin và tri thức hệ thống hoá có thể dễ dàng truyền đi khắp thế giới với giá rẻ thì bí quyết và tri thức tiềm ẩn lại không có khả năng chuyển giao ngay lập tức. Hiện tại, có những bộ phận tri thức vẫn còn ở dạng đặc thù và tiềm ẩn, chúng gắn với những tổ chức và khu vực đặc thù. Đây chính là lý do cơ bản khiến cho các mô thức chuyên môn hoá quốc tế trong thương mại vẫn tồn tại vững bền với thời gian và khoảng cách về tri thức công nghệ vẫn đeo đẳng với các khu vực và quốc gia.

Đặc điểm nổi bật của tri thức trong thời đại ngày nay là: *tốc độ gia tăng nhanh chóng; đổi mới diễn ra liên tục; khả năng lan truyền và phổ biến rộng rãi; gắn trực tiếp với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội.*

Khối lượng kiến thức của loài người ngày càng được gia tăng mạnh mẽ. Ngày nay, số lượng tạp chí và bài báo khoa học cứ 10 năm lại tăng lên gấp đôi - trung bình mỗi năm tăng 600 triệu trang [5].

Đổi mới và thay thế giữa những thế hệ tri thức diễn ra thường xuyên và nhanh chóng. Đặc điểm nổi bật của sự ra đời tri thức mới hiện nay là liên kết, tích hợp giữa các dòng tri thức vốn khác nhau. Điển hình là trong khoa học công nghệ viễn thông đang có xu hướng hội tụ các lĩnh vực trước đây tồn tại độc lập như: truyền dẫn vô tuyến tín hiệu thoại, truyền dẫn hữu tuyến tín hiệu truyền hình, truyền hình cáp, phát video qua vệ tinh và vô tuyến nhiều kênh, truyền số liệu số, Internet.

Mức độ lan truyền (về không gian và thời gian) của tri thức được mở rộng và đẩy mạnh nhờ khả năng hệ thống hoá của chúng. Ngày càng nhiều khối lượng tri thức có thể giản đơn hoá, đồng nhất hoá, tiêu chuẩn hoá,... thành những thông tin rõ ràng, ngắn gọn, dễ dàng cho việc truyền tải, lưu trữ và tái tạo.

Khả năng ứng dụng của tri thức đã tạo nên "sự khác nhau rõ nhất giữa chúng ta và tổ tiên chúng ta" - theo cách nói của Alvin

Toffler [5]. Trước chiến tranh thế giới lần thứ II, khoa học thường ít gắn trực tiếp đến kỹ thuật thì giờ đây chúng ta không thể phân biệt ranh giới rõ rệt giữa khoa học và kỹ thuật. Ngày nay, quãng thời gian giữa các giai đoạn của chu kỳ đổi mới, bao gồm: sáng kiến - áp dụng cụ thể - phổ biến ra xã hội, đã rút ngắn lại đáng kể.

Phát triển dựa trên tri thức được định hình bởi các đặc trưng như: tăng trưởng mạnh các ngành dựa trên tri thức; gắn với mở rộng quan hệ thị trường và toàn cầu hoá; đổi mới liên tục và chủ động thích ứng với những đổi mới đó thông qua học hỏi.

Tăng trưởng mạnh các ngành dựa trên tri thức: trong khi nhiều ngành kinh tế như sản xuất thép, xi măng, công nghiệp ô tô,... trên đà xuống dốc thì chúng ta lại được chứng kiến hiện tượng lên ngôi của các lĩnh vực thông tin và truyền thông, sở hữu trí tuệ, các thư viện - ngân hàng dữ kiện điện tử - phương tiện nghe nhìn, công nghệ sinh học. Điểm chung cơ bản của các lĩnh vực này, và là nét phân biệt với các ngành truyền thống khác, nằm ở khả năng bành trướng vô hạn của các sản phẩm tri thức. Năm 1987, năm công ty lớn nhất trong công nghệ thông tin là Microsoft, Intel, Compaq, Dell và Cisco có số vốn trên thị trường chứng khoán là 12 tỷ USD và đến năm 1997, số vốn tích lũy này đã đạt tới 600 tỷ USD, tức là tăng lên 50 lần trong vòng chưa đầy 10 năm [6]. Trong khoảng 1970-1990, ở Mỹ có tới khoảng 90% các việc làm mới được tập trung trong các lĩnh vực dịch vụ tri thức và xử lý thông tin [4].

Mở rộng quan hệ thị trường và toàn cầu hoá: việc tăng cường tri thức về những thuộc tính như chất lượng của sản phẩm, chất lượng lao động, khả năng tin cậy của các đối tác, biến động của nguồn tài chính,...cùng với mức độ lan toả của mạng thông tin quốc tế giúp cho quan hệ giao lưu, liên kết không ngừng được mở rộng và là cơ sở thúc đẩy toàn cầu hoá.

Thương mại điện tử cho phép thực hiện các quan hệ theo mô hình cấu trúc "mạng lưới" thay vì mô hình cấu trúc "hình tháp" trước kia. Thương mại điện tử giúp mọi người quan hệ trực tiếp với nhau, bất kể mọi khoảng cách về không gian. Với khả năng khớp nối cung - cầu, các nhà kinh doanh có thể chuyển từ phương thức sản xuất hàng loạt sang sản xuất linh hoạt, đơn chiếc theo yêu cầu cụ thể của khách hàng.

Đổi mới liên tục và chủ động thích ứng với những đổi mới đó thông qua học hỏi: phát triển dựa trên tri thức đòi hỏi một năng lực học hỏi để đáp lại thách thức của đổi mới và làm cho nền kinh tế đổi mới không ngừng. Học hỏi liên tục hoàn toàn phù hợp với điều kiện tăng tốc trong thay đổi về kinh tế, xã hội và kỹ thuật khiến các kiến thức chuyên môn luôn bị lạc hậu (một số tác giả cho rằng 80% các công nghệ, quy trình kỹ thuật đang sử dụng hiện nay sẽ trở nên lạc hậu trong vòng 1 thập kỷ nữa [3]).

Học hỏi không chỉ thuần túy là "tiếp cận thông tin" mà tạo ra những khả năng mới và thiết lập những kỹ năng mới, tạo cơ sở để tiến hành đổi mới một cách triệt để.

Hoạt động học hỏi không chỉ đòi hỏi ở những ngành công nghệ cao, mà có mặt ở tất cả mọi bộ phận của nền kinh tế, kể cả những ngành công nghệ thấp và ngành truyền thống, tạo cơ sở cho đổi mới diễn ra toàn diện trong các ngành kinh tế.

2. Tri thức và phát triển đối với các nước đang phát triển

So với các nước công nghiệp phát triển, khả năng tạo ra tri thức của các nước đang phát triển rất hạn chế. Nếu tính toán theo chỉ số chỉ tiêu tính trên đầu người cho nghiên cứu và triển khai thì những bất bình đẳng về năng lực tạo ra tri thức còn lớn hơn những bất bình đẳng về thu nhập [1].

Khả năng tiếp cận luồng thông tin của các nước đang phát triển cũng thua xa các nước phát triển do chênh lệch về hạ tầng thông tin. Hiện nay, những nước có thu nhập thấp (chiếm khoảng 55% dân số thế giới) chỉ chiếm ít hơn 5% số điện thoại toàn thế giới. ở những nước thu nhập cao có tới 50 điện thoại trên 100 dân, còn rất nhiều nước nghèo chỉ có không quá 1 điện thoại trên 100 dân. Thời điểm năm 1995, tại các nền kinh tế có thu nhập thấp cứ 1000 người dân thì có gần 2 máy tính điện tử, còn nền kinh tế có thu nhập cao thì con số tương ứng là 199. Đến năm 1997, 10 nước công nghiệp hàng đầu đã nắm giữ 85% các "trạm dịch vụ" Internet trên thế giới [6].

Các nước đang phát triển có ít các thể chế đảm bảo cho sự hoàn thiện độ tin cậy của các thông tin như xác minh về chất lượng thông tin và cưỡng chế thi hành các cam kết. Hiệu quả thể chế thấp làm cản trở không nhỏ đến các quan hệ giao dịch kinh tế.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hoá, các nước đang phát triển cũng có những cơ hội mới và yêu cầu mới để khắc phục khoảng cách tụt hậu và vươn lên.

(1). Các nước đều có thể khai thác tri thức toàn cầu bằng những cách thức khác nhau. Mậu dịch quốc tế mang lại nhận thức nhiều hơn về cách sản xuất hàng hoá và dịch vụ mới. Hiện nay, cơ cấu mậu dịch quốc tế đang thay đổi theo hướng tập trung vào những hàng hoá có hàm lượng công nghệ cao và giảm những sản phẩm sơ chế. Khối lượng những hàng hoá công nghệ cao trong mậu dịch toàn cầu đã tăng gấp đôi trong vòng 20 năm, từ 11% năm 1976 lên 22% năm 1996 [1]. Như vậy, các nước kém phát triển có thể thâm nhập tri thức bao hàm trong hàng hoá và dịch vụ từ những nước có trình độ tiên tiến hơn.

Các công ty đa quốc gia hiện đang nắm giữ những khối lượng tri thức lớn của thế giới. Chỉ 50 công ty đa quốc gia hàng đầu thế giới đã chiếm hơn 26% toàn bộ những bằng sáng chế của liên hiệp các công ty được cấp ở Mỹ, từ năm 1990 đến năm 1996.

Mặt khác, hoạt động của chúng lại trải rộng trên phạm vi khắp thế giới. *Do đó thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài* (FDI) cũng là một biện pháp quan trọng để tranh thủ tri thức toàn cầu [1].

Việc cấp giấy phép công nghệ là một cơ chế có hiệu quả giúp các nước đang phát triển thâm nhập những công nghệ độc quyền mới và có thể có hiệu quả hơn về mặt chi phí so với việc tự phát triển một công nghệ thay thế. Hoạt động cấp giấy phép công nghệ đang ngày càng phổ biến, với số tiền trả cho việc cấp giấy phép và bản quyền đã tăng từ 6,8 tỷ đôla năm 1976 lên hơn 60 tỷ đô la năm 1995 [1] đã mở rộng cơ hội tiếp nhận công nghệ bên ngoài của các nước đi sau.

Di chuyển và di cư của những người có kỹ năng và tri thức chuyên môn thường tạo ra mối liên hệ về tri thức giữa những nền kinh tế trên thế giới. Các nước đang phát triển có thể tận dụng dòng di chuyển và di cư để làm giàu tri thức của mình thông qua con đường đưa người trong nước ra thế giới (đi học, đi tham quan, trao đổi khoa học) và tiếp cận nguồn thông tin bên ngoài vào trong nước (du lịch, chuyên gia, trao đổi khoa học...).

Các phương thức khai thác tri thức toàn cầu nêu trên đồng thời có ý nghĩa đối với xu hướng toàn cầu hoá. Chúng không chỉ khẳng định tính tất yếu phải hội nhập mà còn chỉ ra những nội dung cụ thể xác định mục tiêu và động lực hướng tới toàn cầu hoá của các nước đang phát triển.

(2). Các nước đang phát triển có thể mạnh dạn đi thẳng vào một số lĩnh vực công nghệ tiên tiến, hiện đại. Thực tế đã chứng minh nhiều thành công ở các nước đang phát triển.

Trong lĩnh vực bưu chính viễn thông, các nước đang phát triển có thể đầu tư đi thẳng vào các mạng hoàn toàn được số hoá. Trong năm 1996, tỷ lệ các đường dây số hoá trong mạng lưới điện thoại ở các nước có thu nhập thấp là 94,7%, cao hơn so với tỷ lệ của các nước có thu nhập cao là 85,5% [6]. Năm 1993 khoảng hơn 20 nền kinh tế đang phát triển đã có những mạng lưới được số hoá hoàn toàn, trong khi trình độ số hoá trong các nước OECD trung bình chỉ có 65% [1].

Trong thời kỳ 1992-1997, chỉ tiêu cho công nghệ thông tin tại một số nước đang phát triển đã tăng nhanh hơn ở một số nền kinh tế có thu nhập cao. Các nước như Nam Phi, Braxin có nhiều máy vi tính (theo con số tương đối) nối mạng Internet so với nhiều nước công nghiệp [6].

Ấn Độ là nước đang phát triển có thu nhập đầu người hàng năm khoảng 350 USD. Tuy nhiên, năm 1977 sản xuất phần mềm của Ấn Độ đạt tới 2 tỷ USD, thu hút 260.000 lao động. Thu nhập của ngành này đã tăng 50% mỗi năm trong 5 năm qua, trong đó 60% là do xuất khẩu [6].

(3). Để hấp thụ có hiệu quả tri thức bên ngoài và sáng tạo ra tri thức địa phương, đi thẳng vào một số lĩnh vực công nghệ tiên tiến, hiện đại, các nước đang phát triển cần tích cực xây dựng năng lực nội sinh của mình. Năng lực nội sinh là cần thiết, bởi vì các nước đang phát triển mặc dù có thể dựa vào nguồn tri thức tạo ra từ các nước phát triển nhưng họ vẫn phải tự mình chọn lọc, thu nhận, đồng hoá, sử dụng và truyền bá kiến thức ở phạm vi trong nước. Ví dụ, Trung Quốc khi nhập một nhà máy lọc dầu, trong quá trình vận hành nhờ nắm vững nguyên lý và có nghiên cứu cơ bản, đã cải tiến, làm cho công nghệ ngày càng ổn định, nâng cao dần công suất. Tiếp theo, từ công nghệ nhập đó, họ có thể tự thiết kế, chế tạo, lắp đặt

nhà máy lọc dầu khác có công suất lớn hơn với chi phí thấp hơn 2-3 lần [1].

Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, tiềm năng về tri thức tại chỗ tỏ ra hữu hiệu hơn cả để giải quyết các vấn đề đặt ra tại địa phương. Đây là những tri thức truyền thống có ích cần được phát huy, như các kiến thức về các loại thuốc chữa bệnh từ các cây cỏ địa phương, các giống cây trồng, vật nuôi bản địa,...

(4). Phát triển dựa trên tri thức đòi hỏi và cho phép việc học tập được tiến hành liên tục suốt cả cuộc đời. Thích ứng với điều kiện đó, hệ thống giáo dục ở các nước đang phát triển có thể và cần phải đổi mới theo hướng: giáo dục cơ bản tập trung phát triển những năng lực làm bệ đỡ cho việc học tập suốt đời (như năng lực học tập, giải thích thông tin và thích nghi tri thức vào những điều kiện địa phương); giáo dục đại học tập trung xây dựng tri thức cho một xã hội dựa vào thông tin (khả năng dự báo xu hướng phát triển của công nghệ, đánh giá sự thích ứng của chúng với những triển vọng của đất nước,...); mở rộng các hình thức đào tạo từ xa, đào tạo thường xuyên, coi trọng đào tạo hướng nghiệp và học hỏi thông qua việc làm.

(5). ứng dụng các thể chế mới đảm bảo độ tin cậy của thông tin ở các nước đang phát triển sẽ vừa có tác dụng khắc phục các hạn chế vốn cản trở đối với giao dịch trong nước và vừa tạo sự tương thích, khuyến khích giao lưu thông tin với quốc tế. Những việc các nước đang phát triển cần phải nhanh chóng tiến hành là: phát triển hệ thống tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, xây dựng những chuẩn mực về kế toán và kiểm toán, thực thi hệ thống pháp lý để củng cố chế thực hiện các hợp đồng, đảm bảo các luồng thông tin hai chiều, phát triển các chỉ số hoạt động môi trường, tăng cường các quyền sở hữu trí tuệ.

Hiện nay, nhiều quá trình đang được xúc tiến ở các nước đang phát triển và đã mang lại kết quả bước đầu rất đáng khích lệ. Một cuộc khảo sát trong năm 1995 do Tổ chức phát triển công nghiệp của Liên Hợp Quốc (UNIDO) cho thấy, trong số 93 doanh nghiệp chủ yếu được xem xét ở Braxin, có 55% đã tăng năng suất do kết quả áp dụng ISO 9000, 35% đã cải tiến việc tiêu chuẩn hoá các quy

trình sản xuất, 31% đã tăng cường sự tham gia của nhân viên trong kiểm soát chất lượng và hơn 20% đã báo cáo là tăng sự thoả mãn của khách hàng. Như vậy, thực tế khẳng định khả năng ứng dụng các thể chế tiên tiến đảm bảo độ tin cậy của thông tin ngay tại các nền kinh tế còn kém phát triển [1].

III. VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG VIỆC SỬ DỤNG TRI THỨC CHO PHÁT TRIỂN

1. Hoạch định một chiến lược quốc gia để thu hẹp những khoảng cách về tri thức

1.1. Những chính sách đẩy mạnh việc thu nhận tri thức

Có được tri thức là sự kết hợp giữa tiếp thu tri thức từ bên ngoài và tạo ra tri thức ở trong nước. Vì không có một nước nào có thể tạo ra tất cả tri thức mà mình cần, nên việc học tập từ những nước bên ngoài là một yếu tố quyết định trong chiến lược thành công cho tất cả các nước, ngay cả những nước có trình độ tiên tiến hơn. Đối với các nước đang phát triển, việc xây dựng năng lực để ứng dụng tri thức nhập khẩu có vai trò vị trí hết sức quan trọng trong phát triển, đặc biệt đối với việc nhanh chóng thu hẹp khoảng cách phát triển so với các nước tiên tiến hơn. Tuy nhiên, những nước này cũng cần tạo ra tri thức mà họ không thể mua được trên thế giới. Việc thu hẹp khoảng cách về tri thức cũng đòi hỏi các nước này phải nâng dần khả năng tạo ra tri thức ở trong nước.

Để xây dựng cơ sở tri thức, các nước đang phát triển phải khai thác mọi phương tiện sẵn có cho việc tiếp thu tri thức từ bên ngoài và tạo ra tri thức ở trong nước. Chính phủ các nước này cần có các chính sách để tiếp nhận tri thức trong các lĩnh vực sau đây:

- Tìm ra các phương pháp mới và hiệu quả hơn cho sản xuất hàng hoá và dịch vụ thông qua thương mại.
- Thu hút đầu tư nước ngoài: hợp tác với các nhà đầu tư nước ngoài là những người đi đầu trong đổi mới; khuyến khích các nhà sản xuất trong nước nỗ lực đáp ứng yêu cầu thực hiện tốt nhất và khai thác các tác động lan toả về tri thức tiềm năng.
- Tạo cơ hội tiếp cận tri thức kỹ thuật độc quyền thông qua cấp giấy phép sử dụng công nghệ.

- Kích thích đổi mới trong nước và tạo cơ hội tiếp cận tri thức toàn cầu thông qua việc xây dựng các điều luật và thể chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.
- Thu hút những người có tài trở về nước, những người đã nghiên cứu hay làm việc ở nước ngoài phục vụ cho mục tiêu phát triển trong nước.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai trong nước.

1.2. Những chính sách nâng cao năng lực hấp thụ tri thức của một nước

Một chiến lược hiệu quả để thu hẹp những khoảng cách về thông tin phải có các biện pháp nâng cao năng lực con người để có được tri thức. Bảo đảm cơ hội rộng khắp để tiếp cận giáo dục cơ bản là bước đầu tiên cực kỳ quan trọng, nhưng chưa phải là tất cả. Các nước cũng phải bảo đảm rằng họ có đủ đội ngũ nhân viên có trình độ cao, bao gồm các kỹ sư, các nhà khoa học. Điều này đòi hỏi phải phát triển các trường trung học và đại học, đặc biệt là cho kỹ thuật và khoa học. Điều đó có nghĩa là phải cung cấp cơ hội học tập lâu dài cho các học viên sau khi đã tốt nghiệp phổ thông. Đây là một vấn đề đòi hỏi sự đầu tư tốn kém mà các chính phủ cần phải cân nhắc, đặc biệt là đối với các nước nghèo.

- Phân cấp và xã hội hoá giáo dục để huy động các nguồn lực xã hội cho việc phát triển nguồn nhân lực.
- Tập trung các nguồn lực công cộng vào việc hỗ trợ những người nghèo và phụ nữ, những người thiếu những điều kiện để học hành.
- Cung cấp hỗ trợ cho giáo dục ở bậc đại học và bậc cao hơn, đặc biệt trong khoa học và kỹ thuật, đồng thời vẫn bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục cho người nghèo.
- Sử dụng những công nghệ mới để cải thiện chất lượng giáo dục và mở rộng cơ hội tiếp cận.

1.3. Những chính sách để trao đổi tri thức trong thời đại thông tin

Ngày nay, những công nghệ thông tin và liên lạc mới giúp mọi người chia sẻ tri thức với chi phí thấp chưa từng có. Do đó các nước đang phát triển có tiềm năng rất lớn để tận dụng những công nghệ

mới nhằm nâng cấp hệ thống giáo dục, cải thiện việc hoạch định và thi hành chính sách, và tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh mới. Để hiện thực hoá tiềm năng này, các nước cần phải:

- Bảo đảm cạnh tranh và điều tiết hợp lý để tạo điều kiện tự do sáng kiến cá nhân nhằm mang lại hạ tầng và các dịch vụ thông tin liên lạc và mở rộng việc sử dụng các công nghệ.
- Cung cấp cơ hội tiếp cận cho những vùng nông thôn và người nghèo: Bảo đảm dịch vụ đến được các vùng hẻo lánh và người nghèo bằng cách loại bỏ các chương trình trợ giúp truyền thống, và thay vào đó hợp tác với khu vực tư nhân hay những người thụ hưởng để xác định mức độ hỗ trợ cần thiết của Chính phủ.

2. Giải quyết các vấn đề thông tin để phát triển thị trường

Một chiến lược tri thức quốc gia hiệu quả đòi hỏi Chính phủ phải tìm ra những biện pháp cải thiện các luồng thông tin giúp cho nền kinh tế thị trường vận hành tốt hơn.

Nhưng Chính phủ, như mọi thành viên trong nền kinh tế, bản thân cũng chịu ảnh hưởng của sự yếu kém thông tin. Do đó các nhà hoạch định chính sách phải xem xét sức mạnh và hạn chế năng lực của Chính phủ tương ứng với năng lực của thị trường, phải cân đối những yếu kém của thị trường mà họ tìm cách giải quyết với khả năng giải quyết nó của Chính phủ.

2.1. Cung cấp và tạo ra thông tin để kiểm tra chất lượng

Các Chính phủ có thể cải thiện mạnh mẽ kết quả thị trường bằng cách cung cấp và tạo ra thông tin mà không ai có thể làm thay được, như:

- Thiết lập các tiêu chuẩn cho chất lượng sản phẩm để bảo đảm, chẳng hạn, cho chất lượng hàng hoá xuất khẩu.
- Đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và thiết lập những tiêu chuẩn cho các dịch vụ như giáo dục.
- Thiết lập các tiêu chuẩn kế toán.
- Thiết lập các yêu cầu về tiêu chuẩn và công khai hoá đối với các hãng và ngân hàng.

- Tạo lập các cơ chế tự công khai - những hệ thống tạo động lực khuyến khích các công ty và cá nhân công khai thông tin mà nếu không họ có thể giữ bí mật.
- Bảo đảm sự minh bạch của các thể chế công cộng.

2.2. Giám sát và cưỡng chế thực hiện để hỗ trợ các giao dịch của thị trường:

- Phát triển một hệ thống pháp luật và toà án mạnh. Thông thường vấn đề không phải là thiếu pháp luật mà là thiếu sự thực thi pháp luật nghiêm minh.
- Tạo ra các khuyến khích nhằm giảm thiểu việc phải dùng đến toà án.
- Tìm kiếm các biện pháp tiếp cận thay thế mới để cưỡng chế thực hiện.

2.3. Đảm bảo luồng thông tin hai chiều giữa người dân và Chính phủ:

- Tạo cho người nghèo có tiếng nói, đặc biệt thông qua cơ hội giáo dục và khả năng tiếp cận viễn thông tốt hơn.
- Tìm hiểu người nghèo qua người nghèo. Những dự án cho người nghèo có sự tham dự của họ đã mang đến những thành công hơn nhiều so với các dự án không có sự tham dự của họ.
- Cung cấp tri thức cho người nghèo theo kiểu họ có thể sử dụng. Đó là các hình thức gần gũi đối với dân chúng có tính đến đặc thù văn hoá của từng địa phương.

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu hoá, các nước đang phát triển có những cơ hội to lớn để tăng trưởng nhanh hơn và có thể đuổi kịp các nước công nghiệp. Một số nền kinh tế Đông á đã chỉ ra rằng khoảng cách về tri thức có thể được san lấp trong thời gian ngắn hơn nhiều so với khoảng cách về nguồn vốn vật chất, và sự phối hợp thu hẹp những khoảng cách này là những yếu tố tạo nên thành công trong phát triển của các nước này.

Đối với nước ta, một chiến lược thu hẹp khoảng cách tri thức, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phải nhằm vào giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu sau: (i) Hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu hoá, khai thác triệt để những cơ hội của nó để nhanh

chóng có được và thích nghi tri thức bên ngoài, (ii) Đầu tư vào giáo dục, phát triển nguồn vốn con người để tăng năng lực hấp thụ và sử dụng tri thức, (iii) Đầu tư cho khoa học và công nghệ để tạo ra tri thức của chính mình, (iv) Đầu tư vào hạ tầng thông tin để tạo điều kiện dễ dàng cho cả việc thu nhận lẫn hấp thụ tri thức, và (v) tăng cường đổi mới chính sách và thiết chế để thực thi đổi mới./.

Tài liệu tham khảo

1. *Tri thức cho phát triển. Báo cáo về tình hình phát triển thế giới năm 1998/1999 của Ngân hàng thế giới. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội 1998.*
2. *Tập tài liệu khoá Tập huấn "Tri thức cho phát triển". Singapo 12/1999.*
3. *Nền kinh tế học hỏi và chính sách đổi mới. Tổng luận Khoa học Kinh tế Kỹ thuật, số 12/1999. Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia.*
4. *Đặc trưng của cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật ngày nay. Tổng luận Khoa học Kinh tế Kỹ thuật, số 9/1996. Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia.*
5. *Alvin Toffler. Cú sốc tương lai. Nhà xuất bản Thông tin lý luận. Hà Nội - 1992.*
6. *Tạp chí Người đưa tin UNESCO. Số 12/1998.*

GÓP PHẦN TÌM HIỂU KINH TẾ TRI THỨC

GS. TS. VŨ ĐÌNH CỰ
Ủy viên Trung ương Đảng
Phó Chủ tịch Quốc hội

Khi nói về kinh tế công nghiệp trong trí óc chúng ta hiện lên các khu công nghiệp, các dây chuyền sản xuất, các dòng sản phẩm chuyển ra hàng loạt và các đô thị đông đúc bán buôn tấp nập... Còn nói về kinh tế tri thức thì chúng ta chưa có một hình ảnh cụ thể như vậy, mặc dầu có người đã chỉ ra: đó là các đại sảnh bày kín các máy vi tính liên tục nhấp nháy, đó là mạng viễn thông toàn cầu, mạng In-tơ-nét kỳ diệu... Tuy nhiên, vẫn còn nổi phân vân chính đáng trong một loạt vấn đề đặt ra về mặt lý luận và thực tế của khái niệm "kinh tế tri thức".

Trong phạm vi của hội thảo, dưới đây trình bày một số suy nghĩ mong góp phần tìm hiểu kinh tế tri thức.

1. Tri thức và sản phẩm tri thức

Theo nhiều tài liệu kinh điển thì tri thức được hiểu là kết quả của nhận thức, là phản ánh trung thực của thực tiễn vào tư duy của con người, tính đúng đắn của nó thể hiện bằng sự kiểm nghiệm của thực tế, đồng thời phù hợp với các nguyên lý của lý luận về nhận thức trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng.

Tri thức về một sự vật, hiện tượng cụ thể còn được gọi là hiểu biết (kiến thức) về hiện tượng sự vật đó, ví dụ tri thức về nhân chủng học, tri thức về nghề nông v.v...

Theo tiến trình của sự nhận thức, người ta thấy sau khi các giác quan tiếp nhận các tín hiệu của các đối tượng nhận thức ta có các *dữ liệu* (data); xử lý các dữ liệu này bằng hệ não thần kinh và qua quá trình tư duy, nhận thức lần lượt đạt tới các *thông tin*

(information), *quy luật* (law), *tri thức* (knowledge), *trí tuệ* (intellect) và ở mức cao nhất là *trí khôn* (minh triết - wisdom). Sự phân cấp như trên chỉ là quy ước, thực ra trong quá trình nhận thức ranh giới giữa các giai đoạn thường đan xen nhau rất phức tạp. Trong sản xuất và đời sống thường chú ý hơn cả là quá trình thu thập, lưu trữ, xử lý, và truyền bá *thông tin*; quá trình xử lý phân tích, tổng hợp những tập hợp thông tin cần thiết để đạt tới các tri thức nhằm thoả mãn trực tiếp hoặc gián tiếp các nhu cầu của con người; quá trình giáo dục - học tập của con người để tiếp thu, nhận thức, tổng hợp nhiều hệ thống tri thức đa dạng nhằm đạt tới các trình độ trí tuệ khác nhau của sự phát triển con người thể hiện trên các mặt ý thức, tư tưởng, đạo đức và tâm lý, v.v..

Sự phân tích trên đây cho thấy, tri thức nhất là tri thức về giới tự nhiên có quan hệ mật thiết với sản xuất, do đó thuật ngữ kinh tế tri thức quả là có một nội hàm hợp lý. Tri thức là sản phẩm của lao động, kết quả của "thái độ tích cực của con người đối với tự nhiên"(1), cũng là biểu hiện cụ thể về năng lực tư duy mà chỉ duy nhất loài người mới có. Sản phẩm của tri thức do đó xuất hiện cùng với tiếng nói và tiếng nói trở thành "vật mang" của tri thức khi thực hiện sự giao tiếp giữa những cá nhân với nhau, tiền đề của mọi quá trình sản xuất. Khi có chữ viết thì sản phẩm tri thức đã có thể lưu giữ ngoài trí nhớ (bộ óc) của con người. Sách trở thành vật mang sản phẩm tri thức, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng sản phẩm tri thức, tức là nâng cao giá trị sử dụng của chúng. Xét cho cùng thì ngôn ngữ tự nhiên cũng là sản phẩm tri thức, hơn thế nữa lại là sản phẩm tri thức loại độc đáo nhất của nhân loại.

Sản phẩm tri thức có nhiều tính chất đặc biệt khác với sản phẩm vật thể thông thường. Có thể nêu lên các tính chất đặc biệt quan trọng của sản phẩm tri thức sau đây:

a) Vì tri thức thuộc phạm trù tinh thần nên tri thức luôn phải có vật mang nó. Vật mang ấy có thể là các bộ nhớ trong bộ não, hoặc qua ngôn ngữ, hình ảnh được ghi trong tài liệu (sách), băng từ, đĩa quang, bộ nhớ silic (ROM, RAM, EPROM v.v...). Ngày nay xuất hiện mâu thuẫn là chi phí để sản xuất ra sản phẩm tri thức cao hơn giá thành của vật mang nó rất nhiều, ví dụ chi phí làm ra phần mềm Windows 2000 hàng tỷ USD nhưng chi phí làm ra đĩa quang mang nó chỉ cỡ vài USD. Do đó, cuộc đấu tranh chống siêu lợi

nhuận do độc quyền và sao chép lậu ngày càng gay gắt và khó có lối thoát.

b) Đối với sản phẩm thông thường (ví dụ chiếc ô tô) người mua có quyền sở hữu về nó, nghĩa là có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. Đối với sản phẩm tri thức, người mua chỉ có quyền sở hữu vật mang, còn về nội dung tri thức thì chỉ có quyền sử dụng. Đặc tính này có nguồn gốc sâu xa ở chỗ chỉ duy nhất con người mới có khả năng tư duy.

c) Quá trình tiêu dùng sản phẩm tri thức dù là tiêu dùng sản xuất hay tiêu dùng cho cá nhân, nói chung đều mang tính chất của một quá trình nghiên cứu, học tập và trực tiếp hoàn thiện sản phẩm tri thức đó. Đôi khi người tiêu dùng còn phát hiện ra những tính năng mà chính tác giả của nó không ngờ tới.

d) Trong thị trường hiện đại, với trình độ khoa học và công nghệ của sản xuất ngày càng cao, việc sản xuất các loại sản phẩm tri thức hiện nay thường có giá trị gia tăng rất lớn. Tỷ suất của giá trị thặng dư trên chi phí sản xuất thường đạt vài chục, thậm chí vài trăm trở lên. Bảng dưới đây cho ví dụ về việc sản xuất một phần mềm và kinh doanh trong 6 năm, cho thấy doanh thu và tỷ suất giá trị thặng dư trên chi phí đầu vào cao nhất trong chu kỳ thứ 2.

Tỷ suất trên đây đạt tới giá trị cao nhất là 332, hiếm có trong kinh doanh các sản phẩm thông thường. Điều này không chỉ đặc biệt cho phần mềm, gần đây, E. Sanchez và D. Myrich sản xuất bộ phim "Đồ án Blair Witch" bằng kỹ thuật số, phát hành trên In-tơ-net. Chỉ riêng trong nước Mỹ đã thu được 140 triệu USD, trong khi chi phí chỉ là 500.000 USD, nghĩa là tỷ suất lợi nhuận là 280(!).

Chu kỳ	Lao động (tỷ đồng)	Tư liệu sản xuất (tỷ đồng)	Lượng đĩa CD mang sản phẩm phần mềm (triệu)	Tiền bán sản phẩm (tỷ đồng)	Thời gian (tháng)	Giá trị thặng dư (tỷ đồng)	Tỷ suất giá trị thặng dư/chi phí đầu vào
1	1200	300	15	15000	60	13500	9

2	15	75	30	30000	12	29910	332
3	7,5	37,5	15	15000	12	14955	332
4	7,5	37,5	15	15000	12	14955	332
5	3,75	18,75	7,5	75000	12	7477,5	332
6	0,75	3,75	1,5	1500	12	1495,5	332
TỔNG	1234,5	472,5	84	84000	120	82293	48,2

Trước đây, do những tính chất đặc biệt, người ta thường tách các sản phẩm tri thức riêng ra, thậm chí không coi chúng là sản phẩm, kết quả của lao động sản xuất mà là kết quả của sáng tạo đặc thù. Ngày nay sản phẩm tri thức đã tràn lan trong mọi lĩnh vực của xã hội từ công việc bếp núc đến sản xuất công, nông nghiệp, dịch vụ và quản lý, giá trị của các sản phẩm tri thức mang lại đã chiếm một phần quan trọng của tổng sản phẩm trong nước (nếu chỉ kể một số ngành chính đã vượt 10% của GDP) ở các nước phát triển.

2. Máy ba bộ phận và máy thông minh

Khi phân tích về *máy móc và đại công nghiệp*, C. Mác đã đi đến kết luận rằng, sự sáng tạo ra máy móc và công nghệ phản ánh "thái độ tích cực của con người với giới tự nhiên" (1). Các thái độ tích cực đó dẫn đến điều khẳng định rằng "những yếu tố giản đơn của quá trình lao động là: sự hoạt động có mục đích hay bản thân sự lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động" (2). Chính "tư liệu lao động" với vai trò trung gian giữa lao động và đối tượng lao động đã tiến hoá từ các công cụ của lao động thủ công thành các máy móc của đại công nghiệp.

Phân tích sâu sắc cơ cấu và chức năng máy móc, C. Mác đã kết luận rằng, mọi máy móc đều có "ba bộ phận khác nhau một cách căn bản: động cơ, cơ cấu truyền lực và cuối cùng là máy công cụ hay là máy công tác" (2). Máy công tác chính là khâu cách mạng nhất tạo ra bước chuyển từ sản xuất thủ công sang sản xuất bằng máy móc của đại công nghiệp. Nhưng cũng rõ rằng, máy công tác thực chất là một sự mô phỏng cơ giới của các công cụ trong lao động thủ công mà các công cụ này trong sản xuất lại "*do tổ chức cơ thể của*

con người quy định" (3). Vì vậy, có thể nói rằng "*C. Mác cho kỹ thuật bắt rễ vào sinh học*" (4). Ba bộ phận của máy móc: động cơ thay cho lực cơ bắp, hệ truyền lực thay cho tác động của cơ thể lên công cụ, công cụ thay bằng máy công tác. Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng còn một tổ chức quan trọng bậc nhất của cơ thể con người trong lao động sản xuất vẫn chưa được thay thế: đó là hệ não - thần kinh. Bởi vậy, với máy móc ba bộ phận thì con người vẫn phải "đứng máy", nghĩa là người công nhân phải gắn liền tục với dây chuyền sản xuất và trở thành một bộ phận không thể thiếu được của dây chuyền sản xuất. Cơ cấu không đầy đủ của máy ba bộ phận trong cách mạng công nghiệp, xét cho cùng là nguyên nhân sâu xa của sự tách biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa công nhân cổ xanh sản xuất sản phẩm vật thể thông thường với nhân viên cổ trắng (đội ngũ trí thức, còn gọi là lao động trí thức - knowledge worker - theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) gồm các nhà quản lý, quan chức trung, cao cấp Chính phủ, những chuyên viên nghiệp vụ và trợ lý chuyên viên nghiệp vụ (thầy giáo, thầy thuốc, nhà văn, luật gia, kỹ sư...), trí thức) sản xuất các sản phẩm trí thức.

Tình hình trên đây kéo dài cho đến cuối thế kỷ 19, sang đầu thế kỷ 20. Việc tư liệu lao động (máy móc) chưa bao gồm bộ phận mô phỏng năng lực tư duy của con người ngày càng khoét sâu mâu thuẫn xã hội với chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất xét cho cùng, *tất yếu phá vỡ quan hệ thống nhất giữa con người và tự nhiên*. Điều này trái với bản chất của con người mà những hoạt động có mục đích của nó, trong đó có sản xuất, luôn bảo đảm mối quan hệ con người là một bộ phận không thể tách rời của tự nhiên.

Cuộc cách mạng khoa học hiện đại từ đầu thế kỷ 20 kéo theo cách mạng công nghệ từ sau đại chiến thế giới lần thứ 2, không phải ngẫu nhiên mà *mở đột phá số một vào lĩnh vực mạch vi điện tử và máy tính điện tử*, bởi vì chính ở đây con người giải quyết được khiếm khuyết của máy móc ba bộ phận thời công nghiệp cổ điển, mà hậu quả sâu xa sẽ là hàn gắn lại sự thống nhất giữa con người và tự nhiên.

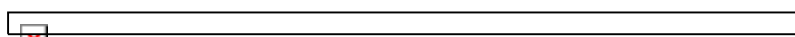
Ngày nay các máy móc 4 bộ phận đã xuất hiện và xuất hiện ngày càng nhiều. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng, sự thêm vào bộ phận thứ 4 có khả năng thực hiện một số chức năng tư duy của con người, không phải chỉ là đơn giản lắp thêm vào máy 3 bộ phận cổ điển một bộ phận mới, mô phỏng được một phần của hệ não - thần

kinh của con người. Bộ phận mới, bộ phận thứ 4 này lập tức làm thay đổi về chất chức năng của 3 bộ phận kia, chỉ huy cả 3 bộ phận kia, nghĩa là giống như ở trong cơ thể con người.

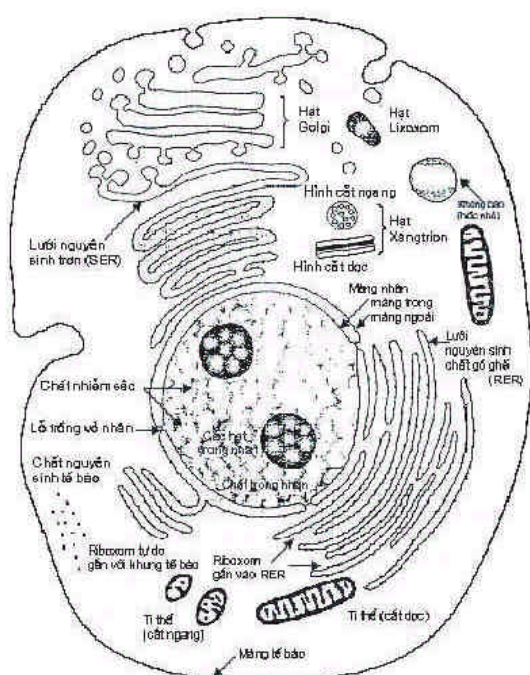
Thế hệ máy móc mới của nền sản xuất hiện đại, bao gồm cả một số chức năng tư duy trong lao động sản xuất của con người, thường được gọi là máy thông minh (smart machinery). Máy thông minh giải phóng con người ra khỏi dây truyền sản xuất, không còn vị trí "đứng máy" của người lao động trong sản xuất như trước đây.

Với các máy thông minh, con người tiến sang thời đại sản xuất ra sản phẩm tri thức bằng máy, chứ không phải chỉ trực tiếp bằng trí lực như trước đây. Mạng In-tơ-net là cỗ máy thông minh quốc tế vĩ đại nhất mà loài người tạo ra kể từ trước đến nay.

Bởi vậy, nền kinh tế tri thức xuất hiện với các máy móc thông minh, có khả năng sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm tri thức trong sản xuất, là điều dễ hiểu.



Máy thông minh sẽ có mục tiêu góp sức phục hồi lại sự thống nhất giữa con người và giới tự nhiên, xoá dần sự phân cách giữa lao động trí óc và chân tay, nông thôn và thành thị, giải quyết các vấn đề môi trường. Đó là các vấn đề kinh tế học chính trị của thời kỳ mới rất cần được nghiên cứu.



3. Công nghệ phân tử

Phần lớn các công nghệ sản xuất được dùng cho đến hiện nay về cơ bản là phù hợp với máy móc 3 bộ phận. Hiện nay chúng ta đã nhận thức được mức độ nghiêm trọng của các hậu quả phá hoại môi trường sống của các công nghệ đó. Chúng ta đang hô hào công nghệ sạch cho thế kỷ tới. Điều này chỉ có ý nghĩa khi từ bỏ cái gốc đã dẫn đến thảm kịch đó, tức là phải chuyển sang máy móc thông minh. Nhưng chắc chắn máy móc thông minh sẽ không thông minh theo kiểu cải tiến các công nghệ có gốc rễ với các máy móc không thông minh. Nói khác đi, cuộc cách mạng trong máy móc phải đi kèm với cách mạng về công nghệ.

C. Mác có một nhận xét sâu sắc rằng, "Đắc-uyn đã quan tâm đến lịch sử của công nghệ của tự nhiên, nghĩa là đến sự hình thành các khí quan của thực vật và động vật với tư cách là những công cụ sản xuất trong đời sống của thực vật và động vật. Lịch sử hình thành những khí quan của sản xuất của con người xã hội, các cơ sở vật chất ấy của mọi tổ chức xã hội đặc thù há lại không đáng được chú ý như vậy hay sao?"(1).

Ngày nay, chúng ta may mắn đã có điều kiện để hiểu biết bước đầu về một số loại công nghệ của tự nhiên. ở hình vẽ ta thấy sơ đồ của một tế bào động vật mà chính ở đây xảy ra quá trình sản xuất theo công nghệ trong cơ thể sống của tự nhiên (5). Đại thể trong nguyên sinh chất của tế bào các phân tử vận động để lắp ráp sản xuất ra các phân tử protein cần thiết cho sự sống theo các lệnh nhận được từ phân tử di truyền DNA thông qua các phân tử thông tin RNA. Chỉ một tế bào đã là cả một "cộng đồng" các phân tử làm nhiệm vụ sản xuất để phát triển.

Như vậy chúng ta có thể có các nhận xét như sau:

a) Công nghệ của tự nhiên trong cơ thể sống là công nghệ phân tử cực kỳ tinh vi, mà bất cứ một loại công nghệ nào do con người sáng tạo ra cho đến nay đều không thể sánh kịp. Các chất, các cấu trúc cực kỳ phức tạp đều được chế tạo, lắp ráp từng phân tử.

b) Công nghệ phân tử của tự nhiên trên đây còn gọi là công nghệ ướt (wet technology) vì lý do để có thể lắp ráp các phân tử thì chúng phải di chuyển được "mềm dẻo" với tốc độ đủ thấp, nghĩa là trong dung dịch lỏng, để có thể điều khiển dễ dàng chúng trong quá

trình lắp ráp. Sự sống do đó bắt đầu trên trái đất là từ biển cả và nước là yếu tố tiên quyết cho sự sống tồn tại.

c) Công nghệ ươm này có ưu điểm lớn là không có chất thải độc hại, không gây ô nhiễm, cực kỳ hiệu quả và luôn bảo đảm sự cân bằng của hệ sinh thái.

Vì các phân tử đều có kích cỡ nanomet (1 phần tỷ của mét) nên công nghệ phân tử còn gọi là công nghệ nano. Công nghệ nano không chỉ đã được phát triển và ứng dụng trong một số ngành công nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực chế tạo linh kiện vi điện tử và vi cơ điện tử (micromecaelectronics).

Công nghệ ươm của sự sống đang còn là bài toán lớn của chúng ta với nhiều câu hỏi chưa được trả lời. Sắp tới xác định xong bản đồ gen của con người (human genome), còn phải giải mã và xác định cơ chế hoạt động di truyền của phân tử DNA; xác định cơ chế điều khiển và xử lý, truyền thông tin giữa các phân tử; rất có khả năng các phân tử sẽ hoạt động bằng bit lượng tử (qubit) và tồn tại các phân tử siêu máy tính. Đó là sự tích hợp giữa công nghệ thông tin và công nghệ sinh học.

Tuy với tất cả các khó khăn to lớn như vậy, áp dụng công nghệ phân tử có ưu việt lớn là ở chỗ bản thân nó là sự thống nhất giữa con người và tự nhiên.

Một điểm khác cũng cần lưu ý là toàn bộ sự sống trên trái đất quyết định bởi mặt trời. Hằng năm, Mặt trời dội xuống trái đất một năng lượng bức xạ $Q = 1,6.10^{18}$ kWh. Tuy nhiên, trái đất hàng năm cũng phải phát trả lại vũ trụ một năng lượng bức xạ đúng bằng lượng Q trên đây (7). Mấu chốt của vấn đề là ở chỗ bức xạ của Mặt trời chiếu xuống là bức xạ sóng ngắn, mang được nhiều thông tin hơn, còn bức xạ mà trái đất phát trả lại vũ trụ một năng lượng bức xạ sóng dài mang được ít thông tin hơn. Suy cho cùng thì mặt trời là nguồn tạo ra điều kiện để có đủ thông tin tái sinh sự sống trên trái đất. Chính vì vậy mà kinh tế tri thức làm cho con người thống nhất với tự nhiên.

Kết luận

Điều dễ thấy là muốn tiếp cận kinh tế tri thức thì phải có đội ngũ lao động tri thức (knowledge worker) mạnh. Với đội ngũ này xây dựng thành công kinh tế tri thức thì sẽ giải quyết được mâu

thuần kỳ lạ sau đây: xét đến tận gốc rễ thì mọi nhu cầu phát triển con người đều xuất phát từ 3 thứ cho không là ánh sáng mặt trời, không khí và nước mưa, thế thì tại sao con người chưa hạnh phúc?

Tài liệu tham khảo

1. *C. Mác và Ph. Ăng-ghen toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tập 23, tr. 538.
2. *Sđd*, tr. 267.
3. *Sđd*, Hà Nội, 1995, tập 3, tr. 29.
4. *M. Vadée, Marx nhà tư tưởng của cái có thể*, V. Thông tin KHXH, Hà Nội 1996, tập II, tr. 124.
5. *W.D. Stansfield, Di truyền học (Genetics)*, Mc Graw Hill tái bản lần thứ 3, 1991, tr. 2.
6. *R. Smalley, Công nghệ nano và 50 năm sau (Nano-technology and the next 50 years)*, University of Dallas, 1995.
7. *M. Tribus and E.C McIrvine, Scientific American, Vol 225. No3, p.179, 171.*

KINH TẾ TRI THỨC KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC PHÁT TRIỂN

TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG
Phó viện trưởng Viện Kinh tế thế giới
Trung tâm KHXH & NVQG

Vào lúc loài người sắp bước vào thiên niên kỷ mới, nền kinh tế thế giới đang bước nhanh từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức. Năm 1996, lần đầu tiên trên thế giới, Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đã đưa ra định nghĩa về kinh tế tri thức. Sau năm đó, việc nghiên cứu lý luận về nền kinh tế tri thức với tư cách là nền kinh tế được xây dựng trên cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng về tri thức đã được hầu hết các nước, nhất là các nước phát triển, tổ chức triển khai một cách hết sức tích cực.

Trước hết, cần khẳng định một cách dứt khoát rằng kinh tế tri thức đã được hình thành sớm hơn từ trong lòng của nền kinh tế công nghiệp với sức sản xuất đã phát triển vô cùng cao từ các nước phát triển. Những tiến bộ vượt bậc của công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, đã kết nối nền kinh tế theo mô hình mạng, trí lực và thông tin quyết định hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bốn trụ cột lớn của nền kinh tế tri thức: công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ năng lượng và công nghệ thông tin... đã tạo nên những bước đột phá đối với sự phát triển kinh tế - xã hội loài người. Những cột trụ này, xét cho cùng, được khởi xướng và phát triển từ các quốc gia công nghiệp phát triển, trước hết là Mỹ. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà ở Mỹ, hiện người ta đang sôi nổi luận giải về một nền kinh tế mới có chu kỳ liên tục tăng trưởng 9 năm, trước khi bước vào thế kỷ 21. Nhờ đi đầu trong các lĩnh vực công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, Mỹ đã dần dần tái chiếm lĩnh các vị trí hàng đầu về nhiều lĩnh vực trong tương quan sức mạnh so với các

quốc gia EU và Nhật Bản. Như vậy, cũng có thể nói, các nước phát triển thực sự là những quốc gia đã bắt đầu bước vào nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên, ở một thế giới toàn cầu hoá và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong một chỉnh thể thống nhất của thị trường toàn cầu như hiện nay, hiệu ứng của nền kinh tế tri thức cũng đã từng bước xuất hiện ở các nước đang phát triển. Nhiều quốc gia, kể cả các quốc gia kém phát triển, đã và đang tích cực vạch ra chiến lược tiếp cận, ứng xử và tranh thủ các thời cơ và thách thức do thời đại nền kinh tế tri thức mang lại. Biểu hiện rõ nhất là Trung Quốc và Ấn Độ. Để có thể có được những câu trả lời dài hạn về quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức trên quy mô toàn thế giới, chúng ta thử trở lại bàn đến chính sách và những kinh nghiệm phát triển nền kinh tế tri thức ở các quốc gia phát triển.

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC Ở MỘT SỐ NƯỚC PHÁT TRIỂN

1. Tình hình ở Mỹ

Tháng 2/1997, trong thông điệp về tình hình đất nước, tổng thống Bill Clinton đã chính thức sử dụng tên gọi kinh tế tri thức theo định nghĩa của OECD. Bởi lẽ, ở Mỹ cũng như các thành viên chủ yếu của OECD khác, hơn 50% tổng giá trị sản xuất trong nước (GDP) đều đến từ các ngành sản xuất có hàm lượng tri thức và công nghệ cao. Tri thức đang trở thành yếu tố có sức sống và quan trọng nhất trong các yếu tố sản xuất, là hạt nhân của việc gắn liền tổ chức và lôi kéo, thúc đẩy đổi mới các yếu tố khác. Cũng có nghĩa là trong điều kiện hiện nay, tài nguyên lao động và tư bản hữu hình ở thời đại kinh tế công nghiệp đang bị nguồn tài nguyên tri thức thay thế vai trò chủ đạo.

Những năm gần đây, sự phát triển của nền kinh tế Mỹ đã bước đầu bộc lộ ra khuôn mặt của thời đại kinh tế tri thức như:

- Chi tiêu cho giáo dục để phát triển nhân tài kiểu tri thức đã chiếm 7% GDP;
- Đầu tư cho nghiên cứu và triển khai (R&D) chiếm 2,8% GDP, hướng vào việc sáng tạo cái mới;
- Thương mại hoá số lượng lớn các thành quả của kỹ thuật cao để thúc đẩy tăng trưởng, trong đó ngành sản xuất phần mềm có hàm lượng tri thức cao được lấy làm đại diện chính cho các nguồn

tăng trưởng. Ví dụ, trong 3 năm gần đây, tỷ lệ đóng góp của ngành sản xuất điện tử - tin học cho sự tăng trưởng kinh tế ở Mỹ lên đến 45%, trong khi ngành xây dựng chỉ chiếm 14% và xe hơi chỉ có 4%. Theo dự đoán, cùng với sự khai thông toàn diện của xa lộ thông tin cao tốc trên quy mô toàn cầu, mức độ đóng góp của tri thức cho tăng trưởng kinh tế từ 5-20% hiện nay sẽ lên tới 90% vào cuối thập niên đầu của thế kỷ 21;

- Trên cơ sở máy tính hoá, các công nghệ thông tin và các phương tiện giao tiếp mới..., hàng loạt các dịch vụ mới như: dịch vụ tài chính, bảo hiểm, thông tin, thương mại điện tử ... đã xuất hiện và hình thành nhanh chóng trên thị trường. Ví dụ, ở Mỹ, thương mại điện tử là một sức mạnh hoàn toàn không thể chặn bước. Bắt đầu mở ra từ năm 1991, thương mại điện tử Mỹ được dự báo đến năm 2002 thông qua Internet, sẽ có thể đạt tới 327 tỷ USD, tương đương 2,3% GDP và sẽ nhảy vọt tới 6% GDP vào năm 2005. Thương mại điện tử hiện đã chiếm một tỷ lệ tiêu thụ lớn, từ 20-60% sản phẩm của các ngành máy tính điện tử, phần mềm, năng lượng và sách báo của Mỹ. Với sự hình thành các dịch vụ mới, cơ cấu hoạt động kinh doanh trước đây là bộ phận của một ngành sản xuất vật chất hoặc kinh tế gia đình sẽ được tách ra thành các khâu độc lập. Đặc biệt, nhờ kinh tế tri thức, xu hướng phát triển vượt trước, nghĩa là hình thành những dịch vụ chưa hề có trước đó, đã được thúc đẩy mạnh mẽ;

- Kết cấu việc làm biến đổi, không ngừng khai thác và phát triển những lĩnh vực việc làm mới dưới tác động của nền kinh tế tri thức. 15 năm nay, Mỹ đã loại bỏ hơn 8000 thứ nghề nghiệp cũ, tạo lập được hơn 6000 ngành nghề mới. Năm 1996, trong 2,6 triệu cơ hội việc làm mà nền kinh tế Mỹ tạo ra được trong phát triển, ngành dịch vụ chiếm 2,4 triệu cơ hội (bằng 92%). Năm 1997, chỉ riêng các ngành khoa học kỹ thuật cao, Mỹ đã tạo ra 240 nghìn cơ hội việc làm có tiền lương cao.

Nhờ những biến đổi trên, trong gần 10 năm qua, nền kinh tế Mỹ liên tục có tốc độ tăng trưởng 3%, lạm phát dưới 2%; thất nghiệp 4,5%; lương thực tế ngày càng tăng và đặc biệt, lợi nhuận thực tế của các công ty Mỹ đã tăng 70% so với năm 1990.

2. Các nền kinh tế EU cũng đang từng bước tạo ra cho Châu Âu một diện mạo công nghệ cao và theo các nhà kinh tế EU, đây là cách để tạo ra nền kinh tế tri thức

Châu Âu đang đi tiên phong trong việc áp dụng thế hệ tiếp theo của Internet và mặt khác, phát huy ưu thế của Liên minh kinh tế tiền tệ, EU đã tạo ra một thị trường thống nhất trên toàn lãnh thổ châu Âu trong việc phát triển điện thoại di động. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế EU chỉ tăng 2,7% nhưng chi tiêu cho dịch vụ viễn thông tăng 9%. Đầu tư vào công nghệ thông tin tăng nhanh hơn, khoảng 11%, tương đương 196 tỷ USD, tuy vẫn còn thấp hơn Mỹ (với mức chi tiêu tăng 12,4%, khoảng 320 tỷ USD). Tất nhiên, châu Âu vẫn còn đi sau Mỹ về nhiều phương diện thuộc các ngành kinh tế tri thức. Ví dụ, châu Âu chỉ có 13,3% công ty cỡ nhỏ được trang bị công nghệ cao, trong khi ở Mỹ, tỷ lệ này là 22,7%.

Do đó, châu Âu đã cải tiến để giảm giá máy tính dưới mức của Mỹ và tăng mức bán chúng lên tới 17,8% vào năm 1999. Mặt khác, EU thực hiện chuyển đổi sang mạng máy tính dữ liệu tốc độ cao nhanh như Mỹ. Dự tính Châu Âu sẽ đầu tư 125 tỷ USD cho việc cài đặt hệ thống máy tính cho thích hợp khi đồng EURO xác lập vị thế vững chắc trong hệ thống tiền tệ quốc tế.

Nền kinh tế công nghệ cao của châu Âu chưa thể chốc lát đạt được tốc độ tăng trưởng cao như Mỹ còn là do:

+) 24% hộ gia đình châu Âu có máy tính, trong khi ở Mỹ con số này là 46%;

+) Số hộ gia đình nối mạng Internet ở Bắc Âu chỉ đạt 11%; Anh: 8%, Đức: 6% và Pháp: 2% thì ở Mỹ con số này là 18%;

+) Công nghệ cao chỉ chiếm 20,4% giá trị gia tăng trong các ngành sản xuất (theo con số năm 1995) thì ở Mỹ là 24,5%;

+) Đầu tư R & D đều có tỷ lệ /GDP nhỏ hơn so với Mỹ (Mỹ là 2,8% GDP, trong khi các nước EU là 2,3% GDP);

+) Người dân châu Âu có xu hướng bảo thủ về mặt tài chính, nghĩa là không sẵn lòng tài trợ cho các ý tưởng mới như ở Mỹ.

Tuy vậy, tỷ trọng của các ngành công nghệ cao trong tổng giá trị công nghiệp chế biến ở châu Âu đã tăng lên khá nhanh. Trong thời kỳ 1970 - 1994, ở Đức tăng từ 15,3% lên 20,1%; ở Pháp: 12,8

lên 18,7%. Mức tăng trưởng xuất khẩu trong ngành công nghệ cao cũng khá nhanh: ở Anh từ 17,1% lên 36,2%; ở Pháp: từ 14 lên 24,2%.

3. Ở Nhật Bản, người ta đã nhận thức một cách sâu sắc vai trò của phần mềm, các mạng lưới máy tính tốc độ cao và các hoạt động liên quan đến mạng Net đối với nền kinh tế Nhật Bản tương lai.

Từ năm 1994, Nhật đã nhanh chóng thành lập 2000 công ty kinh doanh về phần mềm và Internet với niềm tin là các lực lượng công nghệ đã từng chi phối nước Mỹ sẽ nhanh chóng che phủ khắp nước Nhật. Tuy nhiên, do nền kinh tế Nhật lâm vào suy thoái, các vấn đề cơ cấu trầm trọng và một thị trường cổ phiếu sụt giá kéo dài, bộ mặt nền kinh tế tri thức ở Nhật chưa hiện lên một cách rõ nét bằng Mỹ và châu Âu. Biểu hiện cụ thể là do năng suất thấp (chỉ bằng 2/3 của các đối tác Mỹ), các khu vực nhạy cảm trong nền kinh tế Nhật Bản như: ngân hàng, các nhà môi giới, những người bán lẻ và các ngành dịch vụ hầu như chưa bắt đầu giai đoạn quá độ sang kỷ nguyên thông tin. Lý do chủ yếu là các khu vực này được nằm trong sự điều tiết, trợ cấp và bảo hộ mạnh của chính phủ nên thay đổi chậm, thiếu năng động. Mặt khác, kiểu quản lý từ trên xuống dưới và theo nguyên tắc nhất trí cao ở Nhật đã làm chậm trễ quá trình nắm bắt công nghệ cao, hạn chế năng lực quyết định của các nhà quản lý.

Tuy nhiên, trước sức ép tăng trưởng cao của nền kinh tế Mỹ, Nhật đã chú ý đến vai trò của công nghệ cao và công nghệ thông tin:

- + Khuyến khích các công ty đầu tư mạo hiểm vào các lĩnh vực công nghệ mới và nhà nước thực hành sửa đổi thuế cho phép các công ty tránh được thiệt hại từ các vụ đầu tư này;

- + Đầu tư vào công nghệ thông tin tuy chỉ mới đạt 2% GDP (thấp hơn so với Anh và Úc: 3%; Mỹ: 4%) nhưng đã bắt đầu được chú trọng tăng lên;

- + Xóa thuế đánh vào các sản phẩm máy tính và phần mềm được các công ty sử dụng, để thúc đẩy giao dịch mua bán với khách hàng và với các dịch vụ mới nhằm tăng mức tiêu thụ máy tính và sử dụng Internet;

+ Cải cách giáo dục cấp 1 để giảm bớt thói quen học thuộc lòng và tăng cường tính sáng tạo cho học sinh cũng như tăng cường việc sử dụng máy tính trong nhà trường;

+ Cải tạo lại phòng thí nghiệm ở các trường Đại học để tăng cường nghiên cứu cơ bản - một chiến lược quan trọng đã được đưa ra từ năm 1996.

Đây là cách khắc phục tình trạng 80% hoạt động nghiên cứu của Nhật chỉ là nghiên cứu ứng dụng. Đây cũng là cách Nhật chuẩn bị lực lượng để tranh chấp các ngành công nghệ tăng trưởng cao trong tương lai với các đối thủ Mỹ và Châu Âu.

4. Những nhận xét chung

- Các nước phát triển là những nước đi đầu và dẫn dắt sự phát triển của nền kinh tế tri thức. Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của nó trong việc nâng cao hiệu suất của nền kinh tế, hiệu quả của sự cạnh tranh..., các nước phát triển đều đã chú trọng rất sớm bước chuyển từ kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức.

- Cùng với 3 trụ cột công nghệ cơ bản: công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu và công nghệ năng lượng mới ..., công nghệ thông tin là lĩnh vực được chú trọng phát triển nhất trong các nước phát triển. Nó trở thành nhân tố hàng đầu trong việc biến đổi từ xã hội công nghiệp sang xã hội thông tin.

Ở các nước phát triển, hiện công nghệ thông tin đã phát triển sang một giai đoạn cao hơn. Ví dụ, ở Mỹ đang hình thành thế hệ Internet 2; ở châu Âu đang thực hiện chuyển đổi sang mạng máy tính dữ liệu tốc độ cao và cũng áp dụng thế hệ tiếp theo của Internet.

- Xuất phát từ lập luận: yếu tố cốt lõi của nền kinh tế tri thức là tri thức và tri thức chỉ có được từ con người, hầu hết các nước phát triển đều tích cực nhìn nhận lại chính sách phát triển con người, chú trọng phát triển tài năng của con người thông qua sự đổi mới hệ thống giáo dục. Mặt khác, do đồng tình với vai trò quan trọng của việc người lao động nắm được tri thức và kỹ năng của giá trị kinh tế; do xác lập rõ vị trí bình đẳng của nguồn sở hữu sức lao động có tri thức và nguồn sở hữu tư bản, tri thức hoá lao động trong các nước phát triển đã trở thành nguồn chính của tích lũy vốn và giành được ưu thế dẫn đầu trong cạnh tranh.

- Đầu tư cho nghiên cứu và triển khai vì một nền kinh tế tri thức được toàn xã hội quan tâm. Bên cạnh các chương trình đầu tư của nhà nước, quá trình tư nhân hoá các hoạt động nghiên cứu và triển khai ngày càng diễn ra mạnh mẽ. Ví dụ, tỷ lệ bằng phát minh sáng chế về công nghệ sinh học của khu vực nhà nước ở Mỹ được bán cho khu vực tư nhân đã tăng từ 6% lên 40% trong thời kỳ 1981 - 1990. Vai trò đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu và triển khai công nghệ cao thuộc về các tập đoàn xuyên quốc gia lớn. Ví dụ, năm 1998, 10 công ty hàng đầu của mỗi ngành ở Mỹ đã kiểm soát 33% tổng giá trị 23 tỷ USD của lĩnh vực kinh doanh hạt giống; 35% của 297 tỷ USD ngành dược phẩm; 70% của 334 tỷ USD lĩnh vực máy tính; 86% của 262 tỷ USD của ngành viễn thông... ở các nước phát triển, tỷ lệ đầu tư tiền vốn vào ba giai đoạn: nghiên cứu trong phòng thí nghiệm, phát triển thử và sản xuất đại trà cho thị trường thường là 1:10:100, trong khi ở các nước đang phát triển, ví dụ ở Trung Quốc tỷ lệ này là 1:0,5:100, nghĩa là giai đoạn trung gian ở các nước phát triển được chú trọng để đảm bảo sự phát triển hài hoà giữa dây chuyền khoa học công nghệ và dây chuyền sản xuất.

II. QUAN ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC Ở CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN

1. Về quan điểm phát triển

Ở Mỹ người ta gọi nền kinh tế tri thức là "nền kinh tế mới" hay là "nền kinh tế thế kỷ 21" mà về thực chất, đó là nền kinh tế được dẫn dắt bởi các tiến bộ kỹ thuật, bởi sự trợ giúp của cuộc cách mạng thông tin đang ngày càng tăng tốc và công nghệ sinh học đang tiến sát đến ngưỡng cửa của các tác động lớn về kinh tế và trong các phòng thí nghiệm, các nhà khoa học đang thử nghiệm những bước đầu của công nghệ siêu nhỏ nhằm tạo ra sự thay đổi của tất cả các ngành sản xuất. Do đó, nước Mỹ đang kích thích làn sóng phát minh sáng chế, từ Internet đến công nghệ sinh học, cho tới những công nghệ phát triển nhất mà hiện nay đã gần như được thương mại hoá toàn bộ để đưa nước Mỹ vững bước vào thế kỷ 21. Tuy nhiên, bên cạnh những quan điểm ủng hộ nền kinh tế mới, ở ngay nước Mỹ cũng có không ít những nhà kinh tế nghi ngờ về tỷ lệ tăng trưởng bền vững, tầm thường hoá những bước đột phá của Internet, công nghệ sinh học; thậm chí, họ còn so sánh giản đơn những bước đột phá này với những sáng kiến về điện, động cơ đốt trong của thế

kỷ trước... (ví dụ quan điểm của Robert J. Gordon, trường Đại học North Western) hoặc tỏ rõ sự thất vọng về lĩnh vực kỹ thuật của kỷ nguyên này (như Paul Krugman của viện công nghệ Massachusetts)... Về thực chất, các nhà kinh tế này quá bất bình với những ưu tiên công nghệ quá mức và vai trò của công nghệ trong các thập kỷ 70, 80 khi chúng đã không mang lại hiệu quả tương xứng cho nền kinh tế Mỹ. Nhìn chung, những phát minh ngày nay có cơ hội thành công nhiều hơn bởi vì phần lớn chúng đều do khu vực tư nhân tạo ra và ứng dụng mà theo đó nó đã tự kích thích tìm kiếm công nghệ mới.

Do đó, trên thực tế, nước Mỹ đã tích cực đi vào công nghệ mới. Trong vòng 4 năm, chi phí cho các doanh nghiệp máy tính đã tăng 86% vượt xa mức tăng của các ngành khác chỉ với 40%. Hiệu quả của các ngành sản xuất có sử dụng máy vi tính tăng lên rõ rệt, từ mức 3,2% trong nửa đầu thập kỷ 80 lên 5,7% năm 1990.

Nắm bắt được xu hướng không thể đảo ngược của toàn cầu hoá và sự chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức, giới cầm quyền Mỹ đã chủ động vạch ra các ý tưởng chiến lược để phổ biến và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tri thức. Dĩ nhiên, điều đó trước hết vì lợi ích của nền kinh tế Mỹ và theo đó, củng cố vai trò lãnh đạo thế giới mà Mỹ đã và đang tiếp tục đeo đuổi. Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trước đó trong các lĩnh vực công nghệ cao và công nghệ thông tin: từ năm 1991 - 1997, 2/3 tổng mức tăng đầu tư vốn cố định của Mỹ liên quan đến ngành máy tính; 1/3 mức đầu tư cố định của các doanh nghiệp Mỹ được giành cho ngành xử lý thông tin và các ngành có liên quan; 46% số hộ gia đình có máy vi tính và gần 20% số hộ gia đình nối mạng Internet..., tổng thống Mỹ Bill Clinton đã phát triển ý tưởng lập xa lộ thông tin cao tốc được đưa ra vào năm 1992 bằng việc đề ra kế hoạch về mạng Internet 2 (10/1996) để đưa tốc độ thông tin nâng cao đến 1000 lần, nghĩa là 1 giây đồng hồ có thể truyền đi được 1 bộ bách khoa toàn thư. Mỹ còn đặt kế hoạch trong vòng 10 năm sẽ thực hiện kế hoạch máy tính siêu cấp 1 triệu tỷ lần, rút ngắn công việc tính toán trong một năm của các máy chủ nhanh nhất hiện nay xuống còn 30 giây. Ngoài ra, Mỹ còn đặt kế hoạch thực hiện sáng tạo cái mới trên nhiều lĩnh vực khác như phát triển năng lực trí tuệ nhân tạo, các tấm vi mạch cao tốc...

Lợi dụng vị trí đi đầu trong lĩnh vực sản xuất tin học, Mỹ đã chủ động thảo luận với các nước phát triển khác để đạt tới "Hiệp định về kỹ thuật tin học" tại Gionevơ (tháng 3/1997) nhằm cam kết vào trước ngày 1/1/2000 sẽ hoàn toàn huỷ bỏ thuế quan của 200 loại sản phẩm kỹ thuật tin học bao gồm trong đó: phần cứng và phần mềm máy tính, các thiết bị thông tin như máy điện thoại, chất bán dẫn... Đây là cách thúc đẩy tiến trình toàn cầu hoá ngành sản xuất tin học do Mỹ khởi xướng. Cũng nhờ lợi thế này, Mỹ chủ trương tự do hoá hoàn toàn thương mại điện tử trong khi Châu Âu thì muốn định ra quy tắc quản lý, bảo vệ quyền bí mật riêng của thương mại và lợi ích người tiêu dùng. Mỹ cho rằng mạng Internet sẽ trở thành phương tiện buôn bán sống động nhất của Mỹ trong vòng 10 năm từ nay về sau và theo đó, Mỹ cổ vũ khuyến khích tích cực thương mại điện tử.

Khẳng định dứt khoát lập trường phải chủ động nắm bắt cơ hội và tích cực phát triển nền kinh tế tri thức, các nước phát triển khác, noi gương Mỹ, đã tích cực áp dụng các biện pháp đón chờ cơ hội và thách thức của quá trình chuyển sang thời đại kinh tế tri thức:

- Năm 1994, Chính phủ Canada đã đưa ra báo cáo: "Chính sách, con người và kế hoạch" với tiêu đề phụ là chuẩn bị quá độ sang xã hội kinh tế tri thức, đề cập tới vai trò của khoa học công nghệ trong quá trình chuyển từ nền kinh tế dựa vào tài nguyên, lao động và tư bản sang nền kinh tế dựa vào tri thức.

- Năm 1997, trong báo cáo "Đầu tư cho sự mở rộng và phát triển tri thức" của Cục phân tích chính sách kinh tế, Hà Lan đã đưa ra khái niệm lấy tri thức làm ngành cơ sở.

- Tháng 6/1994, khi bàn về "Chính sách cạnh tranh công nghiệp của EU", EU đã đề ra kế hoạch tiếp tục phát triển kỹ thuật sinh học, môi trường, tài nguyên năng lượng, kỹ thuật thông tin... giúp EU bước vào thời kỳ mới.

- Tháng 7/1997, Ủy ban EU đã đưa ra "Chương trình nghị sự năm 2000" với việc đặt tri thức hoá nền kinh tế ở vị trí ưu tiên và đề ra ý tưởng cơ bản cho quá trình EU chuyển sang thời đại kinh tế tri thức.

Tháng 11/1995, Nhật đã thông qua luật cơ bản về khoa học kỹ thuật vì họ cho rằng sự đình trệ của nghiên cứu cơ bản đã dẫn đến

sự trì trệ và kéo dài khoảng cách chênh lệch trong ngành kỹ thuật cao giữa Mỹ và Nhật.

Tháng 2/1997, Chính phủ Nhật quyết định sát nhập ban Khoa học kỹ thuật (KHKT) và Bộ văn hoá thành Bộ giáo dục - KHKT nhằm tăng cường quản lý và điều hành vĩ mô đối với sự phát triển KHKT. Do đó, đầu tư nghiên cứu triển khai ở Nhật đã tăng 3,4% so với trước năm 1995 chỉ là 2% GDP.

Như vậy có thể nói, từ quan niệm kinh tế tri thức sẽ mang lại những biến đổi có tính cách mạng trên tất cả các mặt của đời sống kinh tế xã hội như: nội dung ngành sản xuất, tiêu chuẩn hiệu suất, phương thức sản xuất, kết cấu lao động, phương thức phân phối..., các nước phát triển đã chủ động nắm lấy cơ hội, thực hiện các chương trình đầu tư phát triển căn bản và luôn có cái nhìn dài hạn sự phát triển nền kinh tế của mình đặt trong xu hướng chuyển đổi chung sang nền kinh tế tri thức của thế giới. Trong số các nước phát triển, Mỹ tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt và chi phối các tiến trình này.

2. Các định hướng chính sách phát triển kinh tế tri thức chủ yếu

a) Ưu tiên phát triển các ngành kỹ thuật cao, đặc biệt là công nghệ thông tin và coi chúng là động lực chủ yếu của sự tăng trưởng kinh tế

Đây là sự thay đổi nền tảng căn bản của nền kinh tế tri thức so với nền kinh tế công nghiệp. Các ngành kinh tế dựa trên nền tảng tri thức như kỹ thuật thông tin, sinh học, vật liệu mới, năng lượng mới... trở thành trụ cột của nền kinh tế. Nói cách khác, tổ hợp các ngành kỹ thuật cao sẽ tập hợp các cơ sở nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu mở rộng, các sản nghiệp tương thích.... thành một hệ thống phục vụ trực tiếp cho sự phát triển kinh tế xã hội. Do đó, lợi thế cạnh tranh hiện nay đã thuộc về các ngành có hàm lượng tri thức cao và trong sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế toàn cầu, các nước phát triển đã chú trọng đẩy mạnh các ngành kỹ thuật cao, chuyển dần các ngành có tầng công nghệ thấp hơn sang các nước đi sau. Các ngành kinh tế truyền thống được hiện đại hoá bằng kỹ thuật mới, công nghệ mới và nếu 2/3 giá trị sản phẩm của chúng do công nghệ mới mang lại, chúng cũng nghiêm nhiên gia nhập vào chỉnh thể của nền kinh tế tri thức. Thực tế cho thấy, phần

đóng góp của các ngành kỹ thuật cao trong GDP của Mỹ đã tăng lên rất nhanh: năm 1996 đem đến cho GDP Mỹ 420 tỷ USD, tăng 15% so với năm 1995; từ năm 1986-1996, tổng kim ngạch xuất khẩu của Mỹ đã tăng từ 309,5 tỷ USD lên 848 tỷ USD, trong đó tỷ trọng của các ngành trí thức trong tổng kim ngạch xuất khẩu đã tăng từ 12% lên 42%.

Để phát triển các ngành kỹ thuật cao, các nước phát triển đã chú trọng xây dựng các khu công nghệ cao và khuyến khích đầu tư mạo hiểm:

- Về khu công nghệ cao thì thung lũng Silicon ở Mỹ là một ví dụ điển hình. Nó đã thu hút hơn 7000 công ty kỹ thuật cao, tổng giá trị thị trường khoảng 450 tỷ USD; cứ 5 ngày lại có một công ty chung biểu chào hàng.

Mức lương của những người lao động ở đây cao gấp 5 lần mức lương bình quân ở Mỹ; số nhà triệu phú tăng lên hàng ngày. Thung lũng Silicon ra đời từ chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đi vào công nghệ mới. Không có tài chính, trường Đại học Stanford đã cho thuê đất (thời hạn 99 năm) để các công ty lập xí nghiệp kinh doanh công nghệ. Các công ty vào đây đã phát triển nhanh, chỉ trong vòng 10 năm, nhiều công ty từ chỗ hầu như không có gì đã có đến hàng chục tỷ USD. Ví dụ, công ty công nghệ mạng Sisco - công ty hàng đầu trên toàn cầu về vấn đề nối mạng cho Internet - trong 10 năm, đã có doanh số đạt 72 tỷ USD (vào năm 1998). Theo nhận xét của Jane F. Moore, Chủ tịch của nhóm tư vấn công ty Geo Partners Reseach, Sisco là một công ty điển hình có chính sách rộng mở. Nó nắm được cách làm thế nào để kích lệ nhân tài, kích thích sản xuất bằng những nguồn lực từ bên ngoài. Cũng như thung lũng Silicon, hiện người ta đang nói nhiều đến "đầm điện tử" thuộc trường đại học Cambridge (Anh) - một khu công nghệ cao vừa mới được hình thành trong một thời gian rất ngắn: Nó đã thu nạp được hơn 1000 công ty kỹ thuật cao, sản lượng hàng năm đã lên tới 3 tỷ USD.

Là hình thức tổ chức sản xuất mới của nền kinh tế tri thức, trong hơn một thập kỷ qua, các khu sản xuất công nghệ cao đã ra đời mạnh mẽ ở nhiều nước phát triển. ở Mỹ, cho đến nay, đã có hơn 300 khu công nghệ cao; Pháp có khoảng 35 và Nhật có 32. Đây là nơi liên kết giữa khoa học với sản xuất, từ thử nghiệm đến triển

khai đại trà. Nhờ có các chính sách linh hoạt, mang tính thúc đẩy tích cực, các khu công nghệ cao có thể được hình thành mà không cần nhiều vốn ban đầu. Điều quan trọng là phải tạo trước được hạ tầng cơ sở; có luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các nhà khoa học và sản xuất công nghệ; có môi trường để các nhân tài phát huy triệt để năng lực sáng tạo của họ...

Đương nhiên, đầu tư để sáng tạo ra cái mới là đầu tư mạo hiểm. Các công ty đầu tư vào công nghệ mới sẽ được thương mại hoá các thành quả, trong đó xí nghiệp vừa là người được hưởng lợi, vừa là người gánh chịu rủi ro. Theo đó, các nước phát triển đều hình thành nên những chính sách hỗ trợ, khuyến khích và giảm thiểu thiệt hại cho các công ty này, thậm chí họ xây dựng nên chế độ quyền sở hữu tài sản tri thức kiểu mới, lợi ích cùng hưởng, rủi ro cùng chịu, gắn chặt chẽ nhân tài với trình độ phát triển của công ty. ở thung lũng Silicon, các công ty kỹ thuật cao đều cho phép cán bộ công chức trong công ty được quyền mua cổ phần theo giá cả định trước, gắn bó họ với thành quả và rủi ro mà họ trực tiếp tham dự hoặc một số công ty đã áp dụng chia hưởng lợi ích thu được theo chức vụ và mức độ đóng góp vào các phát minh. Cũng tương tự như vậy, Nhật Bản sửa đổi chế độ thuế cho các công ty cổ phần đầu tư vào các ngành kỹ thuật cao, mạo hiểm, nhằm giảm thiểu thiệt hại cho những công ty này.

b) Lấy xí nghiệp tư nhân làm chủ thể của các chương trình đầu tư nghiên cứu và triển khai

Làn sóng đổi mới hiện nay đang được quá trình toàn cầu hoá nền kinh tế tạo thêm động lực. Do đó, việc tăng cường nghiên cứu và ứng dụng đang trở nên hấp dẫn hơn đối với mọi đối tượng và sức cạnh tranh chắc chắn sẽ quyết liệt hơn. Tuy nhiên, khác với những đổi thay công nghệ ở các thập kỷ trước những phát minh ngày nay do các công ty thực hiện, lợi nhuận của họ kích thích sự tìm kiếm công nghệ mới và họ chỉ ứng dụng công nghệ chừng nào lợi nhuận của họ được đảm bảo. Nói cách khác, dự án của các công ty luôn tập trung vào các nghiên cứu và ứng dụng có khả năng tạo ra những sản phẩm có lợi. Cũng do vậy, hướng trọng tâm khuyến khích các công ty tư nhân đầu tư nghiên cứu và triển khai đang trở thành một quyết sách trong hầu hết các nước công nghiệp phát triển. Mặt khác, một thực tế cũng hết sức lưu ý là những thành quả nghiên

cứu không xuất phát từ các xí nghiệp, được các cơ quan nghiên cứu thực hiện... phải trải qua một thời gian dài mới đưa được vào thực tế, thậm chí khi áp dụng nó đã trở nên lạc hậu tương đối. Cuối cùng là các phát minh khoa học trong khi có thể đem lại lợi ích to lớn cho xã hội nói chung thì lại thường tỏ ra không hiệu quả kinh tế đối với các công ty tư nhân (trừ một số ngoại lệ). Vì những lý do này, các nước phát triển đã khuyến khích các xí nghiệp tư nhân phải thực sự là các chủ thể đầu tư nghiên cứu và triển khai. Xét theo 3 chỉ tiêu của đầu tư nghiên cứu và triển khai: số dự án, mức kinh phí, số nhân viên tham gia thì hiện nay ở các nước công nghiệp phát triển, các xí nghiệp chiếm 2/3 tổng số đầu vào, trong khi đầu tư của chính phủ và các viện nghiên cứu khoa học chỉ chiếm khoảng 1/3.

Khuyến khích đầu tư nghiên cứu khoa học ở các xí nghiệp tư nhân không có nghĩa là coi nhẹ đầu tư của chính phủ. Nhưng việc đầu tư nghiên cứu và triển khai của chính phủ chỉ tập trung vào một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, công nghệ cao có tính công ích. Theo đó, những nghiên cứu và triển khai nhằm thương mại hoá và việc sản xuất đại trà các sản phẩm nghiên cứu phải được chuyển về cho các xí nghiệp. Khi các xí nghiệp vừa là người được hưởng lợi, vừa là người gánh chịu rủi ro, sự chuyển hoá các thành quả nghiên cứu khoa học mới được đẩy mạnh, nghiên cứu khoa học công nghệ và tổ chức sản xuất mới được kết hợp hài hoà, ăn khớp với nhau. Ví dụ, tỷ lệ chuyển hoá các thành quả khoa học của các nước phát triển hiện nay đều đạt trên 50% (trong khi tỷ lệ này ở Trung Quốc chỉ bằng 20%).

c) Tăng cường đầu tư cho nguồn vốn con người và sự phát triển tài năng

Alan S. Blinder, nhà kinh tế học thuộc trường đại học Princeton và là uỷ viên Hội đồng kinh tế của Tổng thống Bill Clinton cho rằng: "Công nghệ không phải là thứ từ trên trời rơi xuống. Nếu bạn thực sự quan tâm đến việc thúc đẩy tăng trưởng thì 2 đòn bẩy quan trọng chính là việc hình thành nguồn vốn nhân lực và công tác nghiên cứu ứng dụng". Điều đó có nghĩa là tầm quan trọng của nguồn vốn con người đã được các nước phát triển nhấn mạnh một cách dứt khoát. Bởi lẽ yếu tố cốt lõi của kinh tế tri thức là tri thức và tri thức gắn với con người và do con người tạo nên; còn tổ chức của con người thì lại gắn chặt với hoạt động giáo dục. Mặt khác,

xuất phát từ thực tế là trong kỷ nguyên công nghệ cao, có nhiều dấu hiệu cho thấy hệ thống giáo dục không bắt kịp với các nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế. Do đó, nhu cầu lấp lỗ hổng giáo dục, cải cách hệ thống giáo dục theo yêu cầu phát triển của nền kinh tế tri thức trở thành vấn đề bức xúc ở các nước Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản.

Chính phủ Mỹ đã tuyên bố thực hiện cương lĩnh giáo dục quốc dân mới trên toàn quốc với các nội dung cụ thể: trẻ em từ 8 tuổi trở lên phải biết đọc biết viết; thiếu niên từ 13 tuổi trở lên phải lên mạng máy tính để thu nhận tri thức; thanh niên từ 18 tuổi trở lên phải nhận được giáo dục ở bậc đại học. Người lớn được tiếp nhận "sự học tập suốt đời". Cương lĩnh này ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu của những biến đổi sâu sắc trong kết cấu kinh tế - xã hội dưới tác động của lực lượng sản xuất tri thức, khi mà những người công nhân dần thao tác máy móc tự động trong nhà máy và trên đồng ruộng đều phải là những người lao động tri thức có trình độ cao. Hiện ở Mỹ, nông dân chỉ còn chiếm 3% dân số; công nhân cổ xanh: 10% và công nhân tri thức : 85%.

Hiện nay, riêng giáo dục nghề nghiệp ở Mỹ mỗi năm đã vượt quá 100 tỷ USD.

Nhật Bản cũng từng bước thay thế chế độ "làm việc suốt đời", "thâm niên công tác", đã trở nên trì trệ cho nền kinh tế bằng chế độ học tập suốt đời đối với mọi người dân Nhật, xóa bỏ phương pháp học thuộc lòng ở trẻ em cấp 1 và nâng cao khả năng sử dụng máy vi tính ở các trường phổ thông... để thích ứng với yêu cầu tạo ra những nguồn nhân lực năng động, sáng tạo.

Cùng với việc cải cách hệ thống giáo dục, các nước đều tích cực khuyến khích sinh viên đeo đuổi nghiên cứu, nhằm phát hiện tài năng bằng cách tạo ra nhiều cơ hội để cấp học bổng, nhiều cơ hội để có việc làm trong tương lai, hỗ trợ tài chính cho các cơ sở thu hút được nhiều người tài; huy động mọi thành phần xã hội tham gia vào công cuộc giáo dục...

Các nước phát triển còn khắc phục sự khiếm khuyết về nguồn lực con người bằng các chính sách thu hút các nguồn lao động tri thức nhập cư; hoặc để có được nhân tài, các công ty thực hành các vụ hợp nhất công ty để giữ được số nhân viên cũ mà không mất công đào tạo, để duy trì được tài sản trí tuệ và trên cơ sở đó, mới

nghe đến phát triển sản phẩm mới, trao cho những người tài năng nhất những công việc quan trọng trong tổ chức mới.

Đối với những người tài, các nước phát triển đều có chính sách lương đặc biệt cao, mặc dù tiền lương đôi khi không quan trọng bằng việc trao cho họ quyền sở hữu, nghĩa là họ được ưu tiên mua cổ phiếu của công ty. Cách này đã gắn lợi ích, nghĩa vụ, trách nhiệm và tâm huyết của những viên chức này. Hơn nữa, cho những nhân tài tham dự chế độ tài chính là điều kiện đảm bảo sự công bằng và là yếu tố thiết yếu đối với sự hợp tác thành công trong nền kinh tế mới.

d) Xây dựng hệ thống kinh tế mở

Trong nền kinh tế tri thức, thông tin mở được chuyển tải qua các mạng và trên các xa lộ thông tin, các dòng di chuyển tài chính, hàng hoá - dịch vụ đã diễn ra với tốc độ chóng mặt. Người ta tính ra hiện nay, dòng vốn giao dịch trên mạng tài chính toàn cầu đã lên tới 2000 tỷ USD/1 ngày. Các nhà đầu tư, các nhà hoạch định chính sách, người tiêu dùng thông qua mạng có thể đối thoại trực tiếp với nhau. Mọi nguồn truy cập thông tin, bày tỏ thái độ và không khí dân chủ trong xã hội được mở rộng. Tư duy thay đổi theo các yêu cầu của kinh tế tri thức, thực tế ảo, thương mại điện tử và trong đó, các tư duy kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả vốn hữu hình (tư bản, lao động, tài nguyên)... đã không còn chiếm ưu thế. Trong bối cảnh ấy, các nước phát triển đã nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của việc duy trì một khu vực tư nhân lành mạnh, trong đó ưu tiên hàng đầu hiện nay đối với Mỹ và các nước phát triển khác là phải duy trì hệ thống tài chính mở để thông qua nó có thể nhanh chóng chuyển các nguồn lực sang khu vực sáng chế khoa học, công nghệ cao. Vốn mạo hiểm, các khoản tài trợ ban đầu của nhà nước và các loại trái phiếu sẽ tạo điều kiện để các ý tưởng sớm nhận được tài trợ.

Kinh nghiệm cho thấy, với một hệ thống tài chính khép kín như Nhật Bản (có thể cung cấp tài chính rẻ cho các công ty thông qua các mạng lưới ngân hàng đan xen và các mối quan hệ phức tạp giữa các công ty theo chiến lược giảm chi phí vốn của chính phủ), trên thực tế, đang cản trở quá trình đổi mới công nghệ.

Mặt khác, các nước phát triển cam kết thúc đẩy một nền thương mại tự do và quyền di cư tương đối rộng mở thành một phần

quan trọng trong chính sách ủng hộ đổi mới công nghệ. Ví dụ, sức ép từ các nhà cạnh tranh nước ngoài buộc các công ty Mỹ phải tìm kiếm những cách thức hoạt động mới và có hiệu quả hơn. Và những người nhập cư có kỹ năng sẽ góp phần vào xu hướng gia tăng công nghệ cao ở Mỹ.

III. MỘT SỐ GỢI Ý SƠ BỘ CHO CÁC NƯỚC ĐI SAU TỪ KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC Ở CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN

- Chuyển sang thời đại nền kinh tế tri thức là xu hướng không thể đảo ngược. Phải có tư duy của nền kinh tế tri thức ngay cả khi đang ở trong giai đoạn phát triển nền kinh tế hữu hình (công nghiệp hoá) để chỉ ít khi chưa thể bắt kịp vào nền kinh tế tri thức thì cũng tạo ra được những tiền đề để tiếp nhận có hiệu quả các hiệu ứng tác động của nền kinh tế tri thức trong điều kiện toàn cầu hoá;

- Chú trọng phổ cập công nghệ máy tính và tin học cho mọi người dân, coi đó là nền tảng - mặt bằng tri thức để tiếp nhận và phản ứng được với các tác động của nền kinh tế tri thức. Tăng đầu tư vào nghiên cứu và triển khai, nhất là những lĩnh vực liên quan đến phát triển tin học. Hình thành các khu công nghệ cao theo nguyên tắc tạo chính sách hấp dẫn, thúc đẩy mọi thành phần trong và ngoài nước cùng tham gia phát triển khu công nghệ;

- Quán triệt và thực hiện đầy đủ phương châm khoa học giáo dục "chấn hưng đất nước", bắt đầu bằng đổi mới giáo dục cơ sở, đào tạo chăm sóc thế hệ mới những người lao động. Tăng cường giáo dục về cả tố chất và trí lực, phát triển sức sáng tạo; chống các thói quen học thuộc lòng, học máy móc, quá tải, thiếu khả năng sáng tạo;

- Phát triển nền kinh tế tri thức sẽ mở ra nhiều cơ hội việc làm mới theo sự hiện đại hoá các ngành nghề cũ và ra đời nhiều ngành nghề mới. Do đó không phải quá lo ngại vấn đề thất nghiệp và các chấn động xã hội khi chuyển sang nền kinh tế tri thức. Điều quan trọng là phải thúc đẩy sự tối ưu hoá cơ cấu việc làm, coi trọng đào tạo kỹ năng của người lao động theo yêu cầu của sự phát triển các ngành kinh tế tri thức;

- Phải có chính sách và cơ chế khuyến khích những người có tài.

- Kinh tế tri thức hướng tới một xã hội mở, dân chủ rộng rãi. Cần thúc đẩy nền kinh tế của mỗi nước hội nhập tích cực vào nền kinh tế khu vực và quốc tế để nắm bắt được các cơ hội do nền kinh tế mới mang lại. Chú ý sự phát triển của khu vực tư nhân và sự cần thiết khuyến khích các xí nghiệp trở thành các chủ đầu tư trong nghiên cứu và triển khai./.

Tài liệu tham khảo

1. Nền kinh tế thế kỷ XXI. Business week, 24-31, August 1998:
2. Trương Tiểu Đế: Những suy nghĩ về phát triển nền kinh tế tri thức; Tạp chí kinh tế thế giới (Trung Quốc) số 1/1999.
3. Hứa Tác Cầu: Chủ nghĩa Marx và nền kinh tế tri thức. Tạp chí Thế trào đương đại (Trung Quốc) số 1/1999.
4. Đặng Hữu: Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và sự xuất hiện nền kinh tế tri thức. Báo cáo tại Hội nghị bàn tròn về toàn cầu hoá, Bộ ngoại giao, tháng 3/2000 .
5. Zavarukhin V. P: Chính sách công nghệ của Hoa Kỳ trước thềm thế kỷ mới. Tạp chí "Mỹ và Canada", số 9/1999 (tiếng Nga)
6. Demidova L: Lĩnh vực dịch vụ trong nền kinh tế hậu công nghiệp. Tạp chí MEIMO, số 2/1999 (tiếng Nga).
7. The New Economy. Business week, January 31/2000
8. William A. Sahlman: Nền kinh tế mới mạnh hơn là điều mà bạn nghĩ. Harvard Business Review, December 1999.
9. Alan Greenspan: Có một nền kinh tế mới không? Báo cáo tại Hội nghị hàng năm của trường đại học Califomia, Berkerly, September 4, 1998.
10. Lê Văn Sang: Kinh tế tri thức - giai đoạn phát triển mới của xã hội loài người. Tạp chí những vấn đề kinh tế thế giới, số 3/2000.

KINH TẾ TRI THỨC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VIỆT NAM

ĐC. TRẦN VIỆT PHƯƠNG
Văn phòng Chính phủ

A - NHẮC LẠI MỘT VÀI NHẬN THỨC VỀ NỀN KINH TẾ TRI THỨC

1. Nếu nói một cách chặt chẽ, tôi không đồng ý cách gọi: "nền kinh tế tri thức trong xã hội thông tin".

Tôi muốn gọi đó là: "Nền kinh tế và xã hội của trí tuệ sáng tạo và sự phát triển tự do của con người, cho mỗi người và cho mọi người".

Nền kinh tế dựa trên tri thức, hoặc ngắn gọn hơn, nền kinh tế tri thức, theo cách hiểu và cách gọi xuất xứ từ Mỹ - Âu chừng một thập kỷ nay, là tiền đề vật chất cho sự xuất hiện, trải qua cách mạng giải phóng con người, của xã hội mới.

Loài người còn phải phấn đấu suốt những chặng đường dài đầy đau khổ, hy sinh và gian truân, vất vả mới đến được xã hội ấy, song ánh sáng của nó đã hé lên ở chân trời xa.

Nguyên nhân ra đời của nền kinh tế mới và xã hội mới là toàn diện. Ở đây, cùng với vai trò của cách mạng khoa học và công nghệ và của nền kinh tế thị trường hiện đại đang toàn cầu hoá, là 2 nguyên nhân đã được phân tích nhiều lần, tôi muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của nguyên nhân chính trị và văn hoá: khủng hoảng toàn diện của nền văn minh tư bản chủ nghĩa, chính vì hiện đại nên càng lỗi thời, bất lực và đầy tội ác, thất bại của chủ nghĩa tân tự do, phá sản của nền dân chủ đại diện Âu - Mỹ, bế tắc của hình thức tổ chức các đảng chính trị, bất trắc và xung đột trong một

thế giới chống chất mâu thuẫn. Và mặt khác, thức tỉnh của con người và của các dân tộc, phát triển của dân chủ trực tiếp, xã hội dân sự và các hiệp hội phi chính phủ, tự khẳng định của các bản sắc dân tộc, trọng lượng của văn hoá và con người trong phát triển, đấu tranh của các lực lượng hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội vì một xã hội tốt đẹp hơn.

Tác động của quá trình xuất hiện xã hội mới ấy là toàn diện, làm chuyển biến sâu sắc cả 10 nhân tố thường được coi là những nhân tố hợp thành của xã hội. Đó là:

- 1) Dân chủ chính trị
- 2) Giáo dục suốt đời
- 3) Tăng trưởng kinh tế
- 4) Phát triển văn hoá
- 5) Công bằng xã hội
- 6) Gìn giữ môi trường
- 7) An ninh quốc phòng
- 8) Bản sắc dân tộc
- 9) Hội nhập quốc tế
- 10) Bùng nổ con người

Điều đáng chú ý là ngày càng nhiều công trình của nhiều nhà nghiên cứu, từ những chân trời chính trị khác nhau, công nhận rằng cách mạng khoa học và công nghệ không chỉ là một lực lượng sản xuất trực tiếp cực kỳ to lớn, mà, hơn thế nhiều, đó chính là sức mạnh bên trong và chất keo kết dính tất cả 10 nhân tố của xã hội mới vừa kể trên.

Phải nói thêm rằng khả năng ấy của cách mạng khoa học và công nghệ là một khả năng chưa từng diễn ra thành hiện thực ở mức tạm gọi đáng hài lòng ở bất kỳ đâu, và trước nhất là ở nước Mỹ. Thậm chí, nhiều khi khoa học và công nghệ bị lạm dụng và làm méo mó đến mức rất nguy hại, do chạy theo lợi nhuận và do những động cơ đen tối khác. Sở dĩ như vậy chính vì gặp rất nhiều trở ngại cho việc hiện thực hoá các thành quả khoa học và công nghệ, mà trở ngại lớn nhất là thiếu những biến đổi chính trị, xã hội cần thiết.

Có một cách hiểu là tự thân sự vận động của cách mạng khoa học và công nghệ và của nền kinh tế thị trường hiện đại sẽ chẳng cần cách mạng, chẳng cần biến đổi cơ bản, sâu xa về bản chất chế độ xã hội, cứ tất yếu làm xuất hiện và phát triển nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin, trong đó con người được tự do, có mọi nhân quyền, đạt mọi lợi ích, sống cuộc đời hạnh phúc. Không phải thế và không thể như thế !

Một cái nhìn tổng thể và toàn diện giúp chúng ta không bị rơi vào cái cảnh: "tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa", chuyển một cách nguy hại không kém gì, từ sai lầm kinh tế luận phủ định thị trường sang sai lầm kinh tế luận sùng bái thị trường.

Kinh tế là trung tâm, điều ấy đúng, song nói tâm tức là nói diện, không có diện thì tâm chỉ là điểm chứ không còn là tâm. Quan hệ giữa tâm và diện không phải là tâm trước diện sau, cũng không chỉ là tâm chính diện phụ, mà là quan hệ tương tác sâu sắc và phong phú.

Để thuận tiện cho sự trình bày, sau đây tạm dùng thuật ngữ đã khá phổ cập là "nền kinh tế tri thức", được hiểu theo cách nhìn tổng thể và trong mối quan hệ giữa tâm và diện như vừa nêu trên.

2. Không có hai nền kinh tế tri thức nào giống nhau, tuy kinh tế tri thức có một số đặc trưng chung, đã được các nhà nghiên cứu trên thế giới và ở nước ta giới thiệu khá rõ.

Mỗi nước xây dựng nền kinh tế tri thức của mình, trong hoàn cảnh và với đặc điểm của mình, theo chiến lược, chính sách, giải pháp và bước đi của mình.

Cố nhiên, có thể và cần học tập từ kinh nghiệm của nhiều nước khác nhau.

3. Những nước rất nghèo và rất chậm phát triển, ở hạng chót trên thế giới, cần hay chưa cần, có thể hay chưa thể tính ngay đến việc chuẩn bị từ bây giờ và tiến lên thực hiện nền kinh tế tri thức trong một triển vọng không xa? Nếu cần và có thể làm, thì làm những gì, như thế nào, bằng nguồn lực nào, với những ai, vào lúc nào?

Hình như trong ý kiến của những nhà hoạch định chính sách và những nhà nghiên cứu trên thế giới, về câu hỏi lớn này, có hai cách trả lời trái ngược hẳn nhau.

Việt Nam ta phải có câu trả lời của chính mình. Chúng ta đã đặt ra câu hỏi này và đã có câu trả lời chưa?

B - THỰC TRẠNG HIỆN NAY Ở NƯỚC TA VỀ NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG CHUẨN BỊ VÀ TIẾN TỚI NỀN KINH TẾ TRI THỨC

Tôi xin nói một số nhận xét ngắn.

1. Việc giới thiệu ở nước ta về nền kinh tế tri thức trên thế giới, tuy chỉ mới làm từ cách đây không lâu, song đã có không ít bài vở, sách báo. Đó là những tư liệu nói về một số nhận thức chung và những việc làm của thiên hạ, kèm theo một vài gợi ý còn rất đại thể về những hệ quả đối với nước ta.

Sự phổ biến, tìm hiểu, nghiên cứu những tư liệu giới thiệu này ở nước ta hiện rất ít ỏi, lơ mơ, ngay trong giới lãnh đạo, quản lý và giới nghiên cứu. Doanh nghiệp và dân hầu như chưa biết đến.

2. Trong nghiên cứu chiến lược 10 năm và kế hoạch 5 năm tới, từ "kinh tế tri thức" có được nhắc đến một cách lướt qua, và nền kinh tế tri thức có được xem như một tầm nhìn triển vọng, *song chưa thể nói rằng chiến lược 10 năm và kế hoạch 5 năm tới đã tính toán được đầy đủ và thiết thực những công việc chuẩn bị và tiến tới nền kinh tế tri thức ở Việt Nam. Chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá chưa định hướng rõ về nền kinh tế tri thức, tuy đã có những yếu tố có tính chuẩn bị theo định hướng ấy.*

3. Xem xét, cân nhắc về thuận lợi và khó khăn của Việt Nam, thì thấy, xô đi bù lại, so với những nước hiện ở cùng một trình độ kinh tế còn rất kém phát triển, *Việt Nam ta có nhiều thuận lợi hơn để chuẩn bị và tiến đến nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.*

C - NHỮNG CÔNG VIỆC CHÚNG TA CÓ THỂ VÀ CẦN LÀM

Tôi nghĩ không nên coi việc chuẩn bị cho nền kinh tế tri thức ở nước ta còn xa vời, chưa nên đặt ra, bây giờ mà đã mơ tưởng đến thì chỉ như "con ếch muốn to bằng con bò".

Trái lại, *đó chính là con đường phát triển rút ngắn, "vượt qua mà không đuổi kịp", tạo ra nhịp tăng trưởng và phát triển nhanh với chất lượng và hiệu quả cao, con đường của tinh thần tiến công bất phá, của quyết tâm vươn lên nắm bắt và tận dụng thời cơ.*

Vậy công việc chúng ta có thể và cần làm là gì? Có lẽ công việc quan trọng hơn cả lúc này là:

Đứng trên quan điểm tích cực chuẩn bị, và ở nơi nào có thể thì bắt đầu thực hiện ngay kinh tế tri thức, tức là một quan điểm mới hơn và rõ hơn hiện nay – *tiến hành soát xét lại toàn bộ các chủ trương đối mới và phát triển đất nước trong 10 năm từ 2001 đến 2010, từ đó bổ sung và điều chỉnh những điều cần thiết*, đặc biệt là 7 mặt thường được coi trọng trong chiến lược quốc gia thực hiện nền kinh tế tri thức của nhiều nước đã phát triển và đang phát triển, như sau:

- Chủ trương công nghiệp hoá và hiện đại hoá;
- Mở mang nền kinh tế thị trường văn minh;
- Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế;
- Phát triển khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ tin học viễn thông và công nghệ sinh học, cố gắng phấn đấu gần chứ không tách rời hai công nghệ này.
- Giáo dục và đào tạo;
- Văn hoá và xã hội;
- Đổi mới thể chế quản lý và cải cách hành chính.

Sắp xếp 7 điểm như thế này là theo trình tự cổ điển của chúng ta trong các chiến lược và kế hoạch. Nếu đồng chí nào trong chúng ta đặt giáo dục và khoa học công nghệ lên hàng đầu, thì tôi xin tán thành ngay.

Có lẽ sự bổ sung và điều chỉnh chủ yếu *không phải là đặt ra những việc mới*, hiện nay chúng ta chưa hề tính toán (số việc hoàn toàn mới cần đặt ra, nếu có, cũng không nhiều), mà chủ yếu là *xử lý theo một nội dung mới hơn và một cách thức mới hơn những việc đã được nghiên cứu và nêu lên trong chiến lược*.

Đồng thời, *điều có ý nghĩa quyết định là bổ sung và điều chỉnh chủ trương đến đâu, thì ráo riết chuẩn bị, và phần nào có thể thì bắt tay thực hiện ngay đến đó*.

Ở đây tôi không dám mạo muội đi sâu vào nội dung từng lĩnh vực đã có cả một đội ngũ chuyên trách. Như đề nghị về một cách làm việc, tôi muốn nêu lên một số câu hỏi chung, có thể đặt ra cho mỗi lĩnh vực trong 7 lĩnh vực vừa kể tên trên đây, để nghiên cứu tìm những câu trả lời:

1) Với những chủ trương và giải pháp như hiện nay, sau 10 năm, đến 2010 chúng ta *gần lại hay xa ra so với nền kinh tế tri thức*? Chỗ nào gần lại, chỗ nào xa ra, chỗ nào giữ nguyên khoảng cách? Gần lại và xa ra như thế nào, chừng nào và vì sao?

Đặt câu hỏi ấy một cách khác: Dự thảo hiện nay về chiến lược 10 năm và kế hoạch 5 năm tới của chúng ta đã có thể xem là hội đủ những nhân tố có thể và cần thiết để chuẩn bị tiến tới nền kinh tế tri thức ở nước ta chưa? Có chứa đựng những nhân tố nào trái chiều, đưa nền kinh tế nước ta xa thêm ra so với nền kinh tế tri thức không? Cần bổ sung và điều chỉnh những gì?

Cụ thể hơn:

2) Có những điều gì (về nội dung chính sách và về cách thức thực hiện) giúp chúng ta tiến gần tới nền kinh tế tri thức mà hiện chưa được đề ra? Vì sao lại như vậy? Có cần và có thể bổ sung những điều ấy vào chiến lược 10 năm và kế hoạch 5 năm tới không?

3) Có những điều gì (về nội dung chính sách và về cách thức thực hiện) khiến chúng ta dậm chân tại chỗ hoặc thậm chí xa ra so với nền kinh tế tri thức, mà lại đang tồn tại trong chiến lược, chính sách, biện pháp và hành động của chúng ta? Lẽ phải của sự tồn tại như vậy là ở chỗ nào? Có đích đáng không (nghĩa là có lợi cho dân, cho nước không)? Có cần và có thể loại bỏ những điều ấy đi không? Hoặc xử lý ra sao?

Như chúng ta đã biết qua kinh nghiệm nhiều lần, có hai cách trả lời những câu hỏi trên đây:

Một cách trả lời dễ dãi, qua loa, kết quả là viết thêm một số câu và xóa đi một số câu khác trong các dự thảo chiến lược, kế hoạch và chính sách hiện có. Thực tế, kết quả ấy bằng không.

Một cách trả lời nghiêm túc, thoả đáng, có hiệu quả, là thực sự nghiên cứu cẩn thận, hoạch định các chính sách điều chỉnh, bổ sung, và khẩn trương chuẩn bị thực hiện.

Công việc này gặp khó khăn nhiều mặt, song không có khó khăn nào đến mức hiện nay chưa thể vượt qua.

Có lẽ điều quan trọng có ý nghĩa quyết định ở đây là mang những hiểu biết về nền kinh tế tri thức, những vấn đề đặt ra cho nước ta và những giải pháp dự kiến cho những vấn đề ấy phổ cập

một cách sâu rộng nhất, đáng tin cậy nhất để nhận được hồi âm của dân tộc ta, thế hệ trẻ của nước ta, từ đó phát huy trong các tầng lớp nhân dân ta một văn hoá thích hợp với kinh tế tri thức – văn hoá đổi mới và sáng tạo, thực hiện một cuộc tổng động viên mọi nguồn lực của dân tộc, của đất nước vươn lên mạnh mẽ theo hướng hiện đại hoá ấy.

Tôi xin nói thêm một chút về văn hoá thích hợp với kinh tế tri thức.

Theo những tài liệu mà tôi đã đọc, thì một số nhà nghiên cứu trên thế giới đã giới thiệu văn hoá ấy gồm có 4 nét đặc trưng lớn:

Thứ nhất là chủ nghĩa nhân văn;

Thứ hai là trình độ học vấn hiện đại tương ứng với từng cấp, từ tiểu học đến sau đại học, mỗi cấp ấy có sự hiện đại của nó. Cộng với trình độ học vấn hiện đại ấy là một kỹ năng đa diện, chứ không phải đơn tuyến chỉ chuyên sâu;

Thứ ba là khát vọng và khả năng đổi mới và sáng tạo. Có nhiều người cho rằng đây là đặc trưng quan trọng nhất của văn hoá thích hợp với kinh tế tri thức;

Thứ tư là khả năng thiết lập và duy trì những mối quan hệ đối tác qua nối mạng thông tin ở quy mô quốc gia và toàn cầu (Anh Phan Ngọc thì đề nghị đổi chữ *quan hệ đối tác thành quan hệ tham tác* cho chặt chẽ hơn). Khả năng thiết lập và duy trì những quan hệ tham tác quốc gia và toàn cầu qua nối mạng thông tin này được một số nhà nghiên cứu phân tích là gồm 6 nhân tố: 1) sự tôn trọng người khác; 2) khả năng hiểu biết, thông cảm với người khác; 3) tư duy và ứng xử dân chủ; 4) khoan dung và độ lượng; 5) thẳng thắn và thủy chung trong quan hệ; 6) bình đẳng và công lý trong quan hệ.

Liệu chúng ta có đủ quyết tâm và có làm được công việc tìm câu trả lời theo cách thứ hai, nghiêm túc, thoả đáng, có hiệu quả (không cầu toàn, song phải đạt được một bước tiến rõ rệt) trong thời gian chừng 1 năm trước mắt không?

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ KINH TẾ TRI THỨC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỚI VIỆT NAM

GS. TS. ĐỖ QUỐC SAM

Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nhà nước

1. VỀ CHỦ ĐỀ HỘI THẢO

a) Đặt vấn đề "Kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam" hiện nay là đúng lúc vì:

- Nền Kinh tế tri thức trên thế giới đã bắt đầu, quy luật vận hành của nó có thể phức tạp và cần nghiên cứu, nhưng tác động và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển của Việt Nam thì là điều không thể tránh khỏi.

Nếu ta chưa bước vào Kinh tế tri thức thì sự hoạt động của nền Kinh tế tri thức các nước khác cũng sẽ chi phối nhiều mặt phát triển của ta, ít nhất là về năng lực cạnh tranh, về đào tạo nguồn nhân lực, về phát triển khoa học công nghệ và về nhiều mặt văn hóa xã hội. Do đó có yêu cầu thích nghi (chiến lược thích nghi).

Nếu ta từng bước tiến vào xây dựng nền Kinh tế tri thức hoặc chuẩn bị đi vào Kinh tế tri thức thì việc nghiên cứu tìm hiểu, xây dựng chiến lược, chính sách và đặt kế hoạch tiếp cận lúc đó lại trở thành cấp thiết. Có thể nói đó là yêu cầu hội nhập (chiến lược hội nhập).

Dù với trường hợp lựa chọn nào thì thái độ chủ động vẫn là cần thiết.

- Hiện nay chúng ta đang xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001- 2010). Trong các bản dự thảo có đôi chỗ nhắc đến thuật ngữ "kinh tế tri thức" hay "hậu công nghiệp" chủ

yếu là ở phần phân tích bối cảnh quốc tế, hay ở phần mào đầu của định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hoặc tóm lược về chính sách phát triển khoa học và công nghệ; chủ yếu mới chỉ là nêu lên một ý niệm chung cho lâu dài, còn cụ thể sẽ tính toán sau. Vì vậy, nếu lần hội thảo này mà làm rõ hay tương đối rõ được nội dung chính của Kinh tế tri thức là gì, tác động ra sao đối với nước ta và ta nên có chính sách tiếp ứng như thế nào thì sẽ là một đóng góp tích cực cho việc chuẩn bị chiến lược phát triển.

b) *Khái niệm* "Kinh tế tri thức" còn quá mới mẻ, không chỉ riêng ở Việt Nam. Chưa nói đến phạm vi tác động, cơ chế vận hành, động lực phát triển, ảnh hưởng tích cực, tiêu cực, v.v.. còn phải nghiên cứu phân tích, mà ngay cả nội dung khái niệm "*Kinh tế tri thức*" cũng còn đang chờ một định nghĩa chính thức. Cuối cùng sẽ là Kinh tế tri thức, Kinh tế dựa trên tri thức, Kinh tế có động lực là tri thức hay là Kinh tế dựa trên trí tuệ, v.v.. vẫn còn phải đợi sự khái quát của các nhà nghiên cứu.

Vì vậy, những vấn đề nêu ra sau đây chỉ là những câu hỏi, những thắc mắc đề nghị được làm rõ, hơn là những câu giải đáp cho những vấn đề đã đặt ra.

2. Vấn đề thứ nhất liên quan đến *đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa* đã được tóm tắt trong câu định nghĩa được cân nhắc rất kỹ trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương VII khoá VII:

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi *căn bản, toàn diện* các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang *sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao*.

Câu định nghĩa này nói rõ *mức độ* (căn bản, toàn diện), *phạm vi* (sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý kinh tế, xã hội), *phương tiện* (công nghệ hiện đại), *cơ sở dựa* (công nghiệp và công nghệ), mục đích trực tiếp (năng suất lao động xã hội cao), nghĩa là làm rõ các thông số chính của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta trong giai đoạn trước mắt.

Nay, nếu đối chiếu với các điều kiện của nền kinh tế tri thức thì định nghĩa trên chắc cần được nghiên cứu bổ sung thêm hoặc làm rõ thêm, ít nhất là về *mục tiêu trực tiếp* của công nghiệp hóa. Trong giai đoạn tới, nếu chỉ nói đến năng suất cao theo cách hiểu là nhanh, nhiều, tốt, rẻ hơn một cách định lượng thì rõ ràng là không đủ, ở đây có vấn đề thay đổi về chất, vấn đề tạo ra một chất lượng mới có thể khác xa cái cũ, không phải chỉ là về hàng hóa, dịch vụ mà còn cả về mặt văn hóa lối sống, lối suy nghĩ, thực ra khó có thể đoán trước. Ngoài ra, trong định nghĩa trên, vấn đề sử dụng sức lao động nêu ra cũng cần làm rõ hơn về hàm lượng tri thức hay trí tuệ chứa đựng trong đó khi đã đặt ra vấn đề *coi trí tuệ như một nhân tố tăng trưởng kinh tế*.

3. Vấn đề thứ hai là chúng ta có *khả năng thực tế* tiếp cận và hội nhập với nền Kinh tế tri thức hay chỉ tìm cách thích nghi với nó?

Có một điều chắc chắn là nếu chúng ta thực hiện công nghiệp hóa theo kiểu cổ điển thì phải một thời gian dài mới theo kịp được vài nước xung quanh ở mức phát triển hiện nay, chưa kể là còn xa, chưa biết bao giờ ta mới theo kịp được các nước phát triển. Như vậy có thể coi như mục tiêu xã hội chủ nghĩa chưa đạt được. Con đường phát triển của ta chắc *phải phối hợp một tốc độ cao* (cao hơn bình quân khu vực) *trong thời gian dài với một số bước nhảy ở thời điểm thích hợp* thì mới mong đuổi kịp được các nước. Tốc độ cao ấy và nhất là những bước nhảy dự đoán ấy nếu có thì chỉ có thể thực hiện được bằng công nghệ mới và một nguồn nhân lực có khả năng khai thác và phát huy được công nghệ đó, nói cách khác là *phải đi vào Kinh tế tri thức*.

Song, đối với một nền kinh tế mà tỉ trọng nông nghiệp còn cao, nông dân còn chiếm số đông, nông thôn còn nhiều khó khăn như nước ta thì có *khả năng đi sớm vào Kinh tế tri thức được không*, hay trước hết cần công nghiệp hóa đến một mức độ nào đó (về tỉ trọng công nghiệp, về mức tăng năng suất lao động, về tỉ lệ nông dân trong dân số, v.v..) rồi mới tiếp cận với Kinh tế tri thức? Kinh tế tri thức trong nông nghiệp trồng lúa hay ở những nơi còn nặng về tự cấp, tự túc sẽ như thế nào? v.v... Làm rõ được vấn đề này thì mới có thể khẳng định trong chiến lược 2001- 2010 chúng ta *chuẩn bị điều kiện để đi vào Kinh tế tri thức*, hay chúng ta *bắt đầu hướng*

tới Kinh tế tri thức, hoặc *tiếp cận Kinh tế tri thức trên tất cả các lĩnh vực có điều kiện, hoặc tạo được điều kiện.*

4. Vấn đề thứ ba là nếu đã lựa chọn chủ trương sớm đi vào nền kinh tế tri thức, thì ta phải làm gì, cần *có những chính sách ưu tiên nào?* để thúc đẩy sự hình thành và phát triển của nó?

Trọng tâm chắc là phải dựa vào sự phát triển *của hai quốc sách hàng đầu* là giáo dục đào tạo và khoa học, công nghệ. Song trên hai lĩnh vực này, có vẻ như chúng ta *chưa sẵn sàng* đón nhận Kinh tế tri thức với tất cả những cơ hội và thách thức của nó. Hai bộ luật về giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ vừa thông qua, mặc dầu đã tiến một bước ban đầu quan trọng, nhưng xem ra *mới là luật về Nhà nước làm Khoa học công nghệ và Giáo dục đào tạo*, chưa phải là cả xã hội làm Giáo dục, đào tạo và Khoa học, công nghệ, bao gồm cả các nhà giáo, các nhà khoa học, các doanh nghiệp, các hiệp hội khoa học, công nghệ. Có lẽ đó là một bước luật hóa cái đang làm, chưa phải là tất cả cái nên làm hoặc phải làm.

Song, chính sách tiếp cận Kinh tế tri thức không chỉ là chính sách về khoa học, công nghệ và giáo dục, đào tạo mà còn liên quan đến chính sách chung. Bao giờ người muốn học có điều kiện học được cái mình muốn, người làm khoa học làm chủ thực sự được công việc khoa học của mình, tất cả có thể phát huy tối đa các khả năng và hưởng theo năng lực của mình thì lúc đó chính sách sẽ có hiệu quả tích cực nhất. Nói cho cùng thì đây cũng là những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa xã hội nói chung và quyền làm chủ (cả tập thể và cá nhân) nói riêng mà chúng ta vẫn thường nhắc nhở.

Vậy thì phải lựa chọn những chính sách ưu tiên nào và những điều kiện đảm bảo tối thiểu là gì, vẫn còn là vấn đề để ngỏ.

Mong rằng qua cuộc hội thảo có tính đề dẫn, mở đầu này, có thể tìm thấy được một số lời giải đáp./.

CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ VÀ NỀN KINH TẾ DỰA TRÊN TRI THỨC

PGS. TS. NGUYỄN QUANG THÁI
Phó viện trưởng Viện Chiến lược phát triển
Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trong thế kỷ XX nhân loại đã chứng kiến những thay đổi kỳ diệu trong sự phát triển như vũ bão của lực lượng sản xuất, của việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống nhân dân. Những diễn biến cuối thế kỷ XX đã báo hiệu những tiến bộ không lường của khoa học và công nghệ như một lực lượng sản xuất trực tiếp. Mấy năm trước, việc thực hiện thành công nhân bản vô tính với sự xuất hiện con cừu nhân bản Đô-ly đã báo hiệu công nghệ sinh học đi vào đời sống nhanh và tạo ra sự đột phá to lớn đến nhường nào. Tiến bộ của công nghệ thông tin những năm qua đã tạo ra sự chuyển biến nhanh chóng trong hoạt động văn phòng, thông tin,... nhưng khi sử dụng Internet rộng rãi và gắn với thương mại điện tử (E-commerce) thì đã tạo ra sự bùng nổ của hoạt động buôn bán qua mạng, dự báo doanh số lên tới 1600 tỷ USD vào năm 2003. ứng dụng công nghệ thông tin trong đời sống và sinh hoạt cũng làm tăng thêm tính "thông minh" của các dụng cụ gia đình. Rồi những tiến bộ của vật liệu mới, tự động hoá, y học hiện đại, công nghệ vũ trụ... sẽ làm thay đổi ghê gớm cuộc sống và phát triển nhân loại và từng bước làm hình thành nền kinh tế dựa trên cơ sở tri thức (KBE), trong đó các lĩnh vực công nghệ cao ngày càng đóng góp tỷ trọng lớn trong việc làm ra thu nhập quốc dân. Đến lúc đó, khoa học và công nghệ hiện đại đã đi nhanh vào cuộc sống, tạo ra những thay đổi theo hướng "hiện đại hoá" cuộc sống văn hoá tinh thần của con người trên hành tinh chúng ta. Gần đây cũng có ý

kiến cụ thể hơn về nền kinh tế điện tử toàn cầu dựa trên tri thức (knowledge based global e-economy), phản ánh tính chất mới mẻ của một nền kinh tế kiểu mới vượt ra khỏi phạm vi từng quốc gia riêng lẻ.

Mặc dù hiện nay có nhiều quan niệm khác nhau về nền kinh tế dựa trên tri thức, nhưng rõ ràng có một điểm chung, - đó là sự tác động của khoa học và công nghệ mới nhất đã làm không chỉ tăng năng suất lao động xã hội, mà còn tác động đến nhiều mặt của cuộc sống xã hội, làm đảo lộn nhiều quan niệm về nền văn hoá mới ngày càng mang tính toàn cầu. Toàn cầu hoá sẽ không phải và không thể là làm mất đi bản sắc các dân tộc, mà làm cho cuộc sống thêm đa dạng và phong phú.

Khi đề cập tới nền kinh tế dựa trên tri thức chúng ta cũng bác bỏ quan điểm ảo tưởng về một thế giới không biên giới, về "sự nổi lên của nhà nước ảo" trong đó chủ quyền lãnh thổ đã trở nên "lỗi thời" (!). Ngay trong điều kiện ngày nay, vai trò của Nhà nước ở bất kỳ đâu cũng rất quan trọng, nhằm dẫn dắt và tổ chức xã hội đi đúng định hướng của nó trong từng giai đoạn phát triển. Mơ hồ, ảo tưởng về điều này là mắc vào cạm bẫy của chủ nghĩa hữu khuynh, làm cho tình trạng chênh lệch giàu nghèo trên thế giới cứ tồn tại mãi, dẫn tới sự bóc lột các nước nghèo thông qua các công cụ tàn bạo được che đậy bằng các thuật ngữ mỹ miều. Sự "bóc lột" kiểu mới của nước giàu so với nước nghèo, của các nước phát triển đối với các nước đang phát triển, nhất là chủ nghĩa bá quyền trắng trợn của Hoa Kỳ là điều mà cả các nước Phương Tây cũng phải dè chừng.

Đồng thời, chúng ta lại không nên có quan niệm "tả" khuynh một cách thơ ngây để chống lại các xu hướng toàn cầu hoá được đặt cơ sở vật chất vững chắc bởi các thành tựu KH-CN mà nhân loại đã thu được và sẽ có bước tiến nhanh chóng trong tương lai. Nói riêng, chúng ta phải nghiên cứu, tìm hiểu và trên cơ sở tìm ra cách thức tận dụng tối đa những mặt thuận lợi do sử dụng nền kinh tế dựa trên tri thức vào sự nghiệp phát triển đất nước, đưa nước ta tiến nhanh trên cơ sở một mô hình công nghiệp hoá phi cổ điển.

Chúng ta đang soạn thảo Chiến lược cho giai đoạn 2001-2010 và kế hoạch 5 năm 2001-2005. Đây là giai đoạn quan trọng để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá đất nước trong

điều kiện toàn cầu hoá. Khi nền kinh tế nước ta còn trong điều kiện kém phát triển với mức GDP bình quân đầu người năm 2000 còn dưới 400 USD, chỉ bằng 40% mức của Trung Quốc, khoảng 20% mức trung bình của các nước ASEAN và chưa tới 10% mức trung bình của toàn thế giới. Vậy thì trong chiến lược mới, cái gọi là nền kinh tế dựa trên cơ sở tri thức KBE sẽ chiếm vị trí nào trong chương trình nghị sự dành cho sự phát triển của đất nước khi chúng ta muốn gắn liền quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước? Theo chúng tôi có mấy vấn đề cần lưu ý:

1. Một là phải "thay đổi tư duy"

Mặc dù chúng ta nói không ít, có nghị quyết không ít về phát triển khoa học và công nghệ, Quốc Hội lại vừa thông qua Luật khoa học và công nghệ, nhưng trên thực tế, - mà điều này phụ thuộc trước hết vào nhận thức của các ngành, các cấp rằng do chúng ta đang ở trình độ phát triển thấp nên dường như chỉ có thể ứng dụng sớm các công nghệ "hạng hai", được các nước phát triển "chuyển giao". Còn các công nghệ cao thì chỉ là câu nói cho vừa lòng hơn là hành động cụ thể. Nhưng chúng ta phải thấy rằng, con người Việt Nam ta, dù còn nhiều nhược điểm phải khắc phục khi đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vẫn hoàn toàn có thể thích nghi nhanh với công nghệ hiện đại. Một thực tế lịch sử là 200 nghìn người Mỹ gốc Việt đang sinh sống và làm việc tại Bang California đã có những đóng góp quan trọng suốt 1/4 thế kỷ qua vào việc hình thành và phát triển nhanh chóng của thung lũng điện tử thần kỳ Silicon Valley.

Chúng ta cũng không cần phải đi xa sang bên kia đại dương. Những gì mà Trung Quốc đã đạt được tại vùng ven biển phía Đông, nhất là tại đặc khu Thẩm Quyến rất có sức thuyết phục mọi người có dịp nghiên cứu kinh nghiệm 10 năm gần đây của Trung Quốc. Và nếu ai đó có dịp một lần ghé qua Pu Dong của Thượng Hải và xem kế hoạch phát triển thành phố Thượng Hải thì không chỉ vững tin vào tương lai phát triển của thành phố cửa ngõ của Trung Quốc tiến ra Châu Á - Thái Bình Dương trong thế kỷ XXI, mà còn có niềm tin có cơ sở thực tiễn vào tác động kỳ diệu của cái gọi là nền kinh tế dựa trên tri thức KBE ngay tại một vùng mà cách đây không lâu còn được gọi là đất nước "một nghèo, hai khổ", thậm chí, cách đây 20 năm, thậm chí 10 năm thì chẳng có gì nổi trội hơn so

với chúng ta hiện nay. Vấn đề chính là có quan điểm đúng về phát triển, dồn sức vào phát triển. Và ngay tại nước ta cũng đã có những điển hình tốt như sự phát triển của Bình Dương, Đồng Nai chỉ trong 10 năm đã tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu ngành rất ngoạn mục nhờ đẩy mạnh sự nghiệp phát triển (từ mức nông nghiệp trên 50% đã chuyển thành tỉnh có tỷ trọng công nghiệp trên 50% GDP), đưa tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm của tỉnh vượt trên 100% GDP, mà không phải là dựa trên khai thác thô tài nguyên thiên nhiên. Tất nhiên quan điểm về KBE chỉ là một điểm cần nghiên cứu, khẳng định, nhưng cũng là điểm khá quan trọng để không bị đi chệch hướng của tiến bộ KHCN, không để bỏ lỡ thời cơ lớn của nhân loại khi bước vào thế kỷ XXI. Và đó cũng sẽ là phương tiện để chủ động hội nhập, từng bước khắc phục nguy cơ tụt hậu*.

2. Hai là phải có kế hoạch cụ thể và dài hạn

Ra Nghị quyết, xây dựng luật đã khó, nhưng muốn hành động phải có kế hoạch. Xây dựng nền kinh tế dựa trên tri thức KBE là một công việc khó khăn nhất là với hoàn cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn như Việt Nam. Vì vậy, một mặt cần có quan điểm dài hạn để phấn đấu, và mặt khác cần phải xây dựng bước đi thích hợp. Không thể có kế hoạch dài hạn nếu không làm rõ bước đi trước mắt, bởi lẽ "vạn sự khởi đầu nan", không có bước mở đầu thì không thể có bước tiếp theo. Truyền thống "đánh thắng trận đầu" cho thấy cần phải chuẩn bị kỹ để đi vào con đường đầy gian nan.

3. Ba là phải tạo khâu "đột phá"

Không thể làm việc gì, nhất là các việc lớn nếu không có "điểm khởi đầu", nếu không chọn ra khâu ưu tiên để tập trung sức đột phá. Trong việc xây dựng nền kinh tế dựa trên tri thức càng cần có những khâu ưu tiên và đột phá thích hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Có thể chọn ra một số khâu quan trọng để lựa chọn ưu tiên như sau:

Nguồn nhân lực và đào tạo tay nghề: Việt Nam có nhiều tiềm năng được thế giới thừa nhận về phát triển nguồn nhân lực. Tuy

* Theo tính toán, để thu hẹp khoảng cách, đuổi kịp mức trung bình của các nước ASEAN vào năm 2045, khi kỷ niệm 100 năm Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc Lập, chúng ta phải có tốc độ tăng trưởng kinh tế vượt hơn mức trung bình của các nước ASEAN là 2-2,5% mỗi năm. Một nhiệm vụ không đơn giản

nhiên, cũng rõ ràng là trên nhiều phương diện nguồn nhân lực còn ở dạng tiềm năng. Kinh nghiệm tuyển chọn lao động cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tuyển chọn lao động cho các trung tâm phát triển phần mềm ở Việt Nam đều bộc lộ những bất cập của chúng ta. Loại lao động cái gì cũng biết nhưng biết khá lơ mơ là khá phổ biến. Rõ ràng hệ thống giáo dục, đào tạo của nước ta còn có nhiều vấn đề phải cải tiến, thậm chí phải cải tổ mới theo kịp nhu cầu của cuộc sống, của nền kinh tế mới khi chúng ta đi vào thế kỷ XXI. Cũng phải có những đề xuất về cải cách mối quan hệ giữa nhà trường, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp. Tạo cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào sự phát triển nền kinh tế kiểu mới KBE;

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Phải có những điều kiện tiền đề nhất định mới triển khai từng bước nền kinh tế KBE. Chẳng hạn, nếu muốn phát triển Internet chúng ta cần có "cổng" viễn thông lớn nối ra thế giới, không chỉ giảm chi phí kết nối mạng cho người dân, mà còn bảo đảm sử dụng thuận lợi tiến bộ kỹ thuật này của nhân loại. Theo tôi, trước hết, cần phổ cập nhanh chóng trong các nhà trường để sinh viên học sinh có điều kiện tiếp cận Internet, tạo ra thói quen làm việc với thế giới thông qua mạng. Cũng cần phổ biến Internet cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ quan quản lý, xây dựng các trang web để phổ cập thông tin đến người dân, làm cho người dân trở thành nhân vật chính của xã hội tương lai, trực tiếp thụ hưởng thành quả lao động, tạo cho cộng đồng người dân trực tiếp tham gia vào quá trình quyết định, nhất là những quyết định có liên quan đến con người.

Nghiên cứu thị trường: Việt Nam là đất nước có gần 80 triệu dân và sẽ tăng lên trên dưới 100 triệu dân trong thời gian tới. Khi thu nhập tăng lên nhanh thì thị trường trong nước cũng trở nên nhu cầu cần tiếp cận, phát triển, tạo ra nguồn sinh lực mới cho phát triển kinh tế. Đồng thời trong điều kiện toàn cầu hoá thì nghiên cứu thị trường quốc tế và khu vực tốt đến chừng nào sẽ bảo đảm sự tham gia của Việt Nam trong thị trường quốc tế. Đối với KBE thì càng cần nghiên cứu thị trường để tránh bị lâm vào tình trạng chưa sản xuất nhiều đã "thừa"(!).

V.V...

4. Bốn là vấn đề cơ chế chính sách và sự chỉ đạo

Tiến hành từng bước việc xây dựng nền kinh tế dựa trên tri thức phải có những cơ chế chính sách phù hợp, tạo ra động lực. Trên cơ sở quan điểm về vai trò làm chủ thật sự của người dân, cơ chế mới phải tạo thuận lợi tối đa để người dân có điều kiện chủ động tham gia vào sự phát triển nền kinh tế mới dựa trên tri thức.

Đồng thời cũng cần có cách tổ chức và chỉ đạo thực hiện thích hợp với một nhiệm vụ nặng nề và mới mẻ. Không thể làm tất cả trong một thời gian ngắn. Do đó, cần chọn một số khuyến nghị cụ thể để thi hành ngay, tạo ra lòng tin cho mọi người. Thà ít mà tốt còn hơn./.

NỀN KINH TẾ TRI THỨC VÀ MỤC TIÊU CÔNG NGHIỆP HOÁ-HIỆN ĐẠI HOÁ CỦA VIỆT NAM TRONG TẦM NHÌN 2020

TS. ĐẶNG NGỌC DINH

**Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu chiến lược
Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường**

I. TRI THỨC VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

- Nguồn nhân lực là một nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế: trình độ học vấn của dân chúng cao hơn, nghĩa là có nhiều người có thể học cách sử dụng công nghệ tốt hơn. Một công trình nghiên cứu đã phát hiện là việc tăng số năm đi học của học sinh tại nước Mỹ đã góp phần vào khoảng 20% số tăng GDP theo đầu người của Mỹ từ 1929 đến 1982.

- Hàn Quốc và Gana vào những năm 1950 có thu nhập GDP đầu người tương đương nhau, đến 1991 GDP đầu người của Hàn Quốc gấp 6 lần Gana. Về cơ bản không thể chỉ lý giải nguyên nhân dẫn đến khoảng cách này là do nguồn nhân lực, mà có lẽ chủ yếu là do khả năng sử dụng tri thức.

- Trong nền kinh tế mới (kinh tế tri thức) có 3 chỉ số có tương quan mạnh (chặt) với tăng trưởng kinh tế, đó là: (i) Giáo dục; (ii) Mở cửa mậu dịch; và (iii) Cơ sở hạ tầng thông tin-viễn thông.

Giáo dục thường thể hiện qua số năm học trung bình được hưởng trong dân chúng. Trình độ giáo dục của dân chúng có quan hệ mật thiết với năng lực sử dụng tri thức của họ.

Mức độ mở cửa mậu dịch thể hiện bằng tỷ lệ của tổng giá trị xuất-nhập khẩu chia cho tổng GDP. Sự mở cửa mậu dịch gắn liền

với cơ hội khai thác tri thức của nước ngoài thông qua hàng hoá và dịch vụ, ngoài ra người dân cũng học tập được thực tiễn kinh doanh của những xã hội khác.

Cơ sở hạ tầng thông tin-viễn thông, được thể hiện bởi nhiều chỉ số khác nhau, như mật độ điện thoại, máy vi tính trên 100 dân, mức độ sử dụng Internet trong dân..., đóng vai trò đặc biệt quan trọng để người dân thu thập thông tin và tích lũy tri thức. Những thành tựu lớn lao của công nghệ thông tin, mà cốt lõi là tin học và viễn thông, đã góp phần quan trọng trong việc hình thành nền kinh tế tri thức. (Có một so sánh hình tượng là: nếu trong 3-4 thập niên gần đây, ngành công nghiệp máy bay dân dụng cũng đã phát triển một cách ấn tượng như ngành công nghiệp máy vi tính, thì vào những năm 1980 một chiếc Boeing 767 chỉ có giá là 500 USD, mà với tốc độ bay một vòng quanh trái đất trong 20 phút và chỉ tiêu tốn 20 lít nhiên liệu!). Tuy nhiên điều quan trọng hơn, đó là: cuộc cách mạng trong công nghệ thông tin đã cung cấp vô số cơ hội để tri thức được phổ cập rộng rãi.

II. MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA NỀN KINH TẾ TRI THỨC:

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (KH&CN) hiện đại đang tạo nên bộ mặt mới của nền kinh tế, tạo tiền đề hình thành nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin, với những nét đặc trưng nổi bật là:

1. Vai trò quan trọng của công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ thông tin

- Nền kinh tế công nghiệp: dựa chủ yếu vào máy móc, tài nguyên;

- Nền kinh tế tri thức: các yếu tố thông tin và tri thức có vai trò hàng đầu. Các ngành công nghệ cao (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới v.v...) phát triển nhanh chóng và có giá trị gia tăng nhanh;

- Nhịp độ tăng GDP trong ngành công nghệ thông tin cao hơn 3 - 4 lần nhịp độ tăng tổng GDP; tốc độ tăng việc làm do công nghệ thông tin tạo ra nhanh hơn từ 14 -16 lần so với toàn bộ các ngành kinh tế còn lại;

- Phát triển kinh tế có liên quan nhiều đến sở hữu trí tuệ, sáng tạo và sử dụng thông tin, đặc biệt trong các ngành sản xuất ra các sản phẩm có hàm lượng cao về trí tuệ trên cơ sở đầu tư mạnh mẽ vào vốn con người (Human Capital).

2. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

- Thời gian từ kết quả nghiên cứu khoa học đến công nghệ và đưa sản phẩm ra thị trường ngày càng rút ngắn:

Thế kỷ 19: 60-70 năm; thế kỷ 20: 30 năm; riêng thập niên 1990: 3 năm;

- Thị trường công nghệ mới, sản phẩm mới gia tăng nhanh chóng: Để đạt mức 500 triệu người sử dụng telephon phải mất 74 năm; radio 38 năm; tivi: 13 năm; nhưng Internet chỉ có 3 năm!

- Phòng thí nghiệm, cơ quan khoa học, ngoài nghiên cứu còn mang cả chức năng sản xuất, kinh doanh.

Quá trình đổi mới công nghệ diễn ra còn nhanh hơn cả khả năng thích nghi của con người;

- Phát minh khoa học ngày càng nhiều và mở ra khả năng khoa học có thể giải quyết được hầu hết những gì con người muốn làm để phục vụ cho cuộc sống của mình;

- Lực lượng sản xuất tinh thần đang chiếm ưu thế và có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều so với lực lượng sản xuất vật chất; tri thức (tức là các thành tựu của KH&CN) trở thành sản phẩm có giá trị kinh tế cao hơn nhiều so với các sản phẩm vật chất khác, vì nó tạo ra giá trị mới ngày càng chiếm tỷ trọng lớn hơn trong GDP.

3. Thời gian để tiến hành công nghiệp hoá được rút ngắn

Nhờ cuộc cách mạng KH&CN mới, những nước nghèo có thể tìm được cơ hội để phát triển, nếu tạo ra được nguồn nhân lực chất lượng cao, tiếp cận được trình độ KH&CN hiện đại.

Ở thế kỷ 18, một nước muốn công nghiệp hóa phải mất khoảng 100 năm; cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 là khoảng 50 - 60 năm; trong những thập kỷ 70 - 80 là khoảng 20 - 30 năm; đến cuối thế kỷ 20, quãng thời gian này có thể còn ngắn hơn nữa.

4. Nguồn nhân lực trong xã hội nhanh chóng được tri thức hóa

- Con người phải làm việc bằng năng lực trí tuệ là chính, càng không phải chỉ là năng lực thể chất;
- Cơ cấu lao động xã hội thay đổi căn bản: nhân lực trong các ngành dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ xử lý thông tin và dịch vụ tri thức, tăng nhanh;
- Sự cách biệt giàu nghèo về thực chất là sự cách biệt về tri thức và năng lực tạo ra tri thức. Các nước đang phát triển chỉ bằng con đường phát triển KH&CN, giáo dục - đào tạo nhằm tăng nhanh vốn tri thức, mới có thể rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển.

5. Cơ cấu kinh tế, hình thức tổ chức xã hội thay đổi cơ bản

- Một số cơ cấu tổ chức cũ theo kiểu kim tự tháp (phân cấp trên, dưới) biến thành cơ cấu mạng lưới.
- Mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính, của các cơ quan, xí nghiệp đều thông qua mạng máy tính (Chính phủ điện tử; thương mại điện tử). Xuất hiện công ty ảo, trường học ảo, v.v...
- Trò chơi kinh tế "tổng không" (thắng - thua) được thay bằng mô hình "hai bên cùng thắng" (Win-Win Game) thể hiện trong cạnh tranh và hợp tác; chuyển giao công nghệ...
- Năng lực kinh doanh và phát hiện, chiếm lĩnh thị trường trong nhiều trường hợp còn quan trọng hơn năng lực sản xuất (vai trò doanh nhân).

III. VỀ CHIẾN LƯỢC CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC ĐẾN NĂM 2020

1. Trạng thái xuất phát mới của đất nước sau gần 15 năm đổi mới

- Định hình cơ chế phát triển kinh tế mới - cơ chế thị trường - như một tất yếu.
- Tiềm lực và chất lượng phát triển kinh tế được nâng cao một bước quan trọng.
- Nền tảng xã hội của sự phát triển tiến vào giai đoạn mới.

Quá trình đổi mới đã chứng minh rằng i) lợi thế phát triển hiện thực lớn nhất của nước ta là nguồn nhân lực và ii) điều kiện cơ bản để phát huy được lợi thế đó là có một cơ chế kinh tế đúng.

2. Những yếu kém và bất lợi nội tại đối với sự phát triển của Việt Nam

- Nền kinh tế nước ta vẫn còn rất lạc hậu.
- Di sản của cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp vẫn còn tồn tại khá nặng. Những hệ quả của trạng thái bao cấp và tư duy bao cấp.
- Chưa thực sự sẵn sàng hội nhập.

3. Thời cơ và thách thức cho quá trình CNH, HĐH đất nước

3.1. Thời cơ

- Hoà bình và phát triển. Triển vọng hoà bình trên thế giới nói chung và ở khu vực châu á - Thái Bình Dương nói riêng trong 2 thập kỷ tới.
- Xu thế "Cân bằng lợi ích".
- Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.
- Tiềm năng trí tuệ của nguồn nhân lực góp phần khẳng định đặc thù CNH rút ngắn của Việt Nam.

3.2. Thách thức

- Khả năng bị tụt hậu xa hơn về kinh tế trong khu vực và không hội nhập hiệu quả vào nền kinh tế tri thức.
- Thách thức về phát triển bền vững.

4. Mục tiêu kinh tế tổng quát của đất nước đến năm 2020

Kịch bản mục tiêu "chủ":

GDP năm 2020 đạt mức cao gấp 4 lần năm 2000 (tức là gấp 8 lần năm 1990). Như vậy, tốc độ tăng trưởng bình quân của tổng GDP của giai đoạn 2001-2020 phải là 7,2%/năm. Khi đó GDP trên đầu người năm 2020 của nước ta sẽ tăng khoảng 3,3 - 3,6 lần so với năm 2000 (phụ thuộc vào mức tăng dân số bình quân toàn giai đoạn là 1,5% hoặc 1,3%/năm).

Biểu 1. GDP/đầu người (1997) Việt Nam và một số nước trong khu vực

	Việt Nam		Trung Quốc		Thái Lan		Malaysia	
	#	PPP	#	PPP	#	PPP	#	PPP
GDP/đầu người USD	310	1.630	860	3.130	2.740	6.690	4.530	8.140
So sánh	1,0	1,0	2,77	1,92	8,84	4,10	14,61	4,99

Ghi chú: Các kết quả thu được từ hai phép đo này là khác nhau rất xa. Tuy nhiên, phương pháp PPP tỏ ra gần với tương quan phát triển thực tế hơn. Hiện nay, phương pháp này đang được sử dụng ngày càng rộng rãi hơn.

Nguồn: UNDP - Báo cáo phát triển con người 1999.

Như vậy, theo kịch bản - mục tiêu chủ, với tốc độ tăng trưởng GDP liên tục là 7,2%/năm, đến năm 2020, GDP/đầu người của Việt Nam nếu so với mức hiện tại (1997) của một số nước thì tương đương Thái Lan và bằng 3/5 mức của Malaysia.

5. Mục tiêu văn hoá - xã hội

Dự báo mục tiêu phát triển con người tổng quát đến năm 2020 của Việt Nam là: Nâng chỉ số HDI lên 25-30 bậc trong bảng xếp hạng của thế giới (năm 1999 xếp 110/174 nước), sẽ ở bậc 80 - 85/174 trong bảng xếp hạng và thuộc lớp "cao" trong nhóm các nước ở trình độ trung bình về phát triển con người. Theo phép chia số học đơn giản, với vị trí đó, nước ta đạt được trình độ phát triển trung bình của thế giới tại thời điểm năm 2020.

Về xếp hạng GDP/đầu người (theo PPP), có thể đề xuất một bước nhảy khoảng 30 bậc để đến 2020, đạt tới vị trí xếp hạng khoảng 100/174 (hiện nay xếp hạng 133/174).

6. Lựa chọn "khâu đột phá" và các giải pháp "đột phá"

- "Đổi mới tư duy" có thể xem là khâu đột phá tổng thể của cả giai đoạn từ 1986 đến nay.

- "Khoán 100", "khoán 10", là những khâu đột phá trong nông nghiệp.

- Áp dụng "cơ chế giá thị trường" là khâu đột phá trong kinh tế hoặc

- "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các quốc gia và dân tộc trên thế giới" là khâu đột phá trong chính sách đối ngoại.

Điểm đột phá của nền kinh tế nước ta trong giai đoạn tới phải đáp ứng hai yêu cầu, thứ nhất, giải toả các ách tắc và trở ngại thể chế để tạo ra sức thúc đẩy mạnh mẽ bên trong; thứ hai, tạo điều kiện để quá trình chủ động hội nhập quốc tế diễn ra có hiệu quả.

Với cách đặt vấn đề như vậy, hai khâu đột phá được lựa chọn là:

i) Đẩy mạnh quá trình đổi mới thể chế kinh tế - hành chính - pháp lý;

ii) Phát triển con người, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.

Xét một cách tổng thể, hai khâu đột phá về thể chế và nguồn nhân lực (hoặc yếu tố con người trong phát triển) có quan hệ mật thiết với nhau. Về thực chất, chúng chỉ là hai mặt của một vấn đề, chúng bắt nguồn từ chỗ đều là lực lượng, là yếu tố chủ quan - chủ động (chủ thể) của quá trình phát triển.

Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới phương thức sử dụng nhân lực nhằm tận dụng có hiệu quả lợi thế về con người Việt Nam, khôi phục lại đà tăng trưởng và tăng cường sức cạnh tranh quốc tế của sản phẩm và của doanh nghiệp Việt Nam, rõ ràng là một khâu đột phá có ý nghĩa chiến lược của quá trình CNH, HĐH đất nước trong "Tầm nhìn 2020".

Hai khâu đột phá nêu trên cũng nhằm đảm bảo các điều kiện để nước ta có khả năng hội nhập hiệu quả vào nền kinh tế tri thức. Trong đó có thể nêu 3 điều kiện chủ yếu, đó là:

- Một tư duy, đặc biệt là tư duy quản lý kinh tế - xã hội, luôn đổi mới;

- Một nền giáo dục lành mạnh và tiên tiến;

- Một cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng thông tin - truyền thông rộng khắp và tiên tiến./.

KINH TẾ TRI THỨC VÀ VẤN ĐỀ LỰA CHỌN MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM (Các luận đề)

TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN

Viện Kinh tế học

Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia

"Kinh tế tri thức" là một khái niệm mới. Chuyển sang nền kinh tế này là một xu hướng toàn cầu đang diễn ra. Mặc dù nền kinh tế nước ta đang ở trình độ phát triển rất thấp, song ảnh hưởng của xu hướng đó là rất mạnh. Vì vậy, việc xem xét các vấn đề của kinh tế tri thức có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thậm chí, có thể nói có vai trò quyết định, trong việc lựa chọn chiến lược phát triển của Việt Nam hiện nay.

Vì nhiều lý do - sự mới mẻ, phạm vi rộng lớn, tính phức tạp của hệ vấn đề, bài viết này chỉ cố gắng trình bày một số luận đề sơ bộ về nền kinh tế tri thức cũng như thông qua đó, tìm kiếm những gợi ý cho việc phân tích các vấn đề phát triển kinh tế của nước ta hiện nay.

I. NỀN KINH TẾ TRI THỨC LÀ GÌ?

** Định nghĩa khái quát:*

Nền kinh tế tri thức (knowledge economy - KE, hoặc knowledge based economy - KBE) được định nghĩa là nền kinh tế, trong đó quá trình sáng tạo và khai thác tri thức trở thành thành phần chủ đạo trong quá trình tạo ra của cải. Trên thế giới hiện nay, các nền kinh tế phát triển thuộc OECD được coi là kinh tế tri thức vì tại đây 50% GDP được sản xuất từ những ngành có nền tảng là tri thức.

Cũng có thể định nghĩa đơn giản hơn: kinh tế tri thức là nền kinh tế, trong đó khoa học - công nghệ - kỹ thuật trở thành lực

lượng sản xuất trực tiếp, là yếu tố quyết định hàng đầu việc sản xuất ra của cải, sức cạnh tranh và triển vọng phát triển. Vấn đề cốt lõi hơn: khoa học - công nghệ - kỹ thuật là lực lượng sản xuất thứ nhất.

Các định nghĩa trên hàm ý:

- Thứ nhất, trong nền kinh tế tri thức, vấn đề không chỉ là tạo ra tri thức mà cả thu nhận, sử dụng và truyền bá tri thức.

- Thứ hai, kinh tế tri thức không chỉ bao hàm duy nhất các lĩnh vực hoạt động với công nghệ cao, sử dụng lao động tri thức và lao động có kỹ năng cao là chính mà còn là quá trình tri thức xâm nhập vào và chi phối tất cả mọi hoạt động kinh tế. Bản chất của nhận định này là nền kinh tế tri thức không nhất thiết có cấu trúc ngành thuần nhất về trình độ phát triển, nghĩa là không phải tất cả các ngành đều phải dựa trên nền tảng công nghệ - kỹ thuật cao. Song điều chắc chắn là tất cả các ngành, dù ở trình độ nào, cũng đều hoạt động dưới sự chi phối của tri thức.

** Quy trình thực tiễn hoá tri thức và vai trò của nó*

Xưa nay, về cơ bản, tri thức được coi là của cải tinh thần, tức là một thứ sản phẩm. Nhưng, tri thức còn tồn tại như một nguồn lực vật chất (lực lượng sản xuất), nằm trong con người, được vật chất hoá trong các phương tiện công nghệ - kỹ thuật. Nó được tạo ra do con người, thông qua con người và các nguồn lực khác để can dự trực tiếp vào quá trình tạo ra của cải vật chất và tinh thần. Có nghĩa là có một quy trình thực tiễn hoá tri thức. Do trong nền kinh tế tri thức, tri thức đóng vai trò là lực lượng sản xuất quyết định nhất nên quy trình thực tiễn hoá tri thức cũng là quy trình sản xuất chủ yếu, quyết định sự phát triển.

Quy trình này gồm 5 khâu:

Tạo ra,

Thu nhận,

Đồng hoá, kiến thức. Đây là nhiệm vụ hàng đầu của phát triển.

Sử dụng,

Truyền bá

Việc xác định quy trình thực tiễn hoá tri thức cho thấy:

+ Thứ nhất, trong từng giai đoạn phát triển xác định, không phải các quốc gia cùng có năng lực và điều kiện thực tiễn như nhau trong việc giải quyết 5 loại nhiệm vụ trên.

+ Thứ hai, khả năng đồng hoá, sử dụng và truyền bá tri thức (tiếp nhận - học hỏi, triển khai hay áp dụng) là những khâu trực tiếp quyết định thành công trong nền kinh tế, nhất là xét trong ngắn hạn và trung hạn.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, hai nhận xét trên gợi ý hướng lựa chọn trọng tâm của chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Đối với những nước nghèo, có trình độ phát triển thấp, để giải quyết nhiệm vụ phát triển, không nhất thiết phải trải đều nguồn lực ít ỏi của mình cho tất cả năm khâu của quy trình thực tiễn hoá tri thức. Để nhanh chóng thu hẹp khoảng cách tụt hậu phát triển, họ cần và có thể tập trung nỗ lực vào ba khâu cuối. Mô hình phát triển Đông á mấy thập niên gần đây dựa trên nguyên tắc chủ yếu là "bắt chước" để đuổi kịp, tức là tập trung vào ba khâu cuối. Thành tích mà Đông á đạt được cho thấy sự đúng đắn của cách lựa chọn này.

** Đặc điểm của kinh tế tri thức*

Kinh tế tri thức có nhiều đặc điểm cơ bản khác biệt so với các nền (hình thái) kinh tế trước nó. Những đặc điểm này còn đang định hình và tiếp tục được phát hiện chứ chưa phải đã bộc lộ đầy đủ. Tuy nhiên, có thể nêu ba đặc trưng cơ bản có tính xuyên suốt.

1. Tri thức khoa học và công nghệ cùng với lao động kỹ năng cao là lực lượng sản xuất thứ nhất, là lợi thế phát triển quyết định

Lịch sử phát triển hiện đại chứng tỏ rằng lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, về nguồn nhân lực ngày càng giảm bớt. Trong khi đó, trình độ khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực kỹ năng cao (bao gồm nhân lực trí tuệ) càng đóng vai trò quyết định thắng lợi trong cuộc đua tranh - cạnh tranh phát triển.

"Các nước đang phát triển không còn có thể mong chờ đặt sự phát triển của mình dựa trên lợi thế so sánh về lao động - tức lao động công nghiệp rẻ - được nữa. Lợi thế so sánh có hiệu quả bây giờ phải là ứng dụng tri thức" (P. Drucker, 1994).

2. Cấu trúc mạng - toàn cầu

Nền kinh tế thế giới hiện đại đang được cấu trúc thành một mạng lưới toàn cầu. "Mạng" là thuộc tính phân biệt chủ yếu hệ thống này với các hệ thống trước. Về bản chất, hệ thống mạng được cấu trúc "ngang", khác căn bản với các nền kinh tế trước đây vận động trong cấu trúc chủ đạo là hình tháp (cấu trúc "dọc"). Đây là cơ sở để nói đến tính cách mạng hay bước ngoặt lịch sử của quá trình chuyển sang kinh tế tri thức đang diễn ra.

Mạng lưới toàn cầu của nền kinh tế tri thức được kiến tạo bởi:

(i) Các "chất liệu" phát triển cơ bản khác trước (những công cụ mới, ví dụ máy tính, mạng viễn thông, mạng internet, các loại vật liệu mới, công nghệ "gen", thương mại điện tử, v.v.), những nhân vật mới (tầng lớp các nhà kỹ trị đóng vai trò quyết định, người lao động trí thức, các "siêu" công ty xuyên quốc gia, v.v..) nên cũng vận động theo nguyên lý mới;

(ii) Hệ thống phân công quốc tế - toàn cầu thay cho hệ thống phân công lao động quốc tế, quốc gia. Đây là một cấu trúc mới về nguyên tắc. Nó vận động theo những quy tắc sản xuất thương mại và tài chính mới (các thể chế và "luật chơi" toàn cầu mới (WTO thay GATT, WB và IMF hoạt động với các chức năng và sứ mệnh đang được đòi hỏi phải thay đổi, tự do hoá thông tin và tri thức, v.v.), trong không gian toàn cầu hoá. Đặc trưng của không gian toàn cầu hoá là thời gian ngắn lại, không gian thu hẹp và các đường biên giới mất dần;

(iii) Quá trình phi tập trung hoá cấu trúc kinh tế - xã hội. Cấu trúc mạng gắn với quá trình phi tập trung hoá cấu trúc. Quá trình đô thị hoá diễn ra theo những xu hướng và quy tắc mới. Các đô thị khổng lồ không còn là sự lựa chọn duy nhất và dường như ngày càng không phải là sự lựa chọn chủ yếu. Khái niệm văn phòng, chỗ làm việc tập trung hàng chục, hàng trăm, thậm chí hàng nghìn người kiểu công xưởng đã thay đổi mạnh mẽ khi công việc chủ yếu của xã hội là sản xuất tri thức, được tiến hành trong môi trường tự động hoá cao trên cơ sở mạng thông tin, với các công cụ chính là máy vi tính nối mạng;

(iv) Sự thay đổi cơ cấu quyền lực trong nền kinh tế. Hình thái phát triển dựa trên quan hệ lệ thuộc - cai trị của các nền kinh tế

trước đây được thay thế bằng quan hệ tham dự - bình đẳng về chức năng trong cơ cấu của các thành tố;

(v) Sự không thuần nhất cấu trúc của nền kinh tế tri thức trên phạm vi toàn cầu. Trong mạng lưới kinh tế toàn cầu, vẫn tồn tại những mảng, vùng cấu trúc (khu vực, quốc gia, ngành) có trình độ phát triển thấp xa các mảng, vùng khác. Do đó, sự bình đẳng về nguyên tắc của các bộ phận cấu trúc mạng không có nghĩa là sự bình đẳng trên thực tế giữa chúng tại từng thời điểm xác định và trong những quan hệ xác định.

Những điều nói trên có hàm ý:

+ Thứ nhất, khả năng vượt bỏ hay tụt hậu phát triển của mỗi quốc gia (hay của bất cứ yếu tố cấu trúc nào) tùy thuộc vào vị trí - vị thế của nó trong mạng kinh tế toàn cầu, tức là tùy thuộc vào khả năng xác lập quan hệ với các nhân vật mới, công cụ mới để có được các điều kiện phát triển (các lợi thế phát triển do thời đại tạo ra).

+ Thứ hai, nhận xét trên có nghĩa rằng muốn phát triển thì phải gia nhập mạng toàn cầu, phải trở thành thành viên (yếu tố cấu trúc) của mạng.

+ Thứ ba, gia nhập mạng hàm chứa khả năng phải chịu "rủi ro" toàn cầu. Sự rủi ro này có nguồn gốc từ tính không thuần nhất của cấu trúc mạng (vị thế không tương đương của các yếu tố) - nguyên nhân gây ra sự bất bình đẳng thực tế giữa các yếu tố khi tham gia mạng. Trình độ phát triển càng cách xa trình độ chung của mạng thì độ rủi ro càng lớn. Song kinh nghiệm thực tế cho thấy rằng trong khi những rủi ro do tham gia mạng gây ra là mang tính tiềm ẩn thì rủi ro do không tham gia mạng là chắc chắn và lớn hơn bất kỳ rủi ro nào do tham gia mạng.

3. Tốc độ biến đổi cực cao:

Đặc điểm quan trọng bậc nhất của kinh tế tri thức là tốc độ biến đổi cực kỳ cao. Có vô số bằng chứng chứng minh điều đó.

(i) **Tốc độ sản sinh tri thức tăng theo cấp số nhân.** Theo một số tính toán, hiện nay, lượng tri thức của loài người được nhân đôi sau mỗi một 15 năm và với cấp độ chất lượng khác hẳn(*). Cách đây 100 năm, để làm việc đó, loài người cần gấp hơn 3 lần thời gian đó. Càng lùi vào quá khứ thì quãng thời gian nhân đôi tri thức càng lớn, đo bằng thế kỷ và thiên niên kỷ.

(ii) Tốc độ thay đổi giá cả:

Chi phí giao thông, truyền thông và máy tính (USD, 1990)

	Cước vận tải biển vượt đại dương và phí cảng/tấn	Cước hàng không (doanh thu 1 dặm/hành khách)	Cuộc điện thoại (3 phút từ New York tới Luân đôn)	Máy tính (chỉ số 1990=100)
1930	60	0,68	245	
1940	63	0,46	189	
1950	34	0,30	53	
1960	27	0,24	46	12.500
1970	27	0,16	32	1.947
1980	24	0,10	5	362
1990	29	0,11	3	100
	(giảm hơn 1/2)	(giảm 6 lần)	(giảm 82 lần)	(giảm 125 lần)

UNDP. Báo cáo Phát triển con người 1999.

(iii) Tốc độ ứng dụng của phát minh khoa học vào thực tiễn

Nhưng cũng có ý kiến khác cho rằng quãng thời gian đó hiện nay ngắn hơn nhiều. "Một nhà khoa học đã nhận định: "Tri thức của loài người ở thế kỷ XIX cứ khoảng 50 năm thì tăng gấp đôi; sang đầu thế kỷ XX, cứ 30 năm tăng gấp đôi; vào giữa thế kỷ XX, cứ 10 năm tăng gấp đôi; đến thập kỷ 70, cứ 5 năm tăng gấp đôi; tới thập kỷ 80, cứ 3 năm tăng gấp đôi".

Thuộc tính tốc độ biến đổi cao hàm ý:

+ Thứ nhất, sự phát triển diễn ra với độ bất định cao và việc dự đoán khả năng xảy ra các biến cố trong xu hướng chúng trở nên cực kỳ khó khăn.

+ Thứ hai, khả năng bắt kịp các nước đi trước cũng lớn như khả năng bị tụt hậu xa hơn. Mức độ hiện thực hoá mỗi một khả

năng tùy thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan, trong đó, trước hết phải kể đến tính hợp lý của mô hình và chiến lược "đi tắt" được lựa chọn cũng như quyết tâm theo đuổi nó.

+ Thứ ba, mô hình "đi tắt" để chuyển sang kinh tế tri thức là rất cao. Điều này thể hiện trong bản thân logic của quá trình hiện thực hoá tri thức gồm 5 công đoạn nêu trên và khả năng "nhảy vọt cơ cấu" theo nguyên lý chu kỳ sản phẩm của kinh tế học.

Ba đặc điểm nêu trên là những thuộc tính chủ yếu của kinh tế tri thức. Chúng cũng là nguồn gốc của mọi cơ may và rủi ro phát triển, nhất là đối với các nền kinh tế lạc hậu.

Mối quan hệ này biểu hiện ra thành hai loại thách thức. Thứ nhất là thách thức gia nhập và sinh tồn trong mạng (hay hội nhập và cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu). Thứ hai là thách thức đua tranh tốc độ để thoát khỏi nguy cơ tụt hậu phát triển. Vấn đề thời cơ phát triển được hiểu là tổ hợp của hai thách thức đó.

II. NỀN KINH TẾ TRI THỨC TRONG SƠ ĐỒ PHÁT TRIỂN TỔNG QUÁT

Về nguyên lý chung: sự xuất hiện của kinh tế tri thức không vượt khỏi sơ đồ của Marx về sự tiến hoá của lịch sử thông qua ba hình thái kinh tế.

Lược đồ ba hình thái kinh tế của Marx

	Hình thái thứ nhất	Hình thái thứ hai	Hình thái thứ ba
Định vị trong sơ đồ	Kinh tế tự nhiên, tương đương với nền kinh tế nông nghiệp và xã hội nông dân cổ truyền	Hình thái thị trường, tương đương với nền kinh tế thị trường của thời đại công nghiệp cơ khí và xã hội công nghiệp	Hình thái cộng sản chủ nghĩa, tương đương với nền kinh tế có trình độ phát triển rất cao (kinh tế tri thức có thể là một cách diễn đạt) và xã hội tự do chân chính(**)
Phương thức tồn	Tự cấp tự túc,	Phân công và	Phân công và

tại	khép kín trong từng cộng đồng nhỏ tách biệt	trao đổi bị giới hạn bởi các biên giới địa phương, quốc gia	trao đổi phổ biến thông qua mạng liên kết toàn cầu không có biên giới
Lợi thế phát triển chủ yếu	Tài nguyên thiên nhiên	Công cụ kỹ thuật = lao động vật hoá	Tri thức của con người (khoa học - công nghệ), kỹ năng lao động
Cơ sở quyền lực	Sự lệ thuộc cá nhân trực tiếp, dựa vào sở hữu ruộng đất	Sự lệ thuộc vào vật thông qua tư bản (lao động vật hoá)	Tự do cá nhân dựa trên sự phát triển toàn diện và không hạn chế của họ

Nguồn: K. Marx. Các bản thảo kinh tế 1875-1861. Trong K. Marx - F. Engels Toàn tập. Tập 46, phần I. NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội, 1998. Trang 166-167 và các trang khác.

Từ lược đồ trên, có thể rút ra một số nhận xét:

Thứ nhất, logic kinh tế được hình thành trên nền tảng logic phát triển lực lượng sản xuất. Nói đúng hơn, đó chính là logic phát triển lực lượng sản xuất trong sự biểu hiện xã hội của nó.

Thứ hai, có sự tương đồng cơ bản của nền kinh tế tri thức với hình thái kinh tế thứ ba trong sơ đồ của Marx. Dè dặt nhất cũng có thể nói rằng trong tất cả các nền kinh tế tồn tại hiện thực thì kinh tế tri thức gần hơn cả với hình thái kinh tế thứ ba (Marx coi đây là hình thái cộng sản chủ nghĩa), mang nhiều đặc trưng chất lượng cơ bản của hình thái này. Ba yếu tố chính của hình thái nêu trong lược đồ đều chứng tỏ điều đó. Riêng về cơ sở quyền lực của hình thái thứ ba, trong điều kiện hiện nay, có thể diễn dịch ra thành "tri thức và kỹ năng lao động của con người" mà không gặp một mâu thuẫn logic nào. Tuy nhiên, để chứng minh nhận định đó, cần có sự nghiên cứu và trình bày có hệ thống hơn - điều không thể thực hiện được trong khuôn khổ bài viết này.

Hàm ý quan trọng nhất của các lập luận trên mà bài viết muốn đề cập tới là ở điểm khác.

Đó là: với việc chuyển sang nền kinh tế tri thức, tức là chuyển sang một hệ phạm trù mới, nguyên lý phát triển... đã thay đổi căn bản. Nền tảng phát triển mới đòi hỏi phải cấu trúc lại toàn bộ hệ thống xã hội (bao gồm ứng xử cá nhân) dựa trên các cơ sở cũ, kể cả cơ sở công nghiệp hiện đại nhất của thời đại cơ khí - là trạng thái mà hiện nay, nền kinh tế nước ta còn chưa đạt tới. Trong nền kinh tế thông tin toàn cầu hoá, tính hệ thống (cấu trúc mạng) và sự hội nhập phát triển của các bộ phận của mạng gia tăng, ngày càng vượt ra khỏi những ràng buộc có tính địa phương về truyền thống văn hoá, tôn giáo (và hệ tư tưởng). Loài người, dù ở những mức độ không giống nhau ở từng bộ phận cụ thể, đang bị cuốn vào và bị chi phối ngày càng mạnh, càng nhanh bởi nguyên lý (quỹ đạo) phát triển mới.

* Tính không đồng nhất hay sự giao thoa các hình thái và mâu thuẫn phát triển.

Trên thực tế, sự phát triển của lịch sử không diễn ra hoàn toàn theo cách tuần tự - trực tuyến. Luôn luôn có sự giao thoa của 2 - 3 hình thái khác nhau (ba làn sóng - Toffler) trong mỗi nước và trên phạm vi toàn cầu trong từng giai đoạn phát triển xác định. Nhưng:

a) Đối với mỗi chủ thể (cá nhân, địa phương, quốc gia), ở một giai đoạn xác định, luôn luôn tồn tại một hình thái (trạng thái) chủ đạo.

b) Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, về mặt thời đại, xu hướng chủ đạo duy nhất là tiến lên kinh tế tri thức. Ít nhất thì cũng phải nói mọi quá trình phát triển hiện thực, ở bất cứ quốc gia nào cũng bị chi phối bởi xu hướng kinh tế tri thức và các yếu tố của nó như là những lực lượng quyết định.

Tính phức tạp của quá trình phát triển, thực chất của thời cơ hay thách thức nằm trong sự giao thoa - hỗn hợp của các hình thái trong khuôn khổ tồn tại một xu hướng chính như vậy. Xét trong tiến trình chung và lấy kinh tế tri thức làm mốc - mục tiêu hiện thực thì trình độ xuất phát thấp, yêu cầu tính tuần tự trong tiến trình cơ cấu, sự níu kéo của các lực lượng đại diện cho các hình thái trước là những yếu tố cơ bản gây ra cái mà Toffler gọi là "cú sốc

tương lai" (future shock), hạn chế khả năng tiếp cận đến các nguyên lý phát triển mới của xã hội và của mỗi người.

Sự khác biệt của hai hệ thống cấu trúc - cấu trúc dọc (hình tháp), dựa trên quyền lực của sở hữu đất đai (của tiền và của tư bản) và quyền lực chuyên chế, bị giới hạn trong phạm vi quốc gia, bởi năng lực quốc gia (hệ thống đóng) của xã hội nông nghiệp (và xã hội công nghiệp) và cấu trúc ngang (mạng lưới) dựa trên quyền lực của tri thức, của thông tin và của chế độ dân chủ, được thực hiện trên phạm vi thế giới, bởi năng lực toàn cầu (hệ thống mở) của xã hội thông tin là nguyên nhân làm bước chuyển cấu trúc giữa chúng trở nên vô cùng khó khăn.

Hai lực lượng chủ yếu xung đột với xu hướng đổi mới:

1. Những người được hưởng lợi từ việc duy trì cơ cấu cũ (các cá nhân và nhóm đại diện hệ thống).

2. Những người thiếu khả năng "nhập cuộc" (thiếu "tri thức", không có năng lực ? không có cơ hội).

? Giải pháp khắc phục mỗi loại yếu tố cản trở là khác nhau.

Cho loại 1: gạt bỏ, thay đổi.

Cho loại 2: tăng cường năng lực (phổ cập hoá năng lực nhập cuộc)

* Về sự giao thoa cơ cấu kinh tế: trong từng giai đoạn phát triển xác định, sự trộn lẫn của các trình độ khác nhau trong mỗi ngành hay trong toàn bộ nền kinh tế là không tránh khỏi. Đối với những nước chậm phát triển, sự tồn tại ở vị thế thống trị hay chi phối của các yếu tố thuộc cơ cấu cũ tạo nên hàng loạt ràng buộc đối với tiến trình chuyển sang kinh tế tri thức. Những ràng buộc đó là:

- Lực lượng lao động ít tri thức, thiếu kỹ năng (lao động nông nghiệp lạc hậu) chiếm tuyệt đa số làm cho bước quá độ lao động diễn ra chậm;

- Nguồn lực tài chính khan hiếm.

- Tiềm lực công nghiệp và khoa học (tri thức) yếu và thấp kém.

- Các mối liên hệ "mở" hạn chế.

Những yếu tố này tự nó chứa đựng năng lực nhập "mạng" yếu, cản trở khả năng tiếp cận các cơ hội phát triển và gây ra sự chậm chạp của quá trình biến đổi.

III. MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VIỆC LỰA CHỌN MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA XU HƯỚNG CHUYỂN SANG NỀN KINH TẾ TRI THỨC:

Nguyên tắc chung:

Việc lựa chọn mô hình phát triển của Việt Nam bị ràng buộc bởi hai điều kiện cơ bản:

i) **Tình trạng kém phát triển (nghèo + lạc hậu);**

ii) **Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế** quốc tế đòi hỏi phải đi nhanh quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế. Theo xu hướng này, việc chuyển sang kinh tế tri thức trở thành tiền đề của sự phát triển.

Mối quan hệ của hai điều kiện này chứa đựng thực chất của nguy cơ tụt hậu và thách thức phát triển mà Việt Nam đang đối mặt: tình trạng yếu kém, chậm phát triển đối diện với một thế giới phát triển cao hơn và đang biến đổi với tốc độ nhanh hơn. Trong khi đó, để phát triển được, để vượt qua được tình trạng chậm phát triển, với tất cả sự nghèo nàn và thấp kém về trình độ, Việt Nam phải nhập vào quỹ đạo phát triển của thế giới đó, vận động trong hệ thống quy tắc chung của hệ thống toàn cầu, bao gồm cả quy tắc về tốc độ.

Để phát triển, Việt Nam bắt buộc phải giải quyết nhiệm vụ "kép": i) vượt thoát khỏi sự lạc hậu của nền kinh tế và xã hội nông dân; ii) chuyển nhanh sang kinh tế tri thức (thực chất là nhảy vọt//bỏ qua một trình độ, một thời đại kỹ thuật). Hai nhiệm vụ trên cùng nằm trên một trục phát triển. Song nội dung của chúng không hoàn toàn đồng nhất. Nhiệm vụ thứ nhất nhấn mạnh đến điểm xuất phát (mục tiêu vượt thoát khỏi tình trạng hiện tại), đến logic tuần tự của sự phát triển (chuyển từ nền kinh tế nông dân - nông nghiệp, tức hình thái thứ nhất, sang nền kinh tế thị trường - công nghiệp, tức hình thái hai. Nhiệm vụ thứ hai nhấn mạnh đến đích phải đạt đến (mục tiêu hướng đích), đến logic phát triển nhảy vọt: định hướng và tạo lập cơ sở phát triển nền kinh tế tri thức (hình thái thứ ba) ngay từ khi chưa hoàn toàn thoát khỏi hình thái thứ nhất. Sự kết hợp đó tạo thành phương thức phát triển đặc thù trong thời hiện đại: vừa phải tuần tự, vừa phải nhảy vọt (bao hàm sự rút ngắn nhưng không chỉ có rút ngắn).

Tình huống bắt buộc giải quyết đồng thời hai nhiệm vụ đó đòi hỏi phải có thái độ triệt để với thị trường và mở cửa - hội nhập (định hướng thể chế: quyết định), các chính sách phải thực sự xuất phát từ mục tiêu phát triển lấy sự giàu có của nhân dân là lợi ích tối cao, là trục cốt lõi của các cân nhắc phát triển.

Cho đến nay, thực tiễn cho thấy thị trường là cơ chế phân phối nguồn lực tối ưu. Trong cơ chế này, cạnh tranh đóng vai trò là động lực phát triển mạnh nhất. Đối với nước ta hiện nay, khi xuất phát từ chỗ lấy phát triển làm lợi ích tối cao, rõ ràng cần phải đẩy nhanh quá trình cải cách thị trường (đổi mới mạnh mẽ khu vực DNNN, thực sự khuyến khích phát triển khu vực tư nhân thông qua hệ thống các chính sách thị trường trong giai đoạn ngắn và trung hạn trước mắt.

Đối với vấn đề mở cửa - hội nhập, cần quán triệt rõ không mở cửa - hội nhập thì không có bất cứ cơ hội nào để phát triển, chưa nói đến phát triển nhảy vọt. Phải nhận thức rằng không có cơ hội phát triển do không đẩy mạnh mở cửa, hội nhập chính là rủi ro lớn nhất, hơn mọi rủi ro mà hội nhập có thể gây ra. Tích cực mở cửa và hội nhập, theo nghĩa đó, là sự lựa chọn duy nhất, mang tính sống còn (tự do hoá mậu dịch, môi trường thu hút đầu tư nước ngoài, các thể chế, chính sách, quy định được sửa đổi hoàn chỉnh dần theo chuẩn mực (luật chơi) quốc tế.

iv) Một số "nút" đột phá để chuyển sang kinh tế tri thức

Nguyên tắc chung

Nhà nước cần ít can thiệp vào các quyết định đầu tư của doanh nghiệp, kể cả DNNN. Đó chủ yếu là chức năng của thị trường. Chỉ có xuất phát từ các tín hiệu định hướng của thị trường, mới có thể chuyển phương hướng đầu tư nghiêng về thay thế nhập khẩu, hướng nội, dựa vào bảo hộ, tập trung phát triển mạnh các ngành thâm dụng vốn hơn là thâm dụng lao động thời gian qua sang hướng dựa trên lợi thế, hướng vào lợi thế và nâng cao sức cạnh tranh. Để phát triển môi trường kinh doanh thị trường lành mạnh, một số điểm mấu chốt cần phải làm với vai trò quyết định của nhà nước là:

- Hạn chế tối đa xu hướng độc quyền của các DNNN và DN FDI (căn nguyên của sự hình thành các nhóm lợi ích độc quyền - hướng nội được thể chế hoá).

- Thi hành các chính sách khuyến khích xuất khẩu và cạnh tranh quốc tế.

Cơ chế thị trường chắc chắn là phương thức hữu hiệu nhất để thực hiện bước quá độ lao động (giải quyết áp lực lớn nhất hiện nay là việc làm - thất nghiệp), cũng là khâu trọng tâm của quá trình hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, có thể diễn ra thuận lợi và có hiệu quả.

Lựa chọn mô hình

* Đặt vấn đề:

Từ điểm xuất phát thấp, tiềm lực yếu, trong điều kiện sự biến đổi khoa học - công nghệ trên thế giới lại diễn ra rất nhanh, liệu nước ta có thể đạt được những thành công mong muốn trong việc tạo ra nền khoa học - công nghệ đạt tiêu chuẩn quốc tế trong một thời gian tương đối ngắn (10-20 năm) không? có thể đạt kết quả trong 4 chương trình khoa học công nghệ ưu tiên (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và công nghệ tự động hoá) đủ làm cơ sở bảo đảm cho sự phát triển kinh tế trên nền tảng tự chủ công nghệ không? v.v..

Có thể quy về một câu hỏi thể hiện rõ tính thực tiễn hơn: Bất chước hay tự sáng tạo là chính sẽ là mô hình thích hợp (hiệu quả) hơn cho nước ta trong giai đoạn 10-15 năm tới? Thực chất của vấn đề mô hình phát triển theo định hướng kinh tế tri thức ở nước ta hiện nay là xử lý mối quan hệ giữa mô hình nghiêng về tiếp thu - ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ (hay còn gọi là mô hình bắt chước công nghệ) và mô hình nghiêng về tạo lập cơ sở khoa học riêng để từ đó, phát triển nền công nghệ - công nghiệp của mình trong 10-15 năm tới. Ngắn gọn hơn, đó là vấn đề về sự lựa chọn bước đi, lựa chọn trật tự ưu tiên phát triển khoa học - công nghệ trong quan hệ với phát triển kinh tế của giai đoạn tới.

Khi giải quyết vấn đề này, mô hình phát triển Đông á đưa ra nhiều gợi ý thiết thực.

Khoảng cách khá xa về trình độ phát triển (bao gồm trình độ khoa học - công nghệ) giữa nước ta với thế giới; sự hạn chế về tiềm lực vật chất (tài chính, nền tảng vật chất - kỹ thuật) của nước ta đòi hỏi rằng phải thiết lập một trật tự ưu tiên đầu tư cho nhiệm vụ phát triển kinh tế nhanh và nhiệm vụ xây dựng một nền khoa học cơ bản đạt trình độ tiên tiến của thế giới. Về mặt kinh tế học, đây là sự lựa chọn đầu tư mang tính đánh đổi. Trên tầm nhìn dài hạn, xuất phát từ nhận thức về yêu cầu thoát khỏi nguy cơ tụt hậu phát triển và từ các kinh nghiệm, tuy là phiến diện, của mô hình phát triển Đông á, thiết nghĩ rằng sự lựa chọn hợp lý của nước ta trong giai đoạn vài chục năm tới là mô hình nghiêng về tiếp thu - ứng dụng (hay học hỏi - khai thác) khoa học - công nghệ thế giới để đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế. Đương nhiên, sự lựa chọn này không có nghĩa là tuyên nhiên bỏ mặc khoa học. Vấn đề đặt ra là rõ ràng: cần ưu tiên đầu tư cho hoạt động tiếp thu - ứng dụng các thành tựu phát triển cao đã có sẵn trên thế giới; chỉ tập trung ưu tiên cho hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản một số hướng mà ta có thể và có triển vọng lâu dài trên phạm vi toàn cầu.

Trong quan hệ với định hướng phát triển kinh tế tri thức, một trong những nội dung quan trọng nhất của mô hình phát triển là phát triển nguồn nhân lực, trong đó, mấu chốt là phát triển hệ thống giáo dục - đào tạo.

Một yêu cầu gay gắt đang đặt ra cho nước ta là phải nhanh chóng cải cách căn bản hệ thống giáo dục - đào tạo. Tính hiển nhiên của yêu cầu này càng rõ ràng khi đặt tình trạng hệ thống giáo dục - đào tạo hiện thời đối diện với định hướng phát triển nền kinh tế tri thức.

Về nguyên tắc, điểm đầu tiên, có tính quyết định đối với toàn bộ nhiệm vụ cải cách hệ thống giáo dục - đào tạo là thay đổi quan niệm, từ chỗ coi giáo dục - đào tạo là hoạt động mang tính phúc lợi là chính sang quan niệm coi đây là hoạt động đầu tư là chính, thậm chí là đầu tư trọng điểm nhất.

Cần nhận thức rõ rằng dưới sự chi phối của quan niệm coi giáo dục - đào tạo là hoạt động mang tính phúc lợi là chính, khó có thể (thậm chí không thể) nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo theo kịp yêu cầu, không thể nâng cao hiệu quả đầu tư cho lĩnh vực này. Việc duy trì quan niệm đó cũng làm cho nhiệm vụ cải cách, đổi mới

chương trình giáo dục - đào tạo trở nên thiếu tính khả thi. Việc chuyển sang cách nhìn đầu tư là cách thức giúp hoạt động giáo dục - đào tạo vận hành theo các nguyên tắc phù hợp với cơ chế thị trường, bảo đảm cho định hướng sản phẩm của hệ thống giáo dục - đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế. Một cách trực tiếp, sự thay đổi quan niệm đó sẽ quyết định khả năng chuyển hướng cơ cấu đầu tư xã hội, trước hết là đầu tư nhà nước cho giáo dục - đào tạo, khả năng phối hợp tốt hơn các kênh giáo dục - đào tạo đang ngày càng mở rộng.

** Một số vấn đề "mở" liên quan đến mô hình phát triển*

Thứ nhất, tri thức là loại sản phẩm mang nặng đặc trưng của hàng hoá công cộng, hiện nay lại có đặc điểm là i) hầu như trực tiếp trở thành lực lượng sản xuất (ứng dụng rất nhanh) và ii) chi phí ban đầu rất lớn. Từ các đặc điểm đó, nảy sinh hàng loạt vấn đề: trong điều kiện tiềm lực phát triển của nước ta (tiềm lực nhà nước, tiềm lực doanh nghiệp, tiềm lực gia đình, cá nhân),

+ Ai, nhà nước hay doanh nghiệp là người chịu trách nhiệm chính trong sáng tạo khoa học?

+ Nếu doanh nghiệp cũng là một nhân vật sáng tạo chính thì đó là những doanh nghiệp nào (tiềm lực tài chính, công nghệ - kỹ thuật, v.v..)? Việt Nam có các doanh nghiệp đó chưa?

+ Cấu trúc doanh nghiệp nào bảo đảm thực hiện các khâu hiện thực hoá tri thức còn lại (thu nhận, đồng hoá, sử dụng, truyền bá)?

+ Trong chiến lược phát triển quốc gia, các công ty xuyên quốc gia có vị thế như thế nào để giải quyết vấn đề đó?

Thứ hai, mở cửa thông tin: nguồn đầu tư ban đầu và các rủi ro.

Mở rộng các kênh giao tiếp quốc tế là điều kiện sống còn để nước nghèo có thể tiếp cận được tri thức (thương mại quốc tế, đầu tư nước ngoài, mạng viễn thông, nối internet, liên kết khoa học, v.v..). Song đối với nước nghèo, ít nhất có ba vấn đề nảy sinh:

+ Vốn đầu tư để phát triển hệ thống giao tiếp.

+ Chi phí giao tiếp (ví dụ chi phí điện thoại và internet của ta quá cao).

+ Các rủi ro văn hoá - đạo đức - chính trị: cơ chế phòng ngừa là gì? Điều kiện tài chính - vật chất - kỹ thuật để thực hiện sự phòng ngừa?

** Các điều kiện tối thiểu để "nhập cuộc":*

Để có thể hội nhập phát triển, để mở rộng cơ hội tiếp cận và tận dụng các lợi thế phát triển mà thời đại đã tạo ra, nước đi sau phải có những điều kiện tối thiểu để nhập cuộc. Từ tầm nhìn kinh tế tri thức, có thể nêu một số điều kiện "nhập cuộc" tối thiểu là:

+ Phổ cập giáo dục ở bậc cao;

+ Phổ cập công nghệ thông tin, trước tiên là trong nhà trường, kể từ cấp tiểu học;

+ Phổ cập ngoại ngữ (ít nhất là tiếng Anh) từ cấp tiểu học.

Việc xác định những điều kiện tối thiểu như vậy cho thấy cách đặt vấn đề mới hoàn toàn về nguyên tắc đối với khái niệm "phổ cập giáo dục". Nhưng có lẽ chỉ có cách đặt vấn đề như vậy mới phù hợp với logic chuyển đổi hệ phạm trù, từ hệ thống kinh tế nông nghiệp và kinh tế công nghiệp "ống khói" sang kinh tế tri thức./.

(*) Nhưng cũng có ý kiến khác cho rằng quãng thời gian đó hiện nay ngắn hơn nhiều. "Một nhà khoa học đã nhận định: "Tri thức của loài người ở thế kỷ XIX cứ khoảng 50 năm thì tăng gấp đôi; sang đầu thế kỷ XX, cứ 30 năm tăng gấp đôi; vào giữa thế kỷ XX, cứ 10 năm tăng gấp đôi; đến thập kỷ 70, cứ 5 năm tăng gấp đôi; tới thập kỷ 80, cứ 3 năm tăng gấp đôi". Công nghệ sinh học, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 3.

(**) Ghi chú: Có thể có một vài cách diễn đạt khác về trạng thái phát triển này như xã hội hậu công nghiệp, kỷ nguyên thông tin, v.v.. Tuy nhiên, mọi cách diễn đạt đều tỏ ra chưa đủ sức khái quát. Cùng lắm, chúng cũng chỉ biểu thị một cách phiến diện xu hướng tiến đến hình thái thứ ba trong sơ đồ của Marx mà thôi.

VỀ CON ĐƯỜNG XÂY DỰNG KINH TẾ TRI THỨC Ở NƯỚC TA

GS. PHAN ĐÌNH DIỆU

Đại học Quốc gia Hà nội

Chỉ mới trong một thời gian ngắn mà những khái niệm như "kinh tế thông tin", "kinh tế tri thức" tưởng như xa lạ với chúng ta đã nhanh chóng trở thành hiện thực trên phạm vi toàn cầu, và đối với chúng ta đòi hỏi hội nhập vào nền kinh tế tri thức có tính toàn cầu đó đã trở thành điều không cưỡng được. Một câu hỏi lớn đối với chúng ta là: từ thực trạng kinh tế-xã hội hiện nay, ta có thể xây dựng "kinh tế tri thức" được không? Và nếu có thể, thì cần kết hợp ra sao với nhiệm vụ mà chúng ta đang cố gắng thực hiện trong giai đoạn hiện nay là chuyển biến nền kinh tế nông nghiệp và thực hiện "công nghiệp hoá"? Ta biết rằng không thể đốt cháy giai đoạn, và vì vậy, chỉ có cách là phải nỗ lực bằng hai để thực hiện một nhiệm vụ kép, hay nói chính xác hơn là phải tìm cách kết hợp để thực hiện cả hai nhiệm vụ đó một cách đồng thời, "tuy hai mà một", hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau trong một quan niệm thống nhất; nỗ lực bằng hai trước hết phải là nỗ lực đổi mới chính mình, về tư duy, về nhận thức để có quyết tâm lớn tạo dựng những yếu tố nền móng cho sự phát triển kinh tế tri thức ngay trong điều kiện hiện tại. Trong hai bài nghiên cứu trước đây(*) tôi đã trình bày một số nhận thức về những đặc điểm của nền kinh tế tri thức và xã hội tri thức, về bản thân khái niệm tri thức, các loại tri thức và vai trò của chúng trong việc làm nên sự giàu có của kinh tế, v.v... Vì vậy, trong bài này tôi chỉ xin góp vài ý kiến để cùng trao đổi nhận thức về vấn đề cấp thiết đã nói ở trên là ta cần và có thể làm gì để trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới hiện nay, kết hợp xây dựng dần những

yếu tố nền móng cho một nền kinh tế tri thức của nước ta. Để làm rõ các ý kiến, trước hết tôi xin trình bày sơ lược vài nhận thức về các nguồn lực chủ yếu của nền kinh tế tri thức nói chung, tức cũng là những nguồn vốn cần thiết để phát triển kinh tế tri thức, rồi sau đó xin kiến nghị một số giải pháp có thể thực hiện (hay cần tiếp tục thực hiện) ngay trong điều kiện hiện tại để gây dựng ba nguồn vốn nền tảng có tầm quan trọng quốc gia đối với việc xây dựng kinh tế tri thức, mà ta có thể tạm gọi là: *vốn về kết cấu hạ tầng, vốn con người và vốn xã hội*.

I. VỀ NGUỒN LỰC CHỦ YẾU CỦA KINH TẾ TRI THỨC

Nếu đối với các nền kinh tế truyền thống, các nguồn lực chủ yếu là lao động và vốn (bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên), thì đối với kinh tế tri thức, nguồn lực chủ yếu là thông tin và tri thức. Tìm hiểu các vấn đề cơ bản: thực chất thông tin và tri thức là gì, thông tin và tri thức tạo nên của cải và sự giàu có như thế nào, làm sao để có được thông tin và tri thức, và tăng được *năng lực tạo tri thức* của một xã hội, ... là có ý nghĩa quan trọng đầu tiên để hiểu được thế nào là kinh tế tri thức.

Nói chung, tri thức là những hiểu biết của con người. Có nhiều loại hiểu biết ở những mức độ và phạm vi khác nhau; một cách khái quát có thể nói: biết *cái gì* là ở mức độ thông tin, biết *tại sao* là ở mức độ các tri thức khoa học, biết *làm thế nào* là những hiểu biết về công nghệ, biết *ai và với ai* là các tri thức xã hội, và biết ở đâu và lúc nào là những hiểu biết cần thiết về kinh doanh, thương mại và làm kinh tế nói chung. Mỗi loại tri thức đó đều có tầm quan trọng của mình, ngày nay, cùng với các tri thức khoa học kỹ thuật và công nghệ, các tri thức về xã hội, về tổ chức và quản lý, ngày càng phát triển phong phú và có ý nghĩa to lớn, nhiều trường hợp là quyết định, trong việc tạo nên sự giàu có của một nền kinh tế (**).

Tri thức làm ra của cải là do: a) hàm lượng tri thức chứa trong các sản phẩm và dịch vụ ngày càng nhiều, do đó các sản phẩm và dịch vụ luôn có chất lượng ngày càng cao, số lượng các mặt hàng ngày càng phong phú; ngày càng có thêm nhiều sản phẩm và dịch vụ mà nội dung chủ yếu là thông tin và tri thức; b) tri thức là yếu tố chủ yếu trong việc tổ chức làm ra nhiều hàng hoá (sản phẩm và dịch vụ) và biến hàng hoá thành lợi nhuận, đó là tri thức trong tổ chức và quản lý kinh tế, trong kinh doanh, thương mại, v.v... Để có

sức cạnh tranh trong môi trường mà "tri thức làm ra của cải" đó, điều cốt yếu là phải có năng lực tiếp thụ nhiều tri thức mới và *sáng tạo ra nhiều tri thức mới*.

Theo truyền thống từ trước, khi nói đến tri thức ta thường hiểu là tri thức khoa học, những tri thức dưới dạng các định luật, định lý,... có tính phổ biến cao, giúp con người nhận thức, lý giải nhiều hiện tượng trong tự nhiên, xã hội, và giúp tạo ra các kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất. Tất nhiên, những tri thức loại đó là rất quý, và luôn luôn có giá trị hết sức to lớn. Nhưng, trong đời sống sản xuất, kinh doanh hàng ngày, còn có rất nhiều những loại tri thức đời thường, từ các sáng kiến cải tiến sản phẩm hàng hoá và dịch vụ đến các hiểu biết, kinh nghiệm về kinh doanh, buôn bán, về những "qui luật" cục bộ của thị trường, v.v... , những tri thức như vậy thường có tác dụng đến việc "làm giàu" rất nhanh và rất trực tiếp, phạm vi của chúng thì rất mênh mông, thiên biến vạn hoá, càng phong phú và đa dạng trong điều kiện thị trường phát triển và mở rộng. Trước đây, những nguồn thông tin và tri thức đó chỉ tồn tại đơn lẻ và tác dụng ít được thấy rõ. Từ vài ba thập niên gần đây, với sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin, công việc tin học hoá trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế, xã hội được đẩy mạnh, các thông tin và tri thức đời thường đó được thu thập, lưu trữ, phân tích, xử lý, được tinh luyện và được sử dụng ngày càng rộng rãi trong sự kết hợp có hiệu quả với các loại tri thức cơ bản khác. Chủ thể tạo ra các tri thức đời thường đó có thể là mọi người lao động có ý thức trong sản xuất, kinh doanh, quản lý kinh tế, và nói chung trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội.

Nguồn vốn cơ bản cho một nền kinh tế tri thức có thể xem là gồm ba phần chủ yếu: vốn về kết cấu hạ tầng để cung cấp phương tiện kỹ thuật hiện đại và môi trường thuận lợi cho việc lưu trữ, truyền đưa, xử lý và trao đổi thông tin cùng các hoạt động thông tin và tri thức trong nền kinh tế và xã hội; vốn con người với những con người có tri thức và có năng lực tạo tri thức trong mọi lĩnh vực hoạt động, những con người này sẽ dần chiếm đa số người lao động trong đất nước; và phần rất quan trọng là vốn xã hội, bao gồm các cơ cấu tổ chức và vận hành các quan hệ kinh tế và xã hội, thể hiện qua các thể chế, định chế, các năng lực tổ chức và tự tổ chức, các khả năng tái cấu trúc một cách linh hoạt, thích nghi và sáng tạo, v.v... trên cơ sở những tri thức kinh tế và xã hội hiện đại, luôn được cập nhật và

đổi mới, để luôn tạo được môi trường xã hội thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Để xây dựng nền móng cho một nền kinh tế tri thức trong tương lai, ta cần và có thể gây dựng và tích lũy dần ngay từ bây giờ các nguồn vốn cơ bản đó.

II. MỘT KẾT CẤU HẠ TẦNG THÔNG TIN VỮNG MẠNH CHO ĐẤT NƯỚC

Việc tạo vốn kết cấu hạ tầng cho kinh tế tri thức trong giai đoạn khởi đầu hiện nay chính là việc xây dựng *kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia* đã được đề cập đến trong Nghị quyết 49/CP của Chính phủ từ năm 1993. Kết cấu hạ tầng thông tin đó bao gồm hệ thống các mạng truyền thông-máy tính phủ khắp đất nước với phong phú các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong mọi lĩnh vực, trong các cơ quan quản lý kinh tế, hành chính, trong các doanh nghiệp, các cơ sở khoa học, giáo dục, y tế, văn hoá,..., nối với các mạng thông tin toàn cầu, có khả năng sẵn sàng cung cấp mọi thông tin cần thiết đến mọi người sử dụng, tiến tới là môi trường chung trên đó tiến hành các loại hoạt động kinh tế, thương mại, văn hoá, giáo dục, v.v... Để thực hiện Nghị quyết nói trên, một Chương trình quốc gia về CNTT đã được thành lập và Chính phủ đã phê duyệt một bản Kế hoạch tổng thể cho Chương trình, trong đó việc xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin đã chiếm một vị trí quan trọng với hàng loạt các dự án Tin học hoá đối với các khu vực quản lý, kinh tế, tài chính, thương mại, kinh doanh,... Rất tiếc là, mấy năm gần đây, Chương trình CNTT theo các nội dung đó về thực chất đã bị xoá sổ, các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia không còn được mấy quan tâm. Nói đúng ra thì ta cũng đã chi khá nhiều tiền để mua (và để đổi mới) nhiều máy tính, nối mạng khá rộng rãi, nối với Internet và do đó bắt đầu có khả năng thu thập được nhiều thông tin bên ngoài từ các nguồn Internet, v.v... Nhưng, điều chủ yếu nhất là trên các mạng và các máy tính đó, phần thông tin của ta, do ta và phục vụ thiết thực cho việc nâng cao năng lực thông tin của ta trong các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh cũng như trong các hoạt động văn hoá, giáo dục, khoa học, thì gần như chưa có được bao nhiêu. Về cơ bản, nước ta vẫn là nước nghèo thông tin và tri thức, nền kinh tế vẫn là chậm phát triển và kém sức cạnh tranh trên thế giới.

Tất nhiên, đối với việc xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin cho đất nước, bỏ nhiều tiền của ra để sắm được nhiều máy, nhiều mạng với công nghệ tiên tiến của thế giới, tạo nên một vẻ ngoài "hiện đại" dễ coi thì không cần nhiều công sức, nhưng để thật sự có được phần "nội dung thông tin" phong phú, tức là "phần hồn", phần huyết mạch đầy sức sống chảy qua các máy, các mạng đó thì đòi hỏi nhiều công sức, trí tuệ và tâm huyết. Xây dựng các cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin trong mọi lĩnh vực, trong các cơ quan quản lý kinh tế, tài chính, các doanh nghiệp, các cơ sở khoa học, giáo dục, y tế, văn hoá, ..., ứng dụng Công nghệ thông tin để tổ chức truy cập, khai thác, tìm kiếm từ đó những thông tin và tri thức hữu ích đáp ứng các yêu cầu phong phú và đa dạng của mọi mặt trong đời sống sản xuất và kinh doanh, trong các hoạt động kinh tế và xã hội,... dĩ nhiên không phải là việc dễ, nhưng tôi nghĩ là không ngoài tầm cố gắng của đông đảo các năng lực khoa học và công nghệ năng động và sáng tạo của đất nước ta, nếu được khuyến khích đúng hướng. Mặt khác, việc xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia liên quan đến mọi ngành, mọi cấp, nên trong điều kiện cụ thể của nước ta, cần có một sự phối hợp chỉ đạo ở tầm quốc gia do Chính phủ đảm nhiệm. Trong thời gian đầu thực hiện Nghị quyết 49/CP, đã hình thành được một sự chỉ đạo như vậy, nhưng rồi sau đó đã không được tiếp tục. Và nội dung "xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin", yếu tố nền tảng để phát huy mọi nguồn lực thông tin và tri thức cho hiện đại hoá nền kinh tế nước ta, một công việc chuẩn bị cơ bản cho đất nước ta hội nhập thành công vào nền kinh tế thông tin toàn cầu hoá trong tương lai, bị bỏ mặc để ai muốn tự xoay xử ra sao cũng được, nên chẳng hay chớ, và nền kinh tế đất nước thì năm này sang năm khác, vẫn được liệt vào loại "nghèo đói về thông tin"! Giờ đây, vào năm cuối cùng của thập niên 90, có lẽ cũng nên kiểm điểm lại việc thực hiện những gì đã từng vạch ra cho thập niên đó, và hoạch định tiếp tục việc xây dựng tích cực, khẩn trương một kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia, làm nền tảng cho việc phát triển các yếu tố của kinh tế thông tin ở nước ta.

III. MỘT HỆ THỐNG GIÁO DỤC TIÊN TIẾN VÀ LÀNH MẠNH

Để tạo vốn *con người* cho kinh tế tri thức thì trước hết phải có một nền giáo dục tiên tiến và lành mạnh, và rồi tiếp đó là phát

triển một xã hội học tập, mọi người đều có ham muốn học, có điều kiện để học và tự học, học liên tục, học suốt đời.

Một nền kinh tế, một xã hội dựa chủ yếu vào nguồn lực thông tin và tri thức chỉ có thể phát triển nếu nguồn lực đó dồi dào, phong phú. Và điều đó phụ thuộc chủ yếu vào việc ta có thể biến đổi nền giáo dục yếu kém, chuộng hư danh hình thức hiện nay nhanh chóng thành một nền giáo dục tiên tiến, lành mạnh hay không? Mấy năm gần đây, ta được nghe nhiều phê phán gay gắt (và nói chung là đúng) đối với các yếu kém của nền giáo dục hiện tại, và những đòi hỏi bức thiết phải cải cách. Nhưng, có lẽ cũng nên suy nghĩ một cách công bằng là mọi thành tích cũng như mọi yếu kém của nền giáo dục đều liên quan chặt chẽ với những thành tích và yếu kém của bản thân hệ thống kinh tế xã hội của nước ta trong giai đoạn vừa qua. Người ta còn ham có những bằng cấp rỗng, những hàm vị hư danh, hình thức,... là vì trong môi trường xã hội hiện nay, những thứ đó đôi khi còn dễ tìm đường đạt tới lợi, tới quyền hơn là những năng lực đích thực. Vì vậy, tuy không đơn giản và không thể giải quyết trong ngày một ngày hai, nhưng ta cũng phải nhìn nhận rằng nhân tố có tác động cơ bản nhất đối với một chuyển biến thực sự trong giáo dục là đẩy mạnh công cuộc cải cách kinh tế, cải cách hành chính để tạo ra một môi trường kinh tế xã hội lành mạnh, trong đó mọi lực lượng lao động có năng lực thực, có tri thức thực luôn tìm được cơ hội để vươn lên trong cuộc sống, thu hẹp dần phần đất của những dối trá và tiêu cực, từ đó mà xây đắp dần một mục tiêu và động lực đúng đắn, rõ ràng, không màu mè, cho việc học.

Hiện nay, ngành giáo dục đào tạo đang đề xuất và thực hiện nhiều biện pháp tình thế để giải quyết những yêu cầu bức bách mà xã hội đòi hỏi (như chương trình "nặng", học nhồi nhét, học thêm dạy thêm, thi cử nặng nề,...), đồng thời cũng đang nghiên cứu dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục đào tạo cho tương lai (trước mắt đến năm 2010). Đó là những công việc khó khăn, phức tạp, cũng đòi hỏi được nhìn nhận trên cơ sở một tư duy đổi mới, đặc biệt là phải kết hợp với yêu cầu tạo nguồn vốn con người cho sự phát triển kinh tế tri thức.

Trong tình hình hiện nay, việc đầu tư suy nghĩ để hoạch định một Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo cũng không thể tách rời việc tìm kiếm các *giải pháp đột phá* nhằm khắc phục những yếu

kém hiện tại, và là cũng nhằm dọn đường cho việc thực hiện Chiến lược trong tương lai. Ngoài giải pháp chung về cải cách kinh tế, cải cách hành chính để tạo môi trường trong sạch cho giáo dục, thì tôi nghĩ là phải có giải pháp sớm đối với các vấn đề cấp thiết sau đây: 1) cải thiện đời sống và bồi dưỡng năng lực chuyên môn thường xuyên cho thầy giáo để họ có điều kiện toàn tâm toàn ý cho việc dạy học và tham gia các công việc giáo dục và đào tạo; 2) cải cách các chế độ thi cử, tuyển chọn, tuyển dụng,... để khắc phục tình trạng học chỉ để thi, học vì bằng cấp, nạn bằng giả, học vị rởm,...; 3) tổ chức chu đáo việc nghiên cứu cải cách chương trình và nội dung dạy học, biên soạn sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy có chất lượng một cách thích hợp ở mọi cấp học; 4) tích cực ứng dụng CNTT và sử dụng Internet trong giáo dục và đào tạo, trong việc dạy và học, phát triển dần các hình thức tự học,... 5) và để thực hiện các giải pháp đó thì giải pháp quan trọng nhất là phải tìm cách huy động mọi nguồn đầu tư trong xã hội cho giáo dục và đào tạo, trước hết là tăng ngân sách, ít nhất cũng phải được khoảng 23-25% như nhiều nước trong khu vực.

Về chuẩn bị Chiến lược cho tương lai, tôi nghĩ cần có một tư duy mới, một cách nhìn mới về xã hội mà ta sẽ tiến đến, về nền kinh tế tri thức mà ta muốn xây dựng, về những phẩm chất mà con người cần có trong một xã hội và một nền kinh tế như vậy, từ đó mà suy nghĩ về cách tổ chức một nền giáo dục tương ứng. Nói một cách đơn giản thì hai phẩm chất mà con người vốn đã từng cần có, và lại càng cần có trong một xã hội thông tin và tri thức tương lai là: một vốn tri thức cơ bản cùng với lòng ham hiểu biết và sáng tạo, và một ý thức trách nhiệm xã hội (với gia đình, với tập thể, với cộng đồng, với đất nước). Tri thức và sáng tạo là hết sức đa dạng, mỗi người một cách, tùy tâm tùy tài. Vì vậy, một nền giáo dục lấy mục tiêu là đào tạo con người với hai phẩm chất nói trên sẽ không thể là một nền giáo dục đồng đều, đơn điệu, mà phải phong phú, đa dạng, hướng tới người học, phát huy mọi năng lực sáng tạo đặc thù của mọi cá nhân. Từ đó, trong cấu trúc chương trình học, ngoài phần cơ bản chung phải tăng cường các phần tự chọn, tùy theo năng khiếu,... Cùng với các nội dung khoa học, phải tăng cường các nội dung văn hoá, thẩm mỹ, lịch sử, triết học,... Phương pháp dạy và học phải khuyến khích và phát huy mọi ham thích tự tìm kiếm, độc lập suy nghĩ và sáng tạo của người học. Hình thức tổ chức việc học

theo kiểu trường lớp hiện nay chắc sẽ được bổ sung và cải tiến theo hướng phát triển mạnh các hình thức học ngoài trường lớp, học qua mạng, tự học và học bất kể thời gian nào,... Thi cử, bằng cấp, học vị chỉ có ý nghĩa đánh dấu một giai đoạn học, chứ tuyệt đối không mang một ý nghĩa quyết định nào đối với việc tuyển chọn, sắp xếp, qui định vị trí xã hội.

Cải cách việc dạy và học trong hệ thống nhà trường đã là một sự nghiệp to lớn, nhưng rồi tạo ra cho được một *xã hội học tập*, một nền giáo dục cho mọi người và cho suốt đời còn đòi hỏi công sức, tâm huyết to lớn hơn nhiều. Như trên đã nói, nền kinh tế tri thức phải được phát triển trên cơ sở một vốn tri thức và một năng lực tạo tri thức phong phú từ mọi người lao động trong xã hội, nên việc kiến tạo môi trường thuận lợi cho một xã hội học tập, trong đó mọi người lao động luôn có khả năng tiếp cận đến mọi nguồn tri thức cần thiết, có điều kiện học hỏi và tìm kiếm sáng tạo, cũng cần được tính đến ngay từ bây giờ.

IV. TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TƯ DUY, ĐẶC BIỆT VỀ KINH TẾ XÃ HỘI

Để tạo được nguồn vốn xã hội phong phú theo nghĩa trình bày ở trên, tức là một nguồn vốn trí tuệ phong phú, nhiều ý tưởng mới và sáng tạo, làm nên sức năng động, linh hoạt, có khả năng thích nghi và đổi mới một cách nhạy bén của nền kinh tế và xã hội, thì việc thường xuyên đổi mới tư duy về kinh tế xã hội là có ý nghĩa quyết định. Sự chuyển biến sang kinh tế tri thức thường đòi hỏi những cải cách quyết liệt, đôi khi là những sự "huỷ diệt sáng tạo" (creative destruction), không phá bỏ cái cũ thì không thể mở đường cho việc sáng tạo cái mới, mà kinh tế tri thức thì chỉ có thể phát triển tn mao của bước chuyển biến có tính chất toàn cầu: chuyển biến sang một nền kinh tế dựa chủ yếu trên các nguồn lực thông tin và tri thức, một xã hội thông tin và tri thức. Và yêu cầu *đổi mới tư duy, đổi mới nhận thức* để thích nghi và phát triển trong môi trường mới đó của một nền kinh tế thị trường "toàn cầu hoá" đã trở nên cần thiết và cấp bách đối với mọi quốc gia, và tất nhiên lại càng cần thiết và cấp bách đối với những nước còn chậm phát triển như nước ta.

Từ giữa những năm 80, khi bắt đầu công cuộc đổi mới, nước ta thực sự đã bước vào một giai đoạn *tự chuyển biến* đầy kịch lệ và cũng đầy khó khăn, phức tạp. Giai đoạn tự chuyển biến này được

thực hiện nhanh hay chậm, hoàn thành sớm hay muộn, chủ yếu là tùy thuộc vào năng lực nội sinh của chúng ta. Đã có nhiều chính sách mới mở đường cho việc giải phóng và phát huy những nhân tố tích cực trong kinh tế và xã hội, tạo nên những nét khởi sắc trong đời sống của đất nước, đó là điều mà ai cũng thấy rõ. Nhưng, đang trong giai đoạn chuyển biến, tức cũng là trong tình trạng giao thời của sự sinh thành từ một trật tự cũ không còn thích hợp sang một trật tự mới có khả năng đáp ứng tốt hơn mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh", quá trình lớn mạnh của những nhân tố mới, tích cực, có khả năng vượt trội và thay thế dần sự níu kéo của các yếu tố cũ không còn thích hợp, đã và còn diễn ra không đơn giản. Sự biến đổi đó xảy ra thường xuyên trong mỗi con người, trong các tổ chức và trong toàn xã hội. Và vì thế ta không lấy làm lạ là trong mọi lĩnh vực, từ kinh tế đến văn hoá, xã hội, giáo dục,... bên cạnh những thành quả tích cực mà khó khăn lắm mới đạt được, vẫn còn đầy những tiêu cực phi lý làm nhức nhối lòng người. Trong lĩnh vực kinh tế, sự giằng co giữa cái mới và cái cũ diễn ra một cách quanh co, phức tạp. Cuộc *cải cách cơ cấu*, yếu tố then chốt để xoay chuyển cơ bản tình hình, vẫn diễn ra chậm chạp, nửa vời. Mấy năm gần đây, Nhà nước đã liên tục ban hành nhiều luật lệ, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho việc làm ăn, kinh doanh, nhưng tác động thực tế chưa lớn.

Từ đầu công cuộc đổi mới, ta đã xem rất đúng rằng *đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế* là điều có ý nghĩa quyết định nhất. Quả thực, trên thế giới trong mấy thập niên vừa qua, những tư duy về kinh tế, về thị trường, về tổ chức và quản lý kinh tế, về hoạt động kinh doanh,... có nhiều đổi mới sâu sắc, những tư duy mới đó không phải là xa lạ với nhiều nhà kinh tế, nhiều doanh nhân của nước ta. Nhưng đáng tiếc là, những tư duy mới đó chưa được phản ánh một cách nhất quán trong những quan điểm cơ bản về đường lối cải cách kinh tế của ta. Để có đủ niềm tin vào sự cần thiết phải có những tư duy mới, ta cần hiểu rằng mọi cách tư duy và nhận thức đều là tương đối, và những tư duy mới là nhằm: một mặt, dựa trên những thành tựu khoa học mới giúp chúng ta có những hiểu biết sâu sắc hơn, bản chất hơn về đối tượng nhận thức mà những cách tư duy cũ thường chỉ cho ta những hiểu biết sơ lược, đơn giản; mặt khác, giúp ta những nhận thức mới do bản thân đối tượng đã có nhiều biến đổi và đang liên tục biến đổi. Tư duy mới về kinh tế

gồm cả hai mặt nói trên, tức vừa là mới do có cách nhìn mới, và vừa là mới do bản thân nền kinh tế liên tục có những chuyển biến mới.

Với cách nhìn mới, cách nhìn hệ thống, đặc biệt với những phát triển gần đây của các lý thuyết về các hệ thống phi tuyến và liên tác là các mô hình phản ánh tốt hơn các đối tượng phức tạp như kinh tế xã hội, trong đó có những cơ chế tạo nên tính vượt trội của hệ thống, cơ chế chuyển đổi từ hỗn độn sang trật tự và ngược lại, khả năng tự tổ chức của hệ thống,..., ta có những cách lý giải mềm dẻo hơn, linh hoạt hơn về các mối quan hệ phức tạp và đa dạng trong một nền kinh tế, trong sự vận hành của cơ chế thị trường, về những sức mạnh nội tại của các cơ chế tự tổ chức và phát triển trong các hệ thống phức tạp, v.v... Nền kinh tế tri thức thế giới đang và sẽ phát triển theo xu thế toàn cầu hoá, thực chất đó là toàn cầu hoá của một nền kinh tế thị trường dựa chủ yếu trên những nguồn lực rất năng động và dễ biến động như tài chính, thông tin và tri thức, những nguồn lực gần như không có biên giới về không gian và cách biệt về thời gian. Một nền kinh tế như vậy không chỉ tuân theo những "qui luật" kinh điển mà ta đã biết, mà còn chịu tác động của những qui luật mới của cơ chế tự tăng cường, của các liên hệ ngược dương, của luật "tỷ suất lợi nhuận tăng",... Những yếu tố bất định, bất ổn định, khó tiên đoán được ngày càng nhiều,... Tính chất của hàng hoá và thị trường, đặc biệt là bản chất của tính cạnh tranh, của những ưu thế cạnh tranh trên thị trường, đang có những biến đổi sâu sắc.

Đổi mới nhận thức về sự phát triển của nền kinh tế thị trường hiện đại và về yêu cầu hội nhập có ý nghĩa sống còn của chúng ta vào xu thế chung đó dẫn đến đòi hỏi tất yếu phải đổi mới tư duy về tổ chức và quản lý kinh tế. Có được trang bị những tư duy mới năng động hơn, linh hoạt hơn, nhiều sức sống hơn, thì mới đủ niềm tin để khắc phục những nếp tư duy cũ đã trở thành trì trệ, cản đường cho sự sống mới phát triển. Hơn bao giờ hết, vào lúc này đây, ta cần xác lập và thường xuyên bồi dưỡng một tư duy mới để vững bước tiếp tục con đường cải cách, trước mắt xoá bỏ mọi rào cản để mọi yếu tố tích cực, năng động được tự do phát triển trong một nền kinh tế thị trường lành mạnh, và rồi sau đó tiếp tục chăm lo tạo môi trường thuận lợi cho mọi nhân tố mới, mọi tài năng mới được tự do nảy nở và đua tranh, làm cho đất nước ta dần giàu mạnh trong một nền kinh tế tri thức, vững vàng với tư thế bình đẳng tiến vào con đường

hội nhập chung với thế giới. Những năng lực quan trọng nhất mà ta cần có là năng lực thích nghi, đổi mới và sáng tạo trên cơ sở một trí tuệ rộng mở để luôn tìm được đường phát triển trong một thế giới thường xuyên biến đổi.

KẾT LUẬN

Con đường hội nhập đối với ta là tất yếu. Xây dựng được cho mình những yếu tố ngày càng mạnh của kinh tế tri thức là cách duy nhất để có được năng lực cạnh tranh, do đó mà hợp tác một cách bình đẳng trong sự hội nhập đó. Đối với ta, xây dựng kinh tế tri thức chắc không dễ dàng. Tái cấu trúc nền kinh tế và xã hội, đối với mọi quốc gia đều đã là khó khăn, đối với ta lại càng thêm khó khăn vì sự nghiệp công nghiệp hoá mới bắt đầu và nền kinh tế thị trường cũng còn đang ở những bước đầu chập choạng. Nhưng kinh nghiệm của nhiều nước có điều kiện xuất phát gần ta hoặc hơn ta không nhiều cũng đã cho ta nhiều tấm gương sáng. Ta tin vào khả năng vượt khó khăn của dân tộc ta một khi ta biết được khó khăn là ở đâu. Do đó, chúng ta tin tưởng vào tương lai của một nền kinh tế tri thức, một xã hội tri thức sẽ được phát triển trên đất nước ta. Và để củng cố niềm tin đó, tôi xin nhắc một câu mà Peter Drucker, một tác giả nổi tiếng của nhiều tác phẩm về khoa học kinh tế và quản lý hiện đại, mới viết gần đây (1998): "Cuộc cách mạng thông tin đang trên đường tiến tới. Đó không chỉ là cuộc cách mạng về công nghệ, về máy móc, về kỹ thuật, về phần mềm, hay về tốc độ. Đó trước hết là cuộc cách mạng về *các quan niệm*..."./.

(*) Xã hội Tri thức và vài suy nghĩ về con đường hội nhập của chúng ta, *Tạp chí Xã hội học*, Số 2, 1999, trang 30-39, và *Tri thức là gì ?*, *Tạp chí Xã hội học*, 1998, Số 4, trang 10-16.

(**) Về tri thức, đặc biệt là các đặc điểm của tri thức đời thường và vai trò ngày càng to lớn của chúng trong kinh tế, có thể tham khảo thêm bài Tri thức là gì ?, đã dẫn ở trên.

XÂY DỰNG MỘT NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ Ở VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

PGS. TS. VÕ ĐẠI LƯỢC
Viện trưởng Viện Kinh tế thế giới
Trung tâm KHXH & NV Quốc gia

Trong giai đoạn hiện nay, cũng như trong một tương lai xa hơn hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam có nghĩa là Việt Nam phải tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực như AFTA, APEC, WTO...; phát triển các quan hệ thương mại và đầu tư rộng rãi với mọi quốc gia, đặc biệt là các trung tâm kinh tế thế giới; mở rộng sự hợp tác với các công ty xuyên quốc gia. Phát triển các mối quan hệ này sẽ dẫn đến một kết cục là: các hàng rào thuế quan và phi thuế quan phải giảm thiểu theo các nguyên tắc của các tổ chức trên; các công ty nước ngoài được phép vào Việt Nam hoạt động một cách bình đẳng với các công ty Việt Nam và ngược lại các công ty Việt Nam cũng được phép hoạt động bình đẳng tại các nước đối tác. Trong điều kiện đó việc xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ nên được hiểu như thế nào là thích hợp.

Nền kinh tế độc lập tự chủ đã được hiểu một cách khác nhau qua các giai đoạn lịch sử. Có thể đã có những cách hiểu về một nền kinh tế độc lập tự chủ sau đây:

1. Nền kinh tế độc lập tự chủ trong mô hình kinh tế hướng nội hay thay thế nhập khẩu

Mô hình kinh tế hướng nội hay thay thế nhập khẩu đã tồn tại trong những điều kiện lịch sử nhất định: chủ nghĩa thực dân cũ và mới lộng hành, luôn đặt các quốc gia trước nguy cơ bị xâm lăng, sự

đối đầu giữa các siêu cường đã gây ra một cuộc chiến tranh lạnh kéo dài và đặt các quốc gia trước nguy cơ của các cuộc chiến tranh, do vậy để đối phó với những nguy cơ đó một nền kinh tế độc lập tự chủ đã được hiểu là một nền kinh tế có khả năng tự đảm bảo các nhu cầu của đất nước, càng nhiều càng tốt. Một cơ cấu hoàn chỉnh, hoặc tương đối hoàn chỉnh là quốc sách của mô hình này. Trong đó những ngành công nghiệp nặng, đặc biệt là những ngành công nghiệp nền tảng gồm năng lượng, sản xuất các nguyên liệu cơ bản như sắt thép, hoá chất, lọc dầu, xi măng... được đặc biệt chú trọng từ đầu. Quan điểm ưu tiên phát triển công nghiệp nặng đặc biệt là ngành cơ khí, chế tạo máy, cũng chính là quan điểm của mô hình này. Quan điểm cơ cấu ngành của nền kinh tế độc lập tự chủ theo mô hình này nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc tự đảm bảo các nhu cầu trong nước, dù phải chịu những bất lợi về hiệu quả, và hầu như không tính tới những lợi thế so sánh quốc tế. Nhà nước sẵn sàng xây dựng các nhà máy luyện kim, lọc dầu, hoá chất... để tự đảm bảo nhu cầu trong nước, không kể giá thành cao, cũng không tính tới sự dư thừa các sản phẩm này trong khu vực. Ưu tiên hàng đầu là không phụ thuộc vào bên ngoài. Do vậy Nhà nước phải tìm kiếm các nguồn tài chính, tận thu cao để tăng thu cho ngân sách, phát hành công trái nhiều để vay của dân và cả nước ngoài, vay nợ các ngân hàng và tổ chức tài chính quốc tế, các chính phủ, kể cả phải phát hành thêm giấy bạc... Nguồn tài chính trên đây sẽ được chính phủ sử dụng để xây dựng các nhà máy, mua các thiết bị, nguyên vật liệu, v.v... và phải thừa nhận là tình trạng tham nhũng lãng phí thường xảy ra khá nghiêm trọng ngay trong quá trình xây dựng, mua sắm thiết bị. Khi nhà máy được xây cất xong, thì giá thành thực tế của nó đã cao hơn giá thị trường, và đương nhiên nó phải được tính vào chi phí khấu hao của các sản phẩm làm ra.

Thực tế ở nhiều nước cho thấy, những ngành công nghiệp và các xí nghiệp nhà nước này được xây dựng lên thường có công nghệ lạc hậu (vì không dễ gì mua được công nghệ hiện đại, và vì những hành vi tiêu cực của các quan chức chính phủ), sản phẩm làm ra có giá thành cao, chất lượng thấp, không cạnh tranh được với hàng ngoại. Trong tình hình đó Nhà nước buộc phải thi hành chính sách bảo hộ cao: tăng thuế nhập khẩu, cấm nhập khẩu.

Các ngành công nghiệp này chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước, nên không có xuất khẩu, không có ngoại tệ trả nợ. Trong tình

hình đó Nhà nước phải duy trì giá đồng bạc cao để giảm bớt gánh nợ nước ngoài. Nhưng đồng nội tệ cao giá lại dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng khác: làm tăng giá hàng hoá xuất khẩu và giảm giá hàng nhập khẩu, dẫn tới nguy cơ thu hẹp cả thị trường trong nước và quốc tế, và đã thúc ép chính phủ một lần nữa phải thi hành chính sách bảo hộ cao.

Chính sách bảo hộ cao những ngành công nghiệp trong nước đã gây ra những tác hại to lớn khác:

- *Làm tăng giá các hàng hoá trong nước* gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Để bảo vệ sản xuất công nghiệp trong nước, phải đánh thuế nhập khẩu cao, làm cho giá hàng nhập khẩu tăng cao, nâng mặt bằng giá cả trong nước luôn cao hơn giá quốc tế. Do vậy nhân dân phải mua các sản phẩm tiêu dùng với giá cao, làm hại lợi ích của họ, đồng thời giảm sức mua, có hại cho cả sản xuất. Người ta đã dẫn ra nhiều ví dụ: nếu nhà nước đánh thuế nhập khẩu 60% vào mặt hàng xe máy, do vậy người tiêu dùng phải mua xe máy đắt lên 60%, và sức mua của dân về xe máy cũng giảm đi 60%, ảnh hưởng đến sản xuất xe máy. Nghĩa là chính sách này đã bảo vệ được lợi ích của một nhóm người sản xuất, thì lại làm hại đến lợi ích của đông đảo người tiêu dùng và cả người sản xuất nữa. Các tính toán về giá trị kinh tế cho thấy là thiệt hại chung cho xã hội đã lớn hơn nhiều so với lợi ích của nhóm người được bảo hộ.

- *Duy trì bảo hộ tình trạng lạc hậu về công nghệ tổ chức quản lý.* Các ngành được bảo hộ cao đã duy trì được mức lợi nhuận đáng ra không có, do vậy họ không cần đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý. Sự lạc hậu kéo dài của các ngành này đã làm cho nền kinh tế đất nước bị tụt hậu xa hơn so với các quốc gia khác.

- *Chính sách bảo hộ cao đã làm méo mó môi trường đầu tư.* Do các ngành được bảo hộ luôn có lợi nhuận cao, ổn định, ít rủi ro, nên các nhà đầu tư đổ xô vào các ngành này, trốn khỏi các ngành phải đối mặt với cạnh tranh quốc tế. Nền kinh tế đất nước sẽ phát triển méo mó thiên lệch về những ngành được bảo hộ, kém hiệu quả. Những ngành này càng ngày càng nhiều đã hình thành ra một nhóm lợi ích chống lại hội nhập quốc tế.

- *Hạn chế việc mở rộng thị trường.* Thực tế cho thấy, một quốc gia càng bảo hộ cao bao nhiêu, thì thị trường của quốc gia đó càng bị thu hẹp bấy nhiêu. Lý do là do bảo hộ cao, nên giá cả các sản

phẩm trong nước làm ra cao hơn giá quốc tế, không có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Mặt khác do thuế nhập khẩu cao, giá hàng bên ngoài thấp hơn trong nước, nên tình trạng buôn lậu sẽ phát triển, thường trở thành quốc nạn, không kiểm soát được. Hàng ngoại đã ngấm ngấm chiếm lĩnh thị trường nội địa.

Nền kinh tế độc lập tự chủ với những đặc trưng trên đây của mô hình kinh tế hướng nội, hay thay thế nhập khẩu đã dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên vào đầu những năm 60 đã dương cao ngọn cờ của chủ nghĩa chủ thể, đã xây dựng ra được một hệ thống công nghệ tương đối hoàn chỉnh, tự đảm bảo tới trên 90% nhu cầu trong nước, đã làm ra các loại xe tải, máy kéo.... Nhưng tất cả các sản phẩm đó đều có chất lượng thấp, giá thành cao, khó tiêu thụ trong nước và không xuất khẩu được, không có ngoại tệ trả nợ và đã lâm vào tình trạng vỡ nợ. Một điều đáng chú ý nữa là, một khi hệ thống công nghệ hướng nội với công nghệ cũ đã được xây dựng, nó tự tạo ra các quan hệ xã hội, các nhóm lợi ích, những lực lượng bảo vệ nó. Do vậy không dễ gì thay đổi hệ thống này theo các hướng khác.

Một nền kinh tế độc lập tự chủ trong mô hình kinh tế hướng nội có một đặc trưng quan trọng nhất là tự đảm bảo các nhu cầu thiết yếu trong nước, để không bị lệ thuộc vào bên ngoài từ hoạch định chiến lược chính sách đến các hàng hoá, dịch vụ, cũng không bị tác động từ bên ngoài bởi các chấn động về chính trị, an ninh, kinh tế...

Thực tế thế giới cho thấy đã không có một quốc gia nào đi theo mô hình kinh tế này đạt được những thành công vững chắc, mà hầu hết đều đã hoặc là thất bại, hoặc là phải trả một cái giá rất đắt, hoặc là lâm vào khủng hoảng, suy thoái, trì trệ kéo dài.

Mô hình kinh tế độc lập tự chủ này đã do những điều kiện lịch sử cụ thể quy định. Trong điều kiện lịch sử cụ thể đó khó có thể có một mô hình kinh tế khác. Song sự không thành công của các nền kinh tế độc lập tự chủ trong các mô hình hướng nội không những đã có hại cho các nước kém phát triển, mà cả các nước phát triển cũng bị thiệt hại. Các nước kém phát triển vốn là nơi cung cấp nguyên, nhiên liệu, là thị trường tiêu thụ của các nước phát triển, nay bị rơi vào suy thoái, khủng hoảng, không ổn định, đã tác động tiêu cực

đến chính các nền kinh tế phát triển. Đây chính là lý do buộc các quốc gia phải tìm kiếm một mô hình phát triển khác, một cách hiểu khác về tính độc lập tự chủ của nền kinh tế.

2. Nền kinh tế độc lập tự chủ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

Trong vài chục năm gần đây, tình hình thế giới đã có những thay đổi rất quan trọng, theo các hướng chủ yếu sau đây:

a) *Xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển đã ngày càng trở thành xu thế chính* thay cho sự đối đầu giữa các siêu cường, sự xung đột, chạy đua vũ trang giữa hai hệ thống xã hội đối lập; các hình thức chủ nghĩa thực dân cũ và mới, các cuộc chiến tranh xâm lược đã bị lên án khắp nơi. Đây là một điều kiện rất quan trọng giúp cho các quốc gia có thể mở cửa đất nước, tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, và do vậy có thể phát triển các quan hệ tùy thuộc lẫn nhau. Mô hình kinh tế phát triển trong xu thế hoà bình, hợp tác đang thay thế cho mô hình kinh tế phát triển trong tình trạng đối đầu và chiến tranh lạnh. Một nền kinh tế được xây dựng trong điều kiện phải luôn ứng phó với các cuộc chiến tranh dù là lạnh đã khác hoàn toàn với một nền kinh tế phát triển trong xu thế hoà bình và hợp tác. Một bên phải thực thi chính sách tự cung tự cấp, công nghiệp phải gắn bó với quốc phòng, khi xây dựng các công trình phải tính đến khả năng chịu đựng được chiến tranh tàn phá v.v..., nghĩa là một nền kinh tế có tính chiến tranh chi phí cao, hiệu quả thấp; còn một bên khác thực thi chính sách hợp tác, hội nhập quốc tế sâu rộng, lấy việc tăng hiệu quả kinh tế, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế là quốc sách hàng đầu.

b) *Xu thế phát triển công nghệ chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức*

Trong những thập kỷ vừa qua sự phát triển của công nghệ đã có những bước tiến hết sức to lớn trên nhiều mặt, đặc biệt là công nghệ thông tin đang chuyển nền kinh tế thế giới từ một nền kinh tế công nghiệp sang một nền kinh tế tri thức với những đặc trưng nổi bật sau đây:

- Các ngành công nghiệp truyền thống, sản xuất ra các hàng hoá vật chất, kể cả các ngành công nghiệp nặng đang ngày càng kém hiệu quả, mất dần vai trò quan trọng của chúng đối với sự

phát triển kinh tế. Trong mấy năm gần đây các sản phẩm không kể dầu mỏ đã liên tục bị giảm giá, đã giảm giá tới trên 30%, do vậy những ngành này đang lâm vào tình trạng khó khăn ở khắp nơi. Sản phẩm của các ngành này dù đã phải hạ giá tới trên 30% mà vẫn khó bán. Lợi thế về tài nguyên đã ngày càng giảm. Giá của các tài nguyên trong thập kỷ 90 đã giảm 60% so với thập kỷ 70. Lợi thế về các nguồn vốn cũng đã giảm, vì người ta hiện có thể dễ dàng vay được vốn, do thị trường vốn đã được toàn cầu hoá. Trong điều kiện đó những quốc gia phát triển đang muốn chuyển dần các ngành công nghiệp truyền thống tiêu hao nhiều tài nguyên, sử dụng nhiều vốn đã mất lợi thế cạnh tranh sang các nước kém phát triển. Do vậy chính sách của các quốc gia kém phát triển phải tính tới sự chọn lựa xây dựng các ngành này một cách thận trọng.

- Các ngành kinh tế tri thức phát triển với tốc độ cao và hiệu quả.

Trong điều kiện hiện nay, các lợi thế về tài nguyên, nguồn vốn, lao động phổ thông đang giảm dần, và lợi thế về tri thức và kỹ năng đang tăng lên. ở Mỹ tỷ lệ đóng góp của ngành sản xuất điện tử - tin học cho tăng trưởng kinh tế lên đến 45% trong 3 năm qua, còn mức đóng góp của ngành xây dựng và xe hơi vốn là trụ cột của kinh tế Mỹ chỉ còn 14% và 4%. Thời kỳ tăng trưởng cao kéo dài gần 10 năm qua ở Mỹ chính đã dựa vào sự mở rộng các ngành kinh tế tri thức. ở các nước OECD, sản lượng và việc làm đã được mở rộng rõ rệt ở những ngành công nghệ cao, những ngành kinh tế tri thức. Hiện khoảng 50% GDP của các nước OECD là đã dựa trên tri thức. Lợi nhuận của các hãng Intel, Microsoft đã đạt mức 24% doanh thu kéo dài trong nhiều năm, trong khi lợi nhuận của các hãng thuộc các ngành công nghiệp truyền thống chỉ đạt ở mức trên 10% năm, thậm chí còn thấp hơn. Thực tế trên đây cho thấy các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp nặng then chốt vốn được xem là trụ cột của các quốc gia với các ông vua thép, vua dầu lửa, vua ô tô v.v... đang ngày càng lùi vào dĩ vãng, nhường chỗ cho các ngành kinh tế mới - các ngành kinh tế tri thức.

c) Xu hướng toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế phát triển nhanh chóng

Xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế phát triển nhanh chóng sẽ dẫn tới hệ quả là: biên giới kinh tế của các quốc gia

sẽ ngày càng giảm, do hàng rào thuế quan và phi thuế quan sẽ bị bãi bỏ dần, một nền kinh tế toàn cầu không biên giới sẽ xuất hiện, các quan hệ tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế quốc gia sẽ phát triển, các thể chế kinh tế toàn cầu sẽ hình thành v.v... Trong điều kiện đó, một nền kinh tế muốn không lệ thuộc vào bên ngoài, muốn tự đảm bảo lấy các nhu cầu thiết yếu, chắc chắn là sẽ không có chỗ đứng chân. Một nền kinh tế phát triển hiệu quả sẽ phải là một nền kinh tế gồm những ngành có lợi thế cạnh tranh cao, và đương nhiên là phải tùy thuộc vào thị trường thế giới.

Trong điều kiện nền kinh tế thế giới phát triển với những đặc trưng chủ yếu trên đây, mô hình phát triển kinh tế theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế đang xuất hiện. Mô hình này khác hẳn mô hình kinh tế hướng nội: một bên lấy thị trường toàn cầu trong đó có thị trường quốc gia làm căn cứ để phát triển các ngành kinh tế có lợi thế cạnh tranh cao; một bên lấy thị trường trong nước, làm căn cứ chính để phát triển những ngành đáp ứng các nhu cầu chủ yếu của đất nước không tính tới các lợi thế cạnh tranh quốc tế. Đương nhiên là việc xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ trong mô hình phát triển kinh tế theo hướng hội nhập quốc tế cũng khác với cách hiểu độc lập tự chủ trong mô hình kinh tế hướng nội.

Độc lập tự chủ trong mô hình kinh tế theo hướng hội nhập quốc tế chấp nhận *sự tùy thuộc lẫn nhau trên cơ sở cùng có lợi và bình đẳng* trong quan hệ giữa các quốc gia. Sự tùy thuộc lẫn nhau này, diễn ra trên hầu hết các lĩnh vực từ hoạch định chính sách phát triển, thể chế kinh tế vĩ mô, đến cả sự hình thành các ngành kinh tế, các công ty. Ta hãy lấy Liên minh châu Âu làm ví dụ. Liên minh châu Âu hiện đã có đồng tiền chung, các quốc gia thành viên phải đảm bảo duy trì một mức thâm hụt ngân sách và lạm phát chung, hàng rào thuế quan và phi thuế quan đã hoàn toàn được bãi bỏ, các công ty được tự do kinh doanh trong tất cả các nước thành viên, vốn và lao động được tự do lưu chuyển trong khối v.v... Trên thực tế, các quốc gia thành viên EU đã có các chính sách chung về tiền tệ, thương mại và đầu tư... các ngành kinh tế, các công ty của các quốc gia này đã có sự phân công, liên kết chặt chẽ với nhau. Trong mô hình kinh tế này các quốc gia tuy vẫn có quyền tự chủ, đồng ý tham gia hay không đồng ý tham gia, và khi đã tham gia vẫn còn có quyền tự chủ lựa chọn các ngành kinh tế có lợi thế nhất cho mình,

các hình thức kinh doanh, các tổ chức kinh doanh thích hợp, v.v..., nhưng tất cả đều phải tuân thủ các cam kết chung.

Trong mô hình kinh tế trên, các quốc gia không đại gì xây dựng ra một cơ cấu kinh tế hoàn chỉnh, và ngay một ngành hoàn chỉnh cũng không có. Ta có thể lấy ngành sản xuất ô tô làm ví dụ: Không một quốc gia châu Âu nào kể cả Cộng hoà Liên bang Đức có thể sản xuất 100% các linh kiện của ô tô, vì làm như vậy là đại dột, không có hiệu quả. Các quốc gia sản xuất ô tô chỉ sản xuất khoảng 30%-40% linh kiện, những sản phẩm có lợi thế nhất, còn lại họ nhập khẩu của các quốc gia khác. Ngay công ty Boeing của Mỹ cũng đã nhập khẩu hàng loạt linh kiện từ hàng chục quốc gia khác.

Ngay các quốc gia có nhiều ngành công nghiệp nền tảng khá phát triển như Nhật, mà vẫn phụ thuộc vào bên ngoài một cách đáng sợ. Nhật phải nhập 100% dầu mỏ để có ngành hoá dầu, và năng lượng điện, nhập khẩu phần lớn quặng sắt để có ngành luyện kim, nhập khẩu phần lớn bằng phát minh sáng chế để có ngành công nghiệp chế tạo... Nếu có chiến tranh xảy ra, các hoạt động nhập khẩu này chỉ bị ngưng trệ một vài tuần thôi, thì những ngành công nghiệp trên sẽ hoàn toàn tê liệt, và nền kinh tế Nhật làm sao tránh khỏi chấn động và tổn thất. Nếu sự phụ thuộc này, nước Nhật sẽ không thể phát triển được. Nhưng để bù lại, Nhật lại xuất khẩu ô tô, hàng điện tử và nhiều loại hàng chất lượng cao khác, buộc các quốc gia khác lệ thuộc vào Nhật về các mặt hàng này. Chính mối quan hệ lệ thuộc lẫn nhau này đã làm cho kinh tế Nhật có thể đứng vững ngay trong cả cuộc khủng hoảng dầu lửa đã xảy ra trong những năm 70.

Vậy trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế phát triển, một nền kinh tế độc lập tự chủ phải có những chuẩn mực gì? Có ý kiến đã nêu ra quá nhiều chuẩn mực, nào là không lệ thuộc vào bên ngoài trong việc hoạch định các chiến lược, chính sách phát triển, nào là có thể tự đứng vững, giữ ổn định trước mọi biến động ở bên ngoài, nào là phải giữ được an ninh lương thực, năng lượng, môi trường, đảm bảo có tích lũy, có các ngành công nghiệp nền tảng, có kinh tế vĩ mô ổn định, v.v... Trên thực tế khó có thể có một nền kinh tế độc lập tự chủ lý tưởng như vậy. Đến như nền kinh tế Mỹ, đứng hàng đầu thế giới, hùng mạnh là vậy, cũng không tránh khỏi các cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ, cũng lệ thuộc nghiêm trọng vào

các nguồn nguyên nhiên liệu thị trường của các quốc gia khác, cũng bị các quốc gia khác ép phải mở cửa thị trường, ép phải mua dầu mỏ với giá cao, v.v.. Một nền kinh tế nhỏ như Singapo, chỉ phát triển các ngành dịch vụ tàu biển, tài chính, tiền tệ, bảo hiểm, và một số ngành công nghiệp lắp ráp..., không có nhiều ngành công nghiệp nền tảng, nhập khẩu hầu như toàn bộ nguyên, nhiên liệu, đến nước ngọt cũng phải nhập khẩu 100% từ Malaixia. Thế mà nền kinh tế Singapo vẫn phát triển và không thể nói là nó không độc lập tự chủ.

Theo chúng tôi, độc lập tự chủ trong điều kiện hiện nay có thể có những đặc trưng sau:

Trước hết, và quan trọng nhất là phải đảm bảo lợi ích phát triển của quốc gia ở mức cao nhất có thể được.

Có thể có một nền kinh tế không lệ thuộc gì vào bên ngoài, tự đảm bảo được các nhu cầu chủ yếu, và do vậy cũng ít chịu các tác động của các biến động ở bên ngoài. Nền kinh tế của CHDCNT Triều Tiên hiện vẫn còn những dáng dấp này. Do vậy cuộc khủng hoảng tiền tệ tài chính khu vực năm 1997 không tác động gì tới kinh tế Bắc Triều Tiên. Nhưng sự tụt hậu của Bắc Triều Tiên so với Nam Triều Tiên và thế giới thì thật đáng sợ. Độc lập tự chủ trong vòng lạc hậu như vậy sẽ ít ý nghĩa.

Các mối quan hệ của một nước với các nước khác phải được xem xét đánh giá trên tiêu chuẩn có đảm bảo được lợi ích phát triển của đất nước không? Đó mới là mục tiêu cho mọi chiến lược phát triển. Trong điều kiện hội nhập quốc tế tiến triển như hiện nay, mọi nền kinh tế ngày càng tùy thuộc nhiều hơn vào bên ngoài. Nhưng nếu sự tùy thuộc nhiều hơn đó đảm bảo tốt hơn cho lợi ích phát triển quốc gia, thì không có lý gì lại không chấp nhận. Nền kinh tế nước ta trong thời kỳ đổi mới đã ngày càng tùy thuộc hơn vào bên ngoài, kim ngạch xuất nhập khẩu năm 1999 của nước ta đã chiếm tới trên 90% GDP, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã chiếm khoảng 28% tổng đầu tư xã hội, nghĩa là về hai chỉ số trên nước ta đã được xếp hàng đầu trong các nước đang phát triển. Nếu cách đây 15 năm cũng về hai chỉ số trên nước ta đã đứng hàng cuối, nghĩa là nền kinh tế nước ta đã ít bị lệ thuộc vào bên ngoài nhất và cũng là kém phát triển nhất và đã lâm vào khủng hoảng. Nhưng rõ ràng thời kỳ nền kinh tế nước ta ràng buộc vào bên ngoài nhiều hơn, là thời kỳ

phát triển và tiến bộ hơn, các lợi ích phát triển của đất nước được đảm bảo tốt hơn, và tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế cũng cao hơn trước.

Thứ hai, *sức cạnh tranh của nền kinh tế phải được cải thiện và tăng dần*. Sức cạnh tranh này phải được thể hiện các mặt:

- Thể chế chính trị, kinh tế, xã hội phải đủ mạnh, đủ tạo ra một môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, chi phí thấp, rủi ro thấp, khả năng sinh lợi lớn.

- Cơ cấu kinh tế gồm những ngành có khả năng cạnh tranh cao, có khả năng tự điều chỉnh, tự rút lui khỏi những ngành kém khả năng cạnh tranh.

- Cơ cấu doanh nghiệp cũng phải bao gồm những doanh nghiệp có sức mạnh công nghệ và trí lực, đủ sức cạnh tranh trên thương trường trong nước và quốc tế.

- Nguồn nhân lực trong nước phải được đào tạo tốt và phát triển, sử dụng có hiệu quả.

Biểu hiện tập trung của sức cạnh tranh của nền kinh tế là ở chất lượng và giá thành của sản phẩm và dịch vụ của đất nước. Nếu sản phẩm và dịch vụ của một quốc gia có giá thành cao, chất lượng thấp, thì sẽ không tiêu thụ được ở cả thị trường trong nước và bên ngoài. Kết cục sẽ dẫn đến là nền kinh tế của quốc gia đó sẽ lâm vào suy thoái, khủng hoảng, tụt hậu kéo dài. Trong điều kiện đó khó có thể nói đến độc lập và tự chủ. Còn như một nền kinh tế làm ra các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, giá lại thấp, có thể chiếm lĩnh cả thị trường trong nước và quốc tế, tạo ra thu nhập ngoại tệ, dự trữ ngoại tệ lớn, có thể nhập khẩu nhiều loại hàng hoá và dịch vụ đáp ứng các nhu cầu trong nước. Một nền kinh tế có sức cạnh tranh cao như vậy trong điều kiện hội nhập kinh tế hiện nay là một nền kinh tế có tính độc lập và tự chủ cao.

Thứ ba, *có khả năng ứng phó có hiệu quả với những chấn động chính trị, kinh tế, xã hội bên ngoài*.

Những chấn động bên ngoài có thể là: một cuộc chiến tranh từ bên ngoài tới, một cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực hay thế giới, v.v...

Chiến lược tốt nhất của một quốc gia là cố tránh tham gia những cuộc chiến tranh ở bên ngoài và tránh để xảy ra xung đột và chiến tranh ở trong nước. Còn một khi chiến tranh đã bùng nổ, đã tham chiến, thì nhất định đất nước sẽ bị tàn phá nhất là trong điều kiện chiến tranh hiện đại ngày nay. Song một nền kinh tế có sức cạnh tranh cao, có dự trữ ngoại tệ lớn, sẽ có sức chịu đựng cao hơn các nền kinh tế lạc hậu khác. Một nền kinh tế hội nhập quốc tế cao, lợi ích quốc gia đan xen chặt chẽ với lợi ích của nhiều quốc gia khác, nhiều trung tâm kinh tế, thì sẽ có nhiều khả năng kết hợp sức mạnh quốc gia với sức mạnh quốc tế để bảo vệ đất nước tốt hơn.

Một cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới hay khu vực nổ ra đương nhiên sẽ tác động đến mọi nền kinh tế tham gia với các mức độ khác nhau. Một nền kinh tế ít tham gia hội nhập quốc tế có thể sẽ chịu tác động ít hơn. Nhưng khả năng ứng phó với cuộc khủng hoảng lại tùy thuộc lớn hơn vào sức cạnh tranh của nền kinh tế và mức độ gắn kết lợi ích quốc gia và quốc tế. Chẳng hạn, sức cạnh tranh của các nền kinh tế Hồng Kông, Singapo lớn, có dự trữ ngoại tệ lớn, nên đã hạn chế được tác động xấu của cuộc khủng hoảng khu vực năm 1997. Các quốc gia Thái Lan, Hàn Quốc, Indônêxia vì là thành viên của IMF và lợi ích của các quốc gia này đã liên kết khá chặt chẽ với lợi ích quốc tế, nên IMF đã hỗ trợ tài chính khá lớn cho các quốc gia này. Dù như hiện còn có nhiều ý kiến khác nhau về các giải pháp mà IMF áp đặt cho các quốc gia trên, nhưng phải thừa nhận là hàng chục tỷ USD mà IMF hỗ trợ cho các quốc gia này vào thời điểm khủng hoảng là rất quan trọng.

Dù một nền kinh tế đã hội đủ ba đặc trưng trên đây, vẫn cần có những biện pháp phòng ngừa - phòng ngừa chiến tranh, phòng ngừa những cuộc khủng hoảng từ bên ngoài tác động, phòng ngừa các chấn động chính trị kinh tế xã hội. Những biện pháp phòng ngừa này bao gồm:

- *Chính sách ngoại giao phòng ngừa* - là chính sách thực hiện các cuộc tiếp xúc, trao đổi, các Hội nghị thượng đỉnh, Hội nghị các cấp, Hội nghị các chuyên gia ... thường xuyên nhằm trao đổi thông tin, thảo luận những vấn đề bất đồng, thảo luận các chính sách, các giải pháp an ninh quốc tế và khu vực để tránh các cuộc xung đột đáng tiếc có thể xảy ra.

- *Các giải pháp ngăn ngừa các cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính khu vực và quốc tế.* Các giải pháp này bao gồm sự trao đổi thông tin đầy đủ, công khai về tình hình kinh tế vĩ mô, đặc biệt là về tiền tệ và tài chính, các dự báo triển vọng để các quốc gia biết và có đối sách thích hợp; tăng cường khả năng tư vấn và hỗ trợ về tài chính của các tổ chức IMF, WB, ADB và các quỹ khác, v.v...

- *Duy trì hệ thống dự trữ quốc gia hợp lý.* Trong hệ thống dự trữ quốc gia, dự trữ ngoại tệ là quan trọng nhất, vì có ngoại tệ có thể mua được các thứ hàng hoá dịch vụ cần thiết, ngay cả trong điều kiện bị cấm vận. Các dự trữ sản phẩm vật chất như gạo, xăng dầu v.v... phải có mức độ tùy theo điều kiện thương mại quốc tế cụ thể.

- Thực hiện chính sách gắn kết lợi ích của nước ta với lợi ích của các quốc gia khác, đặc biệt là các trung tâm kinh tế lớn, các nước láng giềng, các tổ chức kinh tế quốc tế... Sự gắn kết lợi ích này sẽ buộc các quốc gia khác để bảo vệ lợi ích của họ, họ phải bảo vệ lợi ích của nước ta.

Kết luận

Không có gì có thể tồn tại vĩnh cửu. Nhận thức của con người đối với các sự vật phải thay đổi với những điều kiện lịch sử cụ thể thay đổi. Nhận thức về một nền kinh tế độc lập tự chủ ngày nay không thể vẫn là những nhận thức của những năm 50 và 60. Cần có nhận thức mới thích hợp với điều kiện mới. Chính những nhận thức mới này sẽ mở đường cho thực tiễn phát triển.